

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

Chủ tịch

PGS.TS NGUYỄN HỒNG SƠN

Các Ủy viên

TS. NGUYỄN ĐỨC HIỂN

THS. LÊ THANH TÙNG

THS. BÙI QUỐC DŨNG

TS. ĐẶNG ĐỨC LONG

TS. NGUYỄN TÚ ANH

THS. NGUYỄN VĂN TIẾN

THS. HÀ HẢI AN

TS. ĐOÀN NGỌC XUÂN

PGS.TS NGÔ TRÍ TUỆ

GS.TS. LÊ QUỐC HỘI

PGS.TS. PHAN CHÍ ANH

Tổng Biên tập:

PGS.TS. Ngô Trí Tuệ

Thư ký Tòa soạn:

Đặng Việt Dũng

Tòa soạn:

Tầng 9, tòa nhà A3,

phố Nguyễn Cảnh Chân,

quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 080 44754

Mỹ thuật:

Mai Văn Bình

SỐ ĐẶC BIỆT

GẮN VỚI DIỄN ĐÀN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐÔ THỊ VIỆT NAM

PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BỀN VỮNG THEO HƯỚNG ĐÔ THỊ XANH, THÔNG MINH,
THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU,
PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ DỊCH BỆNH

4. TS. TRẦN TUẤN ANH

Đô thị hóa và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo tinh thần của Nghị quyết 06-NQ/TW, ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị

HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, QUY HOẠCH, XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

10. NGUYỄN THANH NGHỊ

Xây dựng chương trình hành động thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/1/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

16. NGUYỄN NGỌC ĐÔNG

Nhiệm vụ và giải pháp phát triển hạ tầng giao thông đô thị đồng bộ, hiện đại thích ứng với biến đổi khí hậu theo tinh thần Nghị quyết 06-NQ/TW

21. LÊ DUY THĂNG

Nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế về chính quyền đô thị theo yêu cầu của Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị





25. PHẠM ĐỨC LONG

Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng hạ tầng số và bảo đảm gắn kết đồng bộ giữa quá trình chuyển đổi số của địa phương với công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững theo tinh thần Nghị quyết 06 - NQ/TW, ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị

28. LÊ CÔNG THÀNH

Biến đổi khí hậu và các vấn đề đặt ra đối với công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị của các địa phương

37. PHAN VĂN MÃI

Nhiệm vụ và giải pháp phát triển đô thị bền vững và kinh tế đô thị Thành phố Hồ Chí Minh theo tinh thần của Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, quản lý, xây dựng và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

43. LÊ QUANG MẠNH

Nhiệm vụ, giải pháp và các đề xuất, kiến nghị phát triển thành phố Cần Thơ trở thành đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai, dịch bệnh theo tinh thần Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XIII

THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BỀN VỮNG TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG

31. DƯƠNG ĐỨC TUẤN

Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị theo tinh thần Nghị quyết 06 của Bộ Chính trị

46. ĐẶNG QUỐC KHÁNH

Nhiệm vụ, giải pháp và các kiến nghị, đề xuất để phát triển đô thị bền vững theo hướng đô thị xanh, thông minh, giàu bản sắc tại Hà Giang



Ảnh bìa 1: Ngày 18/5, Thường trực Ban Bí thư Trung ương Đảng đã tổ chức Hội nghị toàn quốc quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về "Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045" theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến. Đồng chí Võ Văn Thương, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư chủ trì và phát biểu chỉ đạo Hội nghị. Đồng chủ trì có các đồng chí: Trần Tuấn Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương; Nguyễn Trọng Nghĩa, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương; Lê Văn Thành, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ.



ISSN 1859-1493

49. NGUYỄN VĂN PHƯƠNG

Bảo tồn, phát huy giá trị di sản cổ đô và bản sắc văn hóa Huế trong tiến trình xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương

54. NGUYỄN TƯỜNG VÂN

Nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý đô thị bền vững theo tinh thần Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị - Kinh nghiệm thực tiễn từ Quảng Ninh

KINH NGHIỆM THỰC TIỄN - GÓC NHÌN TỪ TỔ CHỨC QUỐC TẾ VÀ DOANH NGHIỆP TRONG NƯỚC

58. CLÉMENT LARRUE, ANTOINE MOUGENOT, QUENTIN LEBÈGUE, AFD

Dung hòa giữa thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng trưởng đô thị: Mô hình nào cho các thành phố Việt Nam chống chịu phục hồi với biến đổi khí hậu

67. TÔ DŨNG THÁI

Xây dựng chính quyền điện tử tiến tới chính quyền số - Giải pháp quản trị đô thị thông minh hiệu quả



Đồng chí Trần Tuấn Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương trả lời phỏng vấn Đài Truyền hình Việt Nam về Nghị quyết 06-NQ/TW của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Ảnh: Thành Trung

ĐÔ THỊ HÓA VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐÔ THỊ VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 THEO TINH THẦN CỦA NGHỊ QUYẾT 06-NQ/TW, NGÀY 24/01/2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

● TS. TRẦN TUẤN ANH(*)

Đô thị hóa là quá trình tất yếu khách quan và một động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Để Việt Nam trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và trở thành nước phát triển có thu nhập cao

vào năm 2045, yêu cầu đặt ra là phải thúc đẩy nhanh và nâng cao chất lượng đô thị hóa gắn với xây dựng và phát triển đô thị bền vững, bảo đảm sự đồng bộ giữa quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng nông thôn mới với quá trình đô thị hóa.

Thực hiện nhiệm vụ được Bộ Chính trị giao, Ban Kinh tế Trung ương đã chủ trì, phối hợp với các ban, bộ, ngành Trung ương và cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng Đề án trình Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 24/01/2022 về “Quy hoạch, xây

(*) Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương, Trưởng Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án

dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” (Nghị quyết 06). Đây là nghị quyết chuyên đề đầu tiên của Đảng về đô thị hóa và phát triển đô thị, có ý nghĩa và vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong thời gian tới.

Bài viết này tập trung phân tích, đánh giá về thực trạng đô thị hóa và phát triển đô thị Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và làm rõ về những quan điểm, định hướng chỉ đạo của Đảng nêu tại Nghị quyết 06 của Bộ Chính trị⁽¹⁾.

I – Thực trạng đô thị hóa và phát triển đô thị Việt Nam

Trong giai đoạn 2011-2020, quá trình đô thị hóa và phát triển đô thị ở nước ta được đẩy mạnh và đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận, cụ thể là:

Thứ nhất, tỷ lệ đô thị hoá xác định theo địa bàn có chức năng đô thị đã tăng từ 30,5% năm 2010 lên gần 40% năm 2020⁽²⁾. Tỷ lệ tăng dân cư đô thị trung bình của nước ta trong giai đoạn 2010-2020 là 3,1%/năm, cao hơn so với mức trung bình của các quốc gia Đông Nam Á (2,5%/năm). Không gian đô thị nước ta ngày một mở rộng; số lượng đô thị tăng nhanh và phân bố tương đối đồng đều trên cả nước: đến cuối năm 2020, cả nước có tổng số 862 đô thị, tăng 14% so với năm 2010; các chuỗi, chùm đô thị được hình thành và phân bố tương đối hợp lý trên 6 vùng kinh tế - xã hội của quốc gia, dọc

hành lang biên giới, ven biển, hải đảo và trên các tuyến hành lang Đông - Tây. Quá trình đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ nhất tại 2 vùng kinh tế - xã hội quan trọng, vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Đông Nam Bộ.

Thứ hai, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư theo hướng ngày càng đồng bộ và hiệu quả hơn, chất lượng được nâng cao; số lượng và chất lượng nhà ở được cải thiện. Hạ tầng khung diện rộng trong các lĩnh vực như giao thông, năng lượng, viễn thông, thủy lợi, đô thị, thương mại... được tập trung đầu tư, hoàn thành và đưa vào khai thác; nhiều công trình đường cao tốc, quốc lộ, các tuyến vành đai tại các đô thị lớn, cảng hàng không, cảng biển quan trọng, quy mô lớn được xây dựng và nâng cấp đã góp phần làm tăng khả năng kết nối giữa các vùng, miền trong cả nước và giao thương quốc tế. Hệ thống giao thông công cộng được quan tâm phát triển, đặc biệt hệ thống giao thông công cộng vận tải khối lượng lớn tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh từng bước được hình thành. Hạ tầng cấp nước, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chiếu sáng, cây xanh được cải thiện. Hạ tầng số của Việt Nam cơ bản đạt trình độ tiên tiến trong khu vực ASEAN, Internet băng thông rộng phủ 100% các xã, phường. Hạ tầng xã hội tại đô thị bao gồm giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học, công nghệ, văn hóa, thể thao, du lịch, thương mại và dịch vụ ... tại các đô thị được quan tâm

đầu tư.

Thứ ba, đô thị hóa và phát triển đô thị tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đô thị hóa đã tạo ra khu vực đô thị với không gian kinh tế được mở rộng và môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, hạ tầng phát triển, nguồn lao động dồi dào và thị trường lớn, từ đó tạo điều kiện cho phát triển các ngành công nghiệp và dịch vụ, thu hút FDI và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, nâng cao năng suất, chất lượng tăng trưởng kinh tế⁽³⁾. Đô thị hóa nhanh đã kéo theo

(1) Nội dung bài viết được kế thừa từ kết quả nghiên cứu của Đề án “Đô thị hóa, phát triển đô thị và phát triển kinh tế đô thị” do Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp các bộ, ngành và cơ quan liên quan xây dựng.

(2) Tính theo phương pháp của OECD-EU

(3) Năng suất lao động toàn xã hội năm 2019 tăng 151% so với năm 2010; mức đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 45%, cao hơn nhiều so với mức bình quân 33,58% của giai đoạn 2011-2015; bình quân giai đoạn 2016-2019 hệ số ICOR đạt 6,14, thấp hơn so với hệ số 6,25 của giai đoạn 2011-2015.

(4) Giai đoạn 2009-2019, tỷ trọng luồng di cư nông thôn - thành thị chiếm khoảng 27,5%. Kết quả Tổng điều tra năm 2019 cho thấy, yếu tố di cư góp phần làm cho dân số thành thị tăng thêm 1,2 triệu người, chiếm 3,5% dân số thành thị.

luồng di cư nông thôn - thành thị⁽⁴⁾ và luồng di cư từ các địa phương có tốc độ đô thị hóa thấp về các địa phương có tốc độ đô thị hóa cao, góp phần làm giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội⁽⁵⁾ và điều tiết hiệu quả lao động.

Thứ tư, chất lượng sống của cư dân đô thị từng bước được nâng cao; thu nhập tăng, tỷ lệ nghèo ngày càng giảm, phúc lợi và tuổi thọ được nâng cao. Tỷ lệ người dân đô thị được cung cấp nước sạch tăng từ 76% năm 2010 lên khoảng 90% năm 2020; tỷ lệ dân số đô thị 15 tuổi trở lên biết đọc, biết viết đạt 98,3%; tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em đạt trên 90% với 12 loại vắc xin. Chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam trong giai đoạn 2010-2019 tiếp tục được cải thiện và xếp hạng cao của nhóm các quốc gia có cùng mức thu nhập; phúc lợi xã hội cho người dân khu vực thành thị được nâng lên. Tỷ lệ thất nghiệp tại đô thị giảm⁽⁶⁾, tuổi thọ tăng lên⁽⁷⁾.

Thứ năm, kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng ở mức cao, đóng góp tỷ trọng ngày càng lớn vào kinh tế chung của địa phương, vùng và cả nước; Tài chính cho phát triển đô thị từng bước được củng cố; số lượng các tỉnh, thành phố tự chủ tài chính tăng lên. Ước tính tăng trưởng kinh tế khu vực đô thị bình quân ở mức 12-15%/năm, gấp 1,2 đến 1,5 lần tăng trưởng của nền kinh tế. Trong đó, 5 thành phố trực thuộc Trung ương mặc dù chỉ chiếm 2,9% về

diện tích và khoảng 22% về dân số nhưng năm 2020 đã đóng góp tới 46,8% GDP cả nước, thu hút 30% tổng số vốn FDI lũy kế, 32,8% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước. Sự phát triển kinh tế của các đô thị góp phần quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế cả nước theo hướng giảm dần tỷ trọng nông lâm thủy sản và tăng tỷ trọng đóng góp của khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Môi trường đầu tư kinh doanh tại các đô thị ngày càng được cải thiện; hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp khu vực đô thị tiếp tục được nâng cao. Tài chính cho phát triển đô thị từng bước được củng cố; số địa phương tự chủ được ngân sách và điều tiết về ngân sách Trung ương ngày càng tăng, giai đoạn 2007-2010 có 11 địa phương, giai đoạn 2011-2015 có 13 địa phương, giai đoạn 2016-2020 có 16 địa phương.

Thứ sáu, thể chế, chính sách về đô thị ngày càng được hoàn thiện hơn; tích lũy kinh nghiệm trong quy hoạch, định hướng phát triển và quản lý đô thị. Quản lý nhà nước tại các đô thị có những bước phát triển mới; mô hình chính quyền đô thị được triển khai thí điểm. Nhiều luật cơ bản về quản lý và phát triển đô thị cùng với hệ thống các văn bản dưới luật đã được ban hành; quản lý nhà nước tại các đô thị ngày càng được hoàn thiện; mô hình, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của chính quyền đô thị từng bước được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu quản lý; đã triển khai

thí điểm mô hình chính quyền đô thị đặc thù tại một số đô thị lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng.

Tuy nhiên, bên cạnh các kết quả đạt được, quá trình đô thị hóa và phát triển đô thị tại nước ta cũng bộc lộ một số hạn chế chủ yếu như: (i) Quá trình đô thị hóa diễn ra không đồng đều giữa các vùng, miền⁽⁸⁾, tập trung chủ yếu tại các đô thị lớn⁽⁹⁾; tỷ lệ đô thị hóa đạt được thấp hơn mục tiêu đề ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020⁽¹⁰⁾ và còn khoảng cách khá xa so với tỷ lệ đô thị hóa bình

(5) Tỷ trọng lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tổng số lao động đến năm 2020 khoảng 32,8%, giảm mạnh so với năm 2015 (44%), và năm 2010 (48,2%).

(6) Từ mức 4,3% năm 2010 xuống còn 3,88% năm 2020.

(7) Tuổi thọ trung bình của cả nước tăng từ 73,3 tuổi năm 2015 lên 73,7 tuổi năm 2020, trong đó các vùng có mức độ đô thị hóa lớn có tuổi thọ bình quân cao hơn các vùng khác.

(8) Hai vùng có tỷ lệ đô thị hóa cao nhất là Đồng bằng sông Hồng (64,7%) và Đông Nam Bộ (64,8%), các vùng còn lại có tỷ lệ đô thị hóa dưới 30%.

(9) Quá trình đô thị hóa chủ yếu diễn ra mạnh mẽ ở một số tỉnh, thành phố lớn với 41,9% dân cư đô thị tập trung ở 05 thành phố trực thuộc Trung ương và 55,6% dân cư đô thị tập trung ở 10/63 tỉnh, thành phố cả nước.

(10) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020 xác định mục tiêu tỷ lệ đô thị hóa năm 2020 đạt trên 45%, kết quả thực tế đạt được theo cách tính của Bộ Xây dựng đạt gần 40%, theo cách tính của Tổng Cục Thống kê đạt 36,8%.

quần của khu vực và thế giới⁽¹¹⁾; (ii) Quá trình đô thị hóa chịu ảnh hưởng nhiều của ý chí chủ quan thông qua các quyết định hành chính⁽¹²⁾; đô thị hóa theo chiều rộng là chủ yếu với mật độ thấp và phân tán, gây lãng phí về đất đai⁽¹³⁾, hạn chế tích tụ kinh tế; quá trình di cư tự do gây ra nhiều khó khăn cho công tác quản lý; (iii) Đô thị hóa chưa đồng bộ và chưa thực sự gắn kết chặt chẽ với với công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng nông thôn mới⁽¹⁴⁾; (iv) Hệ thống đô thị phát triển thiếu cân đối, chưa phân định rõ chức năng và chia sẻ trách nhiệm giữa các đô thị, nhất là các đô thị động lực⁽¹⁵⁾; (v) Quy mô, chất lượng hạ tầng đô thị chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển dân số và kinh tế khu vực đô thị; bị quá tải ở các đô thị lớn và chưa bảo đảm thích ứng với biến đổi khí hậu, tính liên kết còn yếu; (vi) Phát triển kinh tế khu vực đô thị còn nhiều hạn chế. Phân bố không gian phát triển kinh tế khu vực đô thị chưa hợp lý, mật độ kinh tế còn thấp. Kinh tế đô thị phụ thuộc vào FDI. Mức độ liên kết ngành và tích tụ trong phát triển kinh tế khu vực đô thị chưa cao và còn nhiều hạn chế. Phát triển thị trường bất động sản chưa gắn với phát huy giá trị, lợi thế của đất đai đô thị và chiến lược phát triển nhà ở; chưa khai thác tốt thị trường bất động sản để phát triển kinh tế khu vực đô thị. Việc xây dựng thương hiệu đô thị cho phát triển kinh tế khu vực đô thị chưa được quan tâm

đúng mức.

II- Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

2.1. Về quan điểm đô thị hóa và phát triển đô thị

Tại Nghị quyết 06, Bộ Chính trị đã đề ra 5 nhóm quan điểm chỉ đạo về đô thị hóa và phát triển bền vững đô thị trong thời gian tới, cụ thể là:

(i) **Nhóm quan điểm thứ nhất** nhấn mạnh vai trò, vị trí và tầm quan trọng của đô thị hóa với sự phát triển kinh tế - xã hội: *“Đô thị hoá là tất yếu khách quan, là một động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững trong thời gian tới”*. Tiếp theo đó, nhấn mạnh nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của hệ thống chính trị về công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị, cụ thể là *“Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; thống nhất nhận thức và hành động trong hoàn thiện thể chế, quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững”*.

(ii) **Nhóm quan điểm thứ hai** đặt ra yêu cầu về công tác quy hoạch từ đổi mới tư duy, lý luận đến phương pháp, tầm nhìn: *“Đổi mới tư duy, lý luận và phương pháp quy hoạch đô thị; bảo đảm quy hoạch đô thị phải có tầm nhìn dài hạn, đồng bộ và hiện đại, lấy con người và chất lượng cuộc sống làm trung tâm; văn hóa và văn minh đô*

thị làm nền tảng phát triển; kết

(11) Tỷ lệ đô thị hóa của Việt Nam thấp hơn tỷ lệ đô thị hóa bình quân 46,5% của ASEAN, 51% của khu vực châu Á và 56% của thế giới, có khoảng cách xa so với tỷ lệ đô thị hóa trung bình 75-80% của các nước phát triển (theo số liệu của Statista, năm 2020 tỉ lệ đô thị hóa của Bắc Mỹ là 82%; Nam Mỹ 79%; châu Âu 75%; châu Đại dương 68%); tỷ lệ đô thị hóa của Việt Nam đứng thứ 7/10 (chỉ cao hơn các nước Lào, Campuchia, Myanmar; các nước có tỉ lệ đô thị hóa cao hơn Việt Nam bao gồm Singapore 100%, Brunei 77,9%; Indonesia 56,0%; Malaysia 76,6%; Thái Lan 50,7%; Philippines 47,1%)

(12) Kết quả điều tra dân cư năm 2019 cho thấy các quyết định hành chính chuyển các xã thành phường, thị trấn và thành lập mới các phường, thị trấn đã chuyển 4,1 triệu người đang là cư dân nông thôn thành cư dân thành thị, tương ứng 12,3% dân số thành thị của cả nước.

(13) Giai đoạn 2010-2020, mật độ dân số trung bình đã giảm từ 18,6 người/ha năm 2010 xuống còn 15,9 người/ha năm 2020; tỉ lệ tăng diện tích đô thị (chỉ tính riêng phần nội thị) giai đoạn 2010-2020 là 1,79 lần trong khi đó dân số đô thị chỉ tăng 1,5 lần từ 26,04 triệu người lên 39,04 triệu.

(14) Số lượng các khu công nghiệp tại các đô thị đã tăng lên nhanh chóng, năm 2010 có 261 khu công nghiệp, đến năm 2020 có 369 khu công nghiệp chiếm 39% diện tích đất sản xuất phi nông nghiệp nhưng tỉ lệ lấp đầy các khu công nghiệp còn thấp, năm 2020 chỉ đạt xấp xỉ 57%, thấp hơn nhiều so với đô thị nhiều nước trong khu vực và thế giới (Trung tâm Manila Philippine là 90,2%, Thượng Hải 89,8% (năm 2014); Bắc Kinh 99% (năm 2012); Los Angeles 97,6% (năm 2013)...).

hợp hài hoà giữa quá trình đô thị hoá, phát triển đô thị với công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nông thôn mới và cơ cấu lại nền kinh tế, quản lý phát triển xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Quy hoạch đô thị và phát triển kết cấu hạ tầng các đô thị phải đi trước một bước và tạo ra nguồn lực chủ yếu cho phát triển đô thị. Kiên quyết xoá bỏ tư duy nhiệm kỳ và tình trạng “quy hoạch treo”, cơ chế “xin - cho”, “lợi ích nhóm” trong xây dựng, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch”.

(iii) Nhóm quan điểm thứ ba nhấn mạnh hoàn thiện hệ thống pháp luật và ban hành các cơ chế chính sách phát triển đô thị bền vững, đồng thời thúc đẩy kinh tế khu vực đô thị, bảo đảm chất lượng sống tại các đô thị, cụ thể là “Tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật và ban hành các cơ chế, chính sách có tính đột phá vượt trội cho phát triển đô thị bền vững, thúc đẩy kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng nhanh, hiệu quả. Bảo đảm kết hợp đồng bộ và hài hoà giữa cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị với phát triển các đô thị mới, bảo đảm kiến trúc đô thị hiện đại, giàu bản sắc, các yếu tố văn hóa đặc trưng được giữ gìn và phát huy; phát triển mạnh mẽ liên kết ngành, liên kết vùng và lợi thế kết nối đa chiều của các đô thị; chú trọng tổ chức lại đời sống dân cư và phát triển kinh tế trong quá trình tái thiết và phát triển đô thị; bảo đảm chất lượng sống tại đô thị ở mức cao, đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở và hạ tầng xã hội cho dân cư đô thị”.

(iv) Nhóm quan điểm thứ tư đặt ra yêu cầu về phát triển hệ thống đô thị theo mạng lưới và xác định mô hình phát triển đô thị, cụ thể “Phát triển hệ thống đô thị bền vững theo mạng lưới, phân bố hợp lý, phù hợp với từng vùng, miền, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, cân đối giữa các vùng, miền; phát triển các đô thị có chức năng tổng hợp với quy mô và dân số ở mức hợp lý theo hướng đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và dịch bệnh; bảo đảm tính kết nối cao giữa các đô thị trực thuộc Trung ương, đô thị trung tâm cấp quốc gia với đô thị vùng và khu vực nông thôn”. Đồng thời, đưa ra quan điểm về lựa chọn các đô thị có tính cạnh tranh cao để xây dựng thành các trung tâm kinh tế, tài chính: “lựa chọn các đô thị có lợi thế đặc biệt để xây dựng thành các trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ... có khả năng cạnh tranh khu vực, quốc tế cao”.

(v) Nhóm quan điểm thứ năm đã nhấn mạnh tầm quan trọng trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý của chính quyền các đô thị từ phân cấp, phân quyền, quản lý thống nhất phát huy và khai thác tốt nhất các nguồn lực cho phát triển đô thị, cụ thể: “Thực hiện phân cấp và phân quyền mạnh mẽ hơn cho chính quyền các đô thị gắn với đề cao trách nhiệm, bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý thống nhất của Trung ương. Phát huy và khai thác tốt các nguồn lực từ chính đô thị và nguồn lực từ xã hội cho phát triển đô thị. Tạo

mọi điều kiện và khuyến khích các khu vực kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân tham gia đầu tư phát triển đô thị. Xử lý nghiêm minh đối với các sai phạm trong thực hiện quy định pháp luật về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị”.

2.2. Về mục tiêu đô thị hóa và phát triển đô thị

Căn cứ vào các mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 đã được đưa ra tại Đại hội lần thứ XIII của Đảng; bám sát các quan điểm chỉ đạo như đã được trình bày ở trên, Nghị quyết 06 của Bộ Chính trị đã xác định mục tiêu tổng quát về phát triển bền vững đô thị Việt Nam bao gồm 5 thành tố bao quát khá toàn diện: *Thành tố 1: Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị và phát triển đô thị bền vững; Thành tố 2: Phát triển đô thị bền vững theo mạng lưới, hình thành một số đô thị, chuỗi đô thị động lực thông minh kết nối với khu vực và thế giới; Thành tố 3: Thể chế, chính sách về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững cơ bản được hoàn thiện. Kết cấu hạ tầng của đô thị, nhất là hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu được xây dựng và phát triển đồng bộ, hiện đại; Thành tố 4: Kinh tế khu vực đô*

(15) 33% dân số đô thị tập trung ở Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; phần lớn là đô thị nhỏ (loại V, loại IV); hầu hết các đô thị đều tập trung ở khu vực đồng bằng và ven biển. Kết nối giữa các đô thị và giữa đô thị - nông thôn yếu.

thị tăng trưởng nhanh, hiệu quả và bền vững; Thành tố 5: Chất lượng sống tại đô thị ở mức cao, bảo đảm đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở và hạ tầng xã hội cho cư dân đô thị; Thành tố 6: Phát triển kiến trúc đô thị hiện đại, xanh, thông minh, giàu bản sắc, các yếu tố văn hóa đặc trưng được giữ gìn và phát huy”.

Để cụ thể hóa các mục tiêu về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị theo 2 giai đoạn: đến năm 2025, đến năm 2030, Nghị quyết số 06 đã đưa ra 5 nhóm chỉ tiêu chính toàn diện trên các khía cạnh⁽¹⁶⁾.

2.3. Về các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Để thực hiện các mục tiêu đã đặt ra, Nghị quyết 06-NQ/TW đã đề ra 6 nhóm nhiệm vụ giải pháp chủ yếu: 1- Hoàn thiện thể chế, chính sách tạo thuận lợi cho quá trình đô thị hoá, công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững; 2- Nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý, phát triển đô thị bền vững; 3- Tập trung xây dựng, phát triển hệ thống đô thị quốc gia bền vững và đồng bộ về mạng lưới; 4- Đẩy mạnh phát triển nhà ở, hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu; 5- Xây dựng và hoàn thiện mô hình chính quyền đô thị; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý đô thị và chất lượng cuộc sống đô thị, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh, an toàn và trật tự đô thị; 6- Phát triển kinh

tế khu vực đô thị; đổi mới cơ chế, chính sách tài chính và đầu tư phát triển đô thị.

Trong đó, những nhiệm vụ và giải pháp có tính đột phá là: (1) Đổi mới toàn diện công tác quy hoạch, phân loại đô thị, cải tạo, chỉnh trang tái thiết đô thị; xây dựng luật để quản lý phát triển đô thị bền vững. (2) Có cơ chế, chính sách đủ mạnh để khai thác và phát huy mọi nguồn lực tự thân của đô thị để phát triển đô thị. Ưu tiên bố trí nguồn lực hợp lý từ ngân sách Nhà nước để nâng cấp và phát triển hệ thống các hạ tầng kỹ thuật khung, hạ tầng số, hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu, nhà ở xã hội cho công nhân và các công trình cấp bách cho đô thị. (3) Mở rộng và cấu trúc lại không gian phát triển kinh tế khu vực đô thị gắn với thực hiện hiệu quả tái thiết đô thị để tạo động lực mới cho phát triển; thúc đẩy chuyển đổi số kinh tế khu vực đô thị, nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng mật độ kinh tế và khai thác hiệu quả mức độ tập trung lao động, liên kết vùng, liên kết giữa các đô thị và liên kết giữa đô thị với nông thôn.

Thực tiễn sinh động của quá trình xây dựng và phát triển đất nước sau 35 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng ta cũng như kết quả nghiên cứu, tổng kết lý luận và thực tiễn từ lịch sử phát triển của các nước trên thế giới cho thấy, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa là một xu thế tất yếu khách quan của thời đại. Trên tinh thần của Nghị quyết

06, các cấp, các ngành, các địa phương cần đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức về đô thị hóa và phát triển đô thị bền vững; nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền và nhân dân về vai trò, vị trí, tầm quan trọng và sự cần thiết phải đô thị hoá và phát triển đô thị nhanh và bền vững, coi đó là những nhiệm vụ cấp bách, trọng tâm; tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy và chính quyền địa phương đối với việc xây dựng và thực hiện chương trình phát triển đô thị, chỉnh trang, tái thiết đô thị và phát triển kinh tế khu vực đô thị; nắm bắt được quy luật, nhận thức đúng và đầy đủ về đặc thù của đô thị để chủ động, sáng tạo các giải pháp phát triển của địa phương ■

(16) Cụ thể là: (1) Chỉ tiêu về tỷ lệ đô thị hoá và tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên đạt; (2) Chỉ tiêu về số lượng đô thị toàn quốc, quy hoạch tổng thể, quy hoạch phân khu, chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị, tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị; (3) Chỉ tiêu về tỉ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị, diện tích cây xanh bình quân trên mỗi người dân đô thị, diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị; (4) Chỉ tiêu về hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên số hộ gia đình tại đô thị, phổ cập dịch vụ mạng di động 4G, 5G và điện thoại thông minh; tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử, tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử; (5) Chỉ tiêu về kinh tế khu vực đô thị đóng góp vào GDP, tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của các đô thị trực thuộc Trung ương, mạng lưới đô thị thông minh trọng tâm cấp quốc gia và cấp vùng.



XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN HIỆU QUẢ NGHỊ QUYẾT SỐ 06-NQ/TW NGÀY 24/1/2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ QUY HOẠCH, XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐÔ THỊ VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

● NGUYỄN THANH NGHỊ(*)

Ngày 24/01/2021, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TW về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Nghị quyết 06-NQ/TW được ban hành đánh một dấu mốc quan trọng, thể hiện sự quan tâm của Đảng đối với công tác quy

hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị Việt Nam, xác định vai trò, vị thế của đô thị và đô thị hóa trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cho giai đoạn mới. Để thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao (Văn bản số 1016/VPCP-CN ngày 17/02/2022 và Văn bản số 2176/VPCP-CN ngày 08/4/2022),

Bộ Xây dựng đã chủ động phối hợp với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các bộ, ngành để nghiên cứu, xây dựng Chương trình hành động của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TW. Bộ Xây dựng đã có văn bản số 1130/BXD-PTĐT ngày 05/4/2022 gửi đến các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gợi ý một số nội

(*) Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng

dung chủ yếu để các địa phương đề xuất Chương trình hành động về phát triển đô thị, làm cơ sở xây dựng Chương trình hành động của Chính phủ.

Để Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị được triển khai hiệu quả vào thực tiễn ở các địa phương, các địa phương, bộ, ban, ngành cần đặc biệt quan tâm đến việc làm rõ những nội dung quan trọng sau:

1. Về chỉ tiêu tỷ lệ đô thị hóa, dân số và đất xây dựng đô thị

Nghị quyết số 06-NQ/TW đã xác định các chỉ tiêu bình quân trên phạm vi cả nước về tỷ lệ đô thị hóa, số lượng đô thị, tỉ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên cho giai đoạn đến năm 2025 và năm 2030. Đây là những chỉ tiêu quan trọng định hình tốc độ phát triển đô thị của hệ thống đô thị trên cả nước hướng tới mục tiêu kiểm soát chất lượng đô thị hóa, sử dụng tiết kiệm hiệu quả nguồn lực đất đai, đảm bảo sự tương xứng, phù hợp giữa tốc độ đô thị hóa về dân cư và sử dụng đất dành cho xây dựng đô thị. Do vậy, các địa phương cần đánh giá đúng thực tế tình hình phát triển của hệ thống đô thị toàn tỉnh, đặt ra các chỉ tiêu tỷ lệ đô thị hóa phù hợp khả năng phát triển thực tế cho giai đoạn tới, không nhất thiết mọi địa phương đều phải đạt được mức trung bình chung của cả nước là 45% vào năm 2025 và 50% vào năm 2030.

Hiện nay, có sự chênh lệch lớn về tỷ lệ đô thị hóa tại các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương trên các vùng miền

trong cả nước. Trong khi tỷ lệ đô thị hóa tại một số thành phố lớn rất cao (70% - 80%) như thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Quảng Ninh, thành phố Cần Thơ thì một số tỉnh thuộc miền núi phía Bắc có tỷ lệ rất thấp (chỉ khoảng 15%). Do đó, việc đặt ra mục tiêu đô thị hóa đạt đồng đều cho tất cả các tỉnh/thành sẽ là không hợp lý. Hơn nữa, tỷ lệ đô thị hóa Việt Nam (hiện tại là khoảng 40,5%) thấp hơn so với tỷ lệ đô thị hóa bình quân của ASEAN (là 46,5%), xếp hạng 7/10 của ASEAN (chỉ cao hơn các nước Lào, Campuchia, Myanma). Do đó chúng ta còn rất nhiều dư địa để phát triển.

2. Về quy hoạch đô thị

Nghị quyết 06-NQ/TW đã xác định “Quy hoạch đô thị và phát triển kết cấu hạ tầng các đô thị phải đi trước một bước và tạo ra nguồn lực chủ yếu cho phát triển đô thị”. Các địa phương cần chú ý tập trung vào các điểm sau: i) Rà soát, xác định tiến độ lập mới hoặc điều chỉnh quy hoạch chung đô thị và phù kín quy hoạch phân khu, làm cơ sở để triển khai quy hoạch chi tiết, các dự án phát triển đô thị và các dự án cải tạo, chỉnh trang tái thiết đô thị; ii) Thống kê về tình trạng điều chỉnh quy hoạch, đánh giá các hệ lụy để có giải pháp xử lý, không để tình trạng điều chỉnh quy hoạch làm gia tăng áp lực hạ tầng, ảnh hưởng đến việc cung cấp tiện ích đô thị; iii) Tính toán nguồn lực để tổ chức thực hiện các phương án phát triển đề ra theo quy hoạch; iv) Quan tâm, thực hiện sớm quy hoạch không gian ngầm nhất là các đô thị loại

I trở lên, tạo thêm diện tích phát triển đô thị, khai thác nguồn lực cho đô thị; v) Phổ biến, công khai thông tin quy hoạch và triển khai cắm mốc để quản lý.

3. Về phát triển kết cấu hạ tầng đô thị

Đối với hạ tầng kỹ thuật, các địa phương cần chú trọng vào đánh giá một số các nhóm chỉ tiêu gồm: đất dành cho giao thông đô thị, năng lực thông hành giao thông, tỷ lệ vận tải công cộng, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, thu gom và xử lý chất thải đô thị, chiếu sáng đô thị... Trong đó, đặc biệt quan tâm đến các nhóm chỉ tiêu đã được đề ra trong Nghị quyết như giao thông và cây xanh, xử lý nước thải và rác thải đô thị. Giao thông đô thị cần chú ý đến chỉ tiêu phản ánh năng lực thông hành giao thông. Tỷ lệ đất cây xanh tại hầu hết các đô thị tại Việt Nam hiện nay đều ở mức rất thấp, cần hết sức chú trọng dành đất ngay từ các bước lập quy hoạch và kiểm soát tổ chức triển khai đầu tư theo đúng quy hoạch, tránh điều chỉnh quy hoạch chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất khác, để ra mục tiêu tăng tỷ lệ cây xanh trong các khu ở, cây xanh công viên trong các đô thị.

Về xử lý rác thải cần có tầm nhìn quy hoạch dài hạn, lựa chọn địa điểm, công nghệ xử lý phù hợp, hạn chế tối đa việc chôn lấp. Xử lý nước thải sinh hoạt cần có lộ trình từng bước, trước mắt xử lý triệt để tại các khu vực phát triển mới và từng bước cải tạo hệ thống thu gom xử lý tại các khu vực cũ.

Tại các đô thị, việc đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật diện rộng, công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối luôn đòi hỏi một nguồn lực đầu tư lớn và thường khó có khả năng xã hội hóa (công trình xử lý rác, xử lý nước thải sinh hoạt...) và thường trông chờ vào nguồn ngân sách từ Nhà nước. Mặt khác tốc độ đô thị hóa tăng nhanh, liên tục gây áp lực lên hệ thống hạ tầng. Vì vậy, các địa phương cần tính toán rõ bài toán về đầu tư hạ tầng cơ bản, xác định nguồn lực và xây dựng cụ thể lộ trình thực hiện để chủ động trong quá trình đô thị hóa và phát triển đô thị.

Đối với hạ tầng xã hội, cần rà soát các chỉ tiêu về cơ sở thương mại, trường học, y tế, giáo dục, trung tâm văn hóa, thư viện... để đảm bảo tiện ích cho người dân

và duy trì các kết nối xã hội, tạo nên chất lượng sống tốt trong đô thị. So với các công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình hạ tầng xã hội dễ có khả năng kêu gọi xã hội hóa hơn. Tuy nhiên, trong tính toán chỉ tiêu hạ tầng xã hội, cần lưu ý các công trình hạ tầng xã hội nằm trong một số đô thị loại II trở lên có thể có chức năng phục vụ cấp vùng ngoài việc phục vụ cho chính đô thị. Do vậy quy mô các công trình này cần được tính toán đảm bảo khả năng phục vụ trong phạm vi vùng.

Đối với hạ tầng số: việc phát triển và xây dựng cơ sở hạ tầng số tại các quốc gia và đô thị là xu hướng phát triển của thế giới nói chung để tiến tới chuyển đổi số, thành lập chính phủ số, là nền tảng của phát triển kinh tế số,

xã hội số, phát triển đô thị thông minh. Mục tiêu này đã được xác định trong Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình chuyển đổi số quốc gia với tầm nhìn đến năm 2030 Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng. Các thành phần để xây dựng hạ tầng số gồm thiết bị kết nối (máy móc điện tử), dữ liệu (gồm cơ sở dữ liệu, công nghệ, quy trình vận hành cơ sở dữ liệu) và ứng dụng (công cụ khai thác dữ liệu như áp dụng trí tuệ nhân tạo AI, cơ sở dữ liệu lớn Big data). Ngoài ra các địa phương cần quan tâm đến hoàn thiện hạ tầng pháp lý và hạ tầng nhân lực để từng bước xây dựng nền tảng hạ tầng số tương xứng với nhu cầu và tốc độ phát triển của địa phương.



4. Về cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị, kiến trúc và bản sắc đô thị

Trong một thời gian dài, việc phát triển đô thị đã tập trung vào phát triển đô thị và khu đô thị mới. Việc cải tạo chỉnh trang chưa được chú trọng do nhiều nguyên nhân khách quan như: các khu vực đô thị hiện hữu đã trải qua quá trình phát triển phức tạp; nhiều nơi vốn là các làng, xã nông thôn đô thị hóa; hệ thống hạ tầng đô thị xuống cấp, việc cải tạo chỉnh trang có nhiều vướng mắc về cơ chế sở hữu; hạn chế nguồn lực để thực hiện. Tuy nhiên, nếu không tháo gỡ thì tồn tại này sẽ trở thành điểm nghẽn trong phát triển, tạo nên sự lệch lạc trong phát triển. Quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết số 06-NQ/TW nhấn mạnh cần bảo đảm kết hợp đồng bộ và hài hoà giữa cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị với phát triển các đô thị mới, bảo đảm kiến trúc đô thị hiện đại, giàu bản sắc, các yếu tố văn hóa đặc trưng được giữ gìn và phát huy, chú trọng tổ chức lại đời sống dân cư và phát triển kinh tế trong quá trình tái thiết và phát triển đô thị.

Trong giai đoạn tới, việc cải tạo, chỉnh trang hoặc tái thiết các khu vực đô thị hiện hữu cần được các địa phương đặc biệt chú trọng. Do vậy, các địa phương cần có kế hoạch tiến hành đánh giá, rà soát, xác định cụ thể có bao nhiêu khu vực không đảm bảo an toàn cho dân cư sinh sống, không đáp ứng yêu cầu phòng chống cháy nổ hoặc các khu vực tập trung đông dân nghèo đô thị, khu vực có điều

kiện hạ tầng kỹ thuật xuống cấp, dễ bị tác động do ngập lụt v.v để ưu tiên tiến hành cải tạo, chỉnh trang. Trên cơ sở rà soát, đề xuất kế hoạch cải tạo, chỉnh trang đô thị phù hợp với từng đô thị, xác định rõ từng tuyến phố cần cải tạo, chỉnh trang, từng khu chung cư cũ cần cải tạo, tái thiết, khu vực công trình kiến trúc có giá trị cần bảo tồn, tôn tạo, khu vực điểm nhấn cần giữ gìn đặc trưng bản sắc đô thị... Đặc biệt chú ý các giải pháp khai thác nguồn lực trong cải tạo, chỉnh trang như khai thác quỹ đất khi mở đường, xã hội hóa nguồn lực...

5. Về nhà ở đô thị

Cần chú trọng hàng đầu vấn đề an sinh nhà ở, đảm bảo thúc đẩy phát triển quỹ nhà trong đô thị nhằm giải quyết cơ bản yêu cầu về nhà ở. Để xác định chỉ tiêu này, các đô thị cần dựa trên các phân tích về nhu cầu nhà ở cho người dân tại khu vực đô thị, nhất là các đối tượng yếu thế như tính toán số lượng người dân không có nhà ở, người dân có nhà ở dưới tiêu chuẩn, số lượng người dân có nhà ở cũ xập xệ cần di dời, đối tượng dân số nhập cư tăng thêm của đô thị cần được bố trí nhà ở... để từ đó phát triển nhà ở xã hội, nhà chung cư, nhà cho thuê, nhà ở cho công nhân các khu công nghiệp cho phù hợp. Đối với quỹ nhà ở hiện hữu bao gồm nhà chung cư và nhà ở riêng lẻ của hộ gia đình, cá nhân khi xuống cấp, không đảm bảo chất lượng phải được lập kế hoạch cải tạo, xây dựng lại. Trên cơ sở rà soát số liệu thực tế, các địa phương tính toán nhu cầu nhà ở phát triển

mới, nhà ở cần cải tạo, xây dựng lại, phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở làm cơ sở đề xuất các dự án đầu tư phát triển nhà ở giai đoạn 2025 và giai đoạn 2030 đạt được mục tiêu Nghị quyết số 06-NQ/TW đề ra.

6. Về phát triển kinh tế đô thị

Đô thị hiện là động lực phát triển kinh tế của các vùng, miền trên cả nước. Nghị quyết đã xác định mục tiêu kinh tế đô thị tăng trưởng nhanh, hiệu quả và bền vững với chỉ tiêu kinh tế khu vực đô thị đóng góp vào GDP cả nước khoảng 75% vào năm 2025 và khoảng 85% vào năm 2030. Đến năm 2045, cơ cấu kinh tế khu vực đô thị phát triển theo hướng hiện đại với các ngành kinh tế xanh, kinh tế số chiếm tỷ trọng lớn. Các đô thị cần đánh giá về thực trạng và dự kiến đóng góp của kinh tế đô thị trong GRDP, thu ngân sách từ đô thị trong tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh; định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế; thực hiện các định hướng mới trong phát triển kinh tế như kinh tế ban đêm, công nghiệp văn hóa, khai thác nguồn lực từ các chương trình tái thiết đô thị.

Tuy nhiên cũng phải lưu ý, không nhất thiết tất cả mọi đô thị đều cần phải trở thành những trung tâm kinh tế lớn. Việc rà soát vai trò, vị trí, tính chất đô thị để xác định quy mô phát triển kinh tế đô thị phù hợp là rất quan trọng để các đô thị, địa phương xác định hướng đi cho mình. Phát triển kinh tế đô thị bên cạnh việc chú trọng đến tăng tỷ trọng công nghiệp dịch vụ trong cơ cấu kinh tế cần

phải đặc biệt chú trọng kiểm soát việc khai thác sử dụng quá mức nguồn lực đất đai, thiếu định hướng, quy hoạch, mặc dù có thể tạo ra tăng trưởng nóng trong giai đoạn ngắn trước mắt nhưng về lâu dài sẽ thiếu bền vững nếu không tạo dựng được các hoạt động kinh tế. Các đô thị cần đẩy mạnh sự chủ động, sáng tạo để phát huy kinh tế đô thị từ chính nội lực đô thị trên cơ sở thế mạnh, vai trò và lợi thế cạnh tranh của mình, khuyến khích lộ trình chuyển đổi sang hướng kinh tế xanh, tuần hoàn, phát triển nông nghiệp công nghệ cao. Chú trọng xây dựng thương hiệu đô thị một cách bài bản thông qua các nhóm giải pháp sáng tạo bao gồm cả việc tạo dựng các hình ảnh kiến trúc điểm nhấn đô thị.

7. Về xây dựng đô thị tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu, đô thị thông minh

Nội dung này thể hiện quyết tâm của chúng ta trong việc chuyển đổi mô hình phát triển đô thị theo hướng tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải, nâng cao năng lực thích ứng và hướng đến quản lý đô thị thông minh hơn. Để thực hiện mục tiêu này, các địa phương cần quan tâm chú trọng 03 nhóm giải pháp: i) Xây dựng và phát triển đô thị tăng trưởng xanh, giảm phát thải, sử dụng tiết kiệm năng lượng để thiết thực thực hiện cam kết của Chính phủ Việt Nam tại Hội nghị COP 26 vừa qua; ii) Xây dựng đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH), chú trọng các giải pháp tổng thể từ quy hoạch



đô thị, lựa chọn địa điểm cho đến các giải pháp công trình và phi công trình, giải quyết vấn đề ngập úng, thoát nước, sụt trượt trong đô thị và các tác động khác do ảnh hưởng từ BĐKH, nước biển dâng, xâm nhập mặn và thời tiết cực đoan có thể xảy ra; iii) Xây dựng đô thị thông minh, bao gồm quy hoạch đô thị thông minh, quản lý đô thị thông minh, tiện ích đô thị thông minh với cơ sở dữ liệu đô thị thông minh.

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các quyết định về chương trình, kế hoạch phát triển đô thị xanh, đô thị thông minh, đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu. Đây cũng là cơ sở, gợi ý để các địa phương xác định các chương trình, đề án cụ thể để triển khai thực hiện tại địa phương.

8. Về nguồn lực thực hiện phát triển đô thị

Dựa trên việc phân tích, đánh giá và xác định các chỉ tiêu nêu trên, các địa phương tổng hợp các hành động theo các chương trình cụ thể, có dự trù tổng nguồn lực và nguồn lực cụ

thể cho từng nhiệm vụ cần đạt được của mỗi giai đoạn theo các chương trình, đề án, dự án cụ thể, bao gồm từ việc đầu tư phát triển hình thành mới đô thị, các chương trình đầu tư khắc phục các chỉ tiêu còn thiếu, còn yếu, các chương trình cải tạo, chỉnh trang tái thiết đô thị, các đề án phát triển đô thị thông minh hay các đề án hoàn thiện các công cụ quản lý như quy hoạch đô thị, chương trình phát triển đô thị v.v.

Việc xác định cụ thể các nguồn lực theo các nhiệm vụ và tổng nguồn lực giúp các đô thị đến gần hơn với bài toán thực hiện. Các địa phương cũng cần xác định rõ các nguồn lực đã có và đề xuất nguồn lực cần được bố trí hỗ trợ để thực hiện.

9. Hoàn thiện thể chế, chính sách, thúc đẩy thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết số 06-NQ/TW

Nghị quyết 06-NQ/TW đã chỉ ra một hệ thống chính sách phát triển đô thị được ban hành, triển khai hiện đang cần điều

chỉnh, làm mới để bảo đảm mục tiêu phát triển đô thị bền vững. Các nhiệm vụ chính mà các ban, bộ, ngành Trung ương và địa phương cần nghiên cứu để triển khai quyết liệt gồm: i) Tập trung hoàn thiện khung pháp luật, thể chế đồng bộ để tạo điều kiện cho quá trình đô thị hóa. Điểm nhấn là: Luật Quản lý phát triển đô thị (PTĐT) tạo nên nền tảng và tính thống nhất, đồng bộ trong quản lý PTĐT; ii) Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, tiêu chí, chỉ số về đô thị hóa và phát triển đô thị theo các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, an ninh, an sinh, an toàn đô thị, phát triển đô thị bền vững, phù hợp đặc thù vùng miền, văn hóa, xây dựng tiêu chuẩn của đơn vị hành chính đô thị, sửa đổi quy định phân loại đô thị; iii) Hoàn thiện pháp luật để thúc đẩy xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng như kết cấu hạ tầng liên vùng, công tác quy hoạch sử dụng đất theo các không gian kinh tế; iv) Chính sách để đảm bảo nguồn lực cho các mục tiêu an sinh xã hội, nhà ở xã hội, cải thiện khu lụp xụp đô thị và cải tạo, chỉnh trang đô thị.

Để cụ thể hóa những chỉ tiêu, nhiệm vụ nêu trên của Nghị quyết, trên cơ sở thực tiễn, các địa phương chủ động đề xuất, kiến nghị các cơ chế, chính sách cần được ban hành để tạo thuận lợi cho quá trình đô thị hóa, công tác quy hoạch xây dựng và quản lý phát triển đô thị (như xây dựng Luật Quản lý và phát triển đô thị bền vững; các cơ chế, chính sách an sinh nhà ở, đẩy mạnh cải tạo xây dựng chung cư cũ, công trình hết niên

hạn sử dụng ven kênh rạch và các khu dân nghèo đô thị, thu hút nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng...). Đồng thời kiến nghị các chương trình, dự án, đề án thí điểm cần đưa vào Chương trình hành động của Chính phủ và bổ sung rõ hơn về một số các định hướng, chính sách cần thực hiện để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình triển khai.

Lời kết

Phát triển đô thị là một quá trình lâu dài, đòi hỏi nguồn lực đầu tư lớn và năng lực kiểm soát cao, nhưng đồng thời cũng tạo ra giá trị gia tăng lớn và mang lại lợi ích kinh tế, xã hội vượt trội, thể hiện trình độ phát triển của đô thị Việt Nam giai đoạn 2011-2030 tầm nhìn 2045.

Các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương cần rà soát chỉ tiêu chung, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển đô thị tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và các nhóm chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 06-NQ/TW, đồng thời tổng rà soát, đánh giá thực trạng phát triển địa phương, các quy hoạch đô thị, định hướng phát triển không gian hành chính đô thị, quy hoạch tỉnh, chương trình phát triển đô thị và các chương trình chuyên đề đảm bảo để xuất kế hoạch thực cụ thể hóa Nghị quyết số 06-NQ/TW đồng bộ, khả thi. Các địa phương cần bám sát các nội dung, nhiệm vụ của Nghị quyết số 06-NQ/TW tập trung hoàn thiện thể chế, xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị theo hướng thông minh,

hiện đại; phát triển nông thôn mới gắn với phát triển đô thị, xây dựng khu vực nông thôn có định hướng quy hoạch thành đô thị; chú trọng quản lý phát triển đô thị dựa trên kế hoạch phân bổ, huy động xã hội hóa nguồn lực tư nhân, kết hợp công tư và khai thác hợp lý từ đất đai theo hướng tiết kiệm, hiệu quả góp phần tạo điều kiện thực hiện thành công Nghị quyết 06-NQ/TW và Chương trình hành động của Chính phủ, các địa phương.

Bên cạnh nỗ lực của các địa phương, các bộ, ngành Trung ương cần quan tâm, chỉ đạo nghiên cứu xác định các nhiệm vụ, đề án theo chức năng nhiệm vụ của mỗi bộ, ngành để cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp cơ bản đã được giao tại Nghị quyết số 06-NQ/TW, phối hợp chặt chẽ với Bộ Xây dựng trong xây dựng đề xuất Chương trình hành động của Chính phủ và triển khai thực hiện sau khi Chương trình được ban hành. Việc thực hiện thành công các Chương trình hành động triển khai Nghị quyết này sẽ là cơ hội thúc đẩy quá trình đô thị hóa nhanh và nâng cao chất lượng đô thị trên phạm vi cả nước, nâng tầm phát triển và xây dựng các thương hiệu đô thị Việt Nam trong khu vực, hoàn thành mục tiêu đóng góp vào sự phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh, thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu, giữ gìn và phát huy bản sắc đô thị mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII và Nghị quyết số 06-NQ/TW đã đề ra ■



NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÔ THỊ ĐỒNG BỘ, HIỆN ĐẠI THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT 06-NQ/TW

● **NGUYỄN NGỌC ĐÔNG^(*)**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã thông qua Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, trong đó đề ra chủ trương “lấy các đô thị làm động lực phát triển vùng”⁽¹⁾ và đưa ra chỉ tiêu về đô thị hóa: đến năm 2025, đạt khoảng 45%; đến năm 2030, đạt trên 50%⁽²⁾. Đồng thời, xác định một trong ba đột phá chiến lược của giai đoạn 2021 - 2030: “trọng tâm là ưu tiên phát triển hạ tầng trọng yếu về giao thông,

(*) Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải

(1) Định hướng số 5 của Chiến lược (trang 249)

(2) Mục 2 các chỉ tiêu chủ yếu (trang 218)

năng lượng, công nghệ thông tin, đô thị lớn, hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu”; “tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị”; đồng thời Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã đặt ra mục tiêu “Kết cấu hạ tầng của đô thị, nhất là hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu được xây dựng và phát triển đồng bộ, hiện đại”.

Để phát triển giao thông đô thị đồng bộ, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu theo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, theo tinh thần Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị, Bộ Giao thông vận tải (GTVT) xây dựng nhiệm vụ, giải pháp phát triển hạ tầng giao thông đô thị đồng bộ, hiện đại thích ứng với biến đổi khí hậu như sau:

1. Kết cấu hạ tầng giao thông đô thị đã được Đảng, Nhà nước quan tâm đầu tư nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị

Hệ thống giao thông đô thị có vai trò quan trọng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các đô thị, nên trong những năm qua Đảng, Nhà nước, Chính phủ đã ưu tiên triển khai đầu tư xây dựng các công trình giao thông đường bộ cao tốc cửa ngõ tại các thành phố lớn (Láng - Hòa Lạc, Pháp Vân - Cầu Giẽ, Hà Nội - Bắc Giang, Hà Nội - Thái Nguyên, Đà Nẵng - Quảng Ngãi, TP Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Dây, TP Hồ Chí Minh - Trung Lương, Hà Nội - Hải Phòng,...), các đường vành đai đô thị (vành đai 2, 3 - TP Hà Nội; vành đai

2 - TP Hồ Chí Minh), các cảng hàng không (Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Long Thành, Cát Bi,...), các tuyến đường sắt đô thị (Cát Linh - Hà Đông, ...); giao thông công cộng được quan tâm phát triển, hệ thống giao thông công cộng vận tải khối lượng lớn tại Hà Nội và TP Hồ Chí Minh để đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị, giải quyết ùn tắc giao thông. Các công trình giao thông này đã góp phần mở rộng không gian đô thị, tăng khả năng kết nối giữa các đô thị, cải thiện chất lượng sống của cư dân đô thị, góp phần đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa để các đô thị trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp tăng trưởng GDP cả nước.

Tuy nhiên, giao thông vận tải đô thị còn hạn chế: (i) Tỷ lệ đất dành cho giao thông đô thị thấp⁽³⁾; (ii) Các tuyến đường sắt đô thị chậm tiến độ, hiện mới chỉ đưa vào khai thác tuyến Cát Linh - Hà Đông; (iii) Chưa hình thành hệ thống hạ tầng giao thông khung thống nhất, đồng bộ, chất lượng hạ tầng đô thị chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển dân số và kinh tế khu vực đô thị, chưa thích ứng với biến đổi khí hậu; (iv) Các đô thị cạnh tranh đầu tư các hạ tầng lớn như sân bay, cảng biển,... hơn là hỗ

trợ, liên kết phát triển dẫn đến không phát huy hết được công suất hạ tầng; (v) Liên kết nội đô thị và liên kết giữa các đô thị, vùng đô thị chủ yếu dựa vào phương thức vận tải đường bộ; (v) Phương tiện giao thông cá nhân chiếm tỷ trọng lớn trong giao thông đô thị; (vi) Quản lý giao thông đô thị còn lạc hậu, quản lý sử dụng đất đai đô thị còn bất cập, ảnh hưởng đến chi phí, tiến độ đầu tư kết cấu hạ tầng trong đô thị.

Nguyên nhân chủ yếu do: (i) Nhận thức về phát triển đô thị bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu chưa đầy đủ; (ii) Công tác quy hoạch đô thị chậm đổi mới, thiếu tầm nhìn, chất lượng thấp, việc triển khai thực hiện quy hoạch còn nhiều hạn chế; (iii) Cơ chế, chính sách phát triển đô thị chưa đồng bộ, chưa tạo đột phá; (iv) Nguồn lực đầu tư cho kết cấu hạ tầng giao thông đô thị còn hạn chế, đầu tư còn chưa đồng bộ; (v) Kêu gọi đầu tư hạ tầng giao thông đô thị theo phương thức PPP khó khăn do hiệu quả tài chính thấp, chính sách thay đổi, chi phí đầu tư xây dựng lớn; (vi) Chưa phát huy và

(3) Chỉ đạt khoảng 16% so với quy định của Luật Giao thông đường bộ từ 20-25%

khai thác tốt các nguồn lực của chính đô thị và nguồn lực từ xã hội cho phát triển giao thông đô thị, chủ yếu trông chờ ngân sách nhà nước.

2. Về xu hướng phát triển đô thị trong thời gian tới

Đô thị hóa tiếp tục là xu thế và là quy luật tất yếu của thời đại, với lợi thế tập trung các trung tâm văn hóa, chính trị, kinh tế, giáo dục, các đô thị là nơi thu hút nguồn lực đầu tư, trở thành các động lực tăng trưởng chính của các nước. Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0 đang diễn ra rất nhanh, có tác động đa chiều đến tất cả các lĩnh vực, trong đó có giao thông đô thị. Dân số thế giới luôn có xu hướng tập trung phân bố tại các khu vực đô thị, đặc biệt là các đô thị lớn có tiềm năng phát triển kinh tế. Các thành phố trên thế

giới hầu hết đều có sự gia tăng dân số từ 10-20 lần sau khoảng 50 năm và dự báo khoảng 68% dân số thế giới tập trung tại các khu vực đô thị cho đến năm 2050 (UN, 2018).

Xu thế đô thị hóa bền vững và phát triển đô thị thông minh, tăng trưởng xanh ngày càng được quan tâm và áp dụng thành công tại nhiều quốc gia. Mô hình phát triển đô thị vệ tinh (phát triển các đô thị nhỏ và trung bình xung quanh một đô thị trung tâm) trở nên phổ biến. Các đô thị vệ tinh sẽ được liên kết với đô thị trung tâm bằng một hệ thống giao thông hiện đại đồng bộ, đặc biệt là giao thông công cộng hoàn thiện. Với mô hình phát triển như vậy, giao thông vận tải càng trở nên quan trọng, không chỉ đảm bảo việc kết nối giữa các đô thị, mà nó còn đóng vai trò quyết định thành công

hay thất bại trong việc thực hiện quy hoạch đô thị.

Thách thức về biến đổi khí hậu và suy thoái môi trường tác động đến quá trình đô thị hóa ngày càng lớn; các công trình giao thông đô thị ở các khu vực đô thị ven biển, các thành phố đang phải đối mặt với nguy cơ ngày càng gia tăng từ các cơn bão tàn phá, lụt lội, triều cường ngày càng nghiêm trọng.

Sau 35 năm đổi mới, thế và lực của nước ta được nâng cao, quy mô và sức cạnh tranh của nền kinh tế đã lớn mạnh tạo tiền đề để phấn đấu trở thành nước thu nhập trung bình cao vào năm 2030, đến năm 2045 trở thành nước thu nhập cao, hệ thống đô thị đã trở thành các động lực phát triển kinh tế - xã hội, quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng.



Bối cảnh, xu hướng phát triển đô thị mới đặt ra yêu cầu cần có cách tiếp cận về phát triển đô thị nói chung và giao thông đô thị nói riêng trong quá trình đô thị hóa, phát triển kinh tế đô thị.

3. Quan điểm và mục tiêu

Về quan điểm

Quan triết quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết số 06-NQ/TW “*Đô thị hóa là quá trình tất yếu và là động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững trong thời gian tới*” và “*phát triển các đô thị có chức năng tổng hợp với quy mô và dân số ở mức hợp lý theo hướng đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và dịch bệnh; bảo đảm tính kết nối cao giữa các đô thị trực thuộc Trung ương, đô thị trung tâm cấp quốc gia với đô thị vùng và khu vực nông thôn*”.

Phát triển hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng giao thông cần ưu tiên đi trước một bước và phải tạo ra nguồn lực để phát triển đô thị, kinh tế đô thị; đồng bộ với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh.

Ưu tiên bố trí nguồn lực để nâng cấp và phát triển hệ thống hạ tầng khung giao thông có tính kết nối, liên kết cao giữa các đô thị, đáp ứng yêu cầu đến năm 2030, hình thành một số trung tâm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng đạt các chỉ tiêu đô thị tương đương mức bình quân của các đô thị thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN.

Về mục tiêu

Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình đầu tư

phát triển hạ tầng đô thị đến năm 2030. Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng khung quốc gia kết nối giữa các đô thị loại II trở lên. Đầu tư tăng cường năng lực hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, nhất là tại khu vực ven biển, miền núi, đồng bằng sông Cửu Long. Chú trọng ưu tiên quy hoạch hệ thống đường bộ, đường sắt hiện đại, phát triển hệ thống giao thông thủy phù hợp, bảo đảm thông suốt và liên kết vùng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; đầu tư khép kín các đường vành đai, đường xuyên tâm, hệ thống giao thông công cộng đồng bộ có sức chở lớn, bến, bãi đỗ xe tại các đô thị. Tăng cường khai thác sử dụng hệ thống không gian ngầm, công trình ngầm đô thị, không gian đa chức năng của đô thị. Xây dựng lộ trình và giải pháp khả thi hạn chế xe cá nhân, nhất là xe máy tại các đô thị lớn. Xây dựng đồng bộ về hạ tầng và ban hành các chính sách ưu đãi để khuyến khích sử dụng phương tiện giao thông thân thiện với môi trường tại đô thị.

4. Giải pháp phát triển hạ tầng giao thông đô thị theo tinh thần Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị

Trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế Việt Nam đang chịu tác động của đại dịch Covid-19; quy mô nền kinh tế còn yếu; các địa phương đang điều chỉnh quy hoạch phát triển, vừa liên kết, vừa cạnh tranh nên việc thu hút vốn đầu tư từ các nhà đầu tư sẽ

gặp khó khăn, trong đó có đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông (KCHTGT) đô thị; nguồn lực đầu tư hạ tầng giao thông đô thị lớn, cần có nhiều giải pháp để huy động nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng để không bỏ lỡ cơ hội phát triển, Bộ GTVT đề xuất một số giải pháp:

Một là, tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách ưu đãi cho hoạt động đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông đô thị; cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

Hai là, sớm hoàn thiện hệ thống quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh làm cơ sở quản lý và đầu tư, đảm bảo phát triển cân đối, hài hòa tổng thể giữa các lĩnh vực; hoàn thiện quy hoạch đô thị gắn với quy hoạch giao thông; dành quỹ đất có khả năng thương mại, phát triển khu công nghiệp, khu du lịch để tạo nguồn vốn đầu tư hạ tầng giao thông đô thị.

Ba là, tăng nguồn vốn NSNN đầu tư cho kết cấu hạ tầng giao thông đô thị; tiếp tục thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ODA, nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ quốc tế, vốn tư nhân đầu tư để phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đô thị, giao thông khung kết nối các đô thị, trong đó:

- Xây dựng các tuyến cao tốc kết nối liên vùng, kết nối các cảng biển đặc biệt, sân bay quốc tế, các cửa khẩu quốc tế chính, các đô thị loại đặc biệt, loại I. Phần đầu xây dựng hoàn thành khoảng 5.000 km đường bộ cao

tốc; Kết nối thuận lợi các tuyến quốc lộ đến các cảng biển loại II, sân bay quốc tế, cảng đường thủy nội địa lớn, các ga đường sắt đầu mối, đầu mối giao thông đô thị loại II trở xuống; nâng cấp các tuyến quốc lộ trọng yếu kết nối tới các đầu mối vận tải lớn (cảng biển, cảng đường thủy nội địa, cảng hàng không sân bay, các ga đường sắt) chưa có tuyến cao tốc song hành. Phần đầu đạt tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 11 - 16% vào năm 2025, 16 - 26% vào năm 2030.

- Triển khai đầu tư hai đoạn tuyến ưu tiên của tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam (Hà Nội - Vinh, Nha Trang - TP Hồ Chí Minh) để phát triển đô thị dọc tuyến; đầu tư các tuyến đường sắt kết nối cảng cửa ngõ quốc tế đặc biệt khu vực Hải Phòng và Bà Rịa - Vũng Tàu, kết nối TP Hồ Chí Minh với Cần Thơ, kết nối quốc tế với Trung Quốc, Lào, Campuchia.

- Cải tạo nâng cấp các tuyến chính có mật độ vận tải cao; phát triển hệ thống cảng, bến thủy nội địa đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa và hành khách trên các hành lang vận tải thủy; từng bước hiện đại hóa các cảng chính, cảng chuyên dùng; kênh hóa các đoạn sông qua đô thị lớn và chuyển đổi công năng cảng thủy nội địa xếp dỡ hàng hóa phù hợp với quá trình đô thị hóa.

- Tập trung đầu tư một số cảng hàng không (CHK) lớn, đóng vai trò đầu mối tại vùng thủ đô Hà Nội (CHK Nội Bài) và vùng Thành phố Hồ Chí Minh (CHK Tân Sơn Nhất và

Long Thành); từng bước nâng cấp và khai thác có hiệu quả 22 CHK hiện hữu, đầu tư 06 CHK mới để nâng tổng số CHK của cả nước đưa vào khai thác lên 28 CHK đảm bảo trên 95% dân số có thể tiếp cận tới CHK trong phạm vi 100km.

- Phát triển các khu bến cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện (Hải Phòng), Cái Mép (Bà Rịa - Vũng Tàu), nghiên cứu cơ chế chính sách phù hợp phát triển từng bước cảng trung chuyển quốc tế tại Vân Phong (Khánh Hòa) và phát triển bến cảng Trần Đề (Sóc Trăng), các cảng biển quy mô lớn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của cả nước hoặc liên vùng để hỗ trợ phát triển đô thị trong khu vực; các bến cảng khách quốc tế gắn với các vùng động lực phát triển du lịch; các bến cảng quy mô lớn phục vụ các khu kinh tế, khu công nghiệp.

Bốn là, tăng cường phân cấp, ủy quyền trong công tác đầu tư, quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng đường bộ, đường thủy nội địa; tăng ngân sách trung ương tham gia hỗ trợ các địa phương không có khả năng cân đối ngân sách với tỷ lệ hợp lý để tạo tính chủ động cho các địa phương trong đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông đô thị.

Tăng cường sự phối hợp giữa các địa phương tạo bước đột phá trong đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông đến năm 2030, tạo nên sự liên kết các đô thị lớn, cũng như giữa các phương thức vận tải, giảm ách tắc giao thông đô thị.

Năm là, tăng cường phối hợp

giữa Trung ương và địa phương, đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng, tiến độ các dự án xây dựng các tuyến cao tốc đang thi công⁽⁴⁾ và các dự án đã huy động được nguồn vốn để kết nối các đô thị, đảm bảo đúng tiến độ⁽⁵⁾; địa phương nghiên cứu, thực hiện các giải pháp tạo nguồn vốn từ việc giải phóng mặt bằng cho dự án (như vành đai 5 - Hà Nội qua tỉnh Thái Nguyên); đánh giá, nhân rộng các mô hình về thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công tư thành công ở địa phương, vùng như tuyến nối Lào Cai với Sa Pa, cảng hàng không Sa Pa để hỗ trợ phát triển các đô thị.

Sáu là, địa phương chủ động sắp xếp thứ tự ưu tiên, huy động mọi nguồn vốn hợp pháp để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đô thị thuộc thẩm quyền quản lý; tham gia đầu tư, hỗ trợ đầu tư các tuyến đường bộ quốc gia qua địa bàn.

Với sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, sự phối hợp chặt chẽ của các bộ, ngành, địa phương, Bộ GTVT tin tưởng rằng hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông đô thị được đẩy mạnh đầu tư, từng bước đồng bộ, hiện đại tạo lập được cơ cấu vận tải hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, góp phần thực hiện thành công Nghị quyết 06-NQ/TW trong thời gian tới ■

(4) Tuyến nối Lai Châu, Yên Bái với cao tốc Nội Bài - Lào Cai, Phú Thọ - Tuyên Quang...

(5) Hữu Nghị - Chi Lăng, Chợ Mới - Bắc Kạn, Đồng Đăng - Trà Lĩnh, vành đai 5 - Hà Nội qua Thái Nguyên



NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ VỀ CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ THEO YÊU CẦU CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 06-NQ/TW NGÀY 24/01/2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

● LÊ DUY THĂNG(*)

Sau hơn 35 năm đổi mới và hội nhập quốc tế, quá trình đô thị hóa ở nước ta đã và đang diễn ra nhanh chóng dẫn đến có nhiều khác biệt về hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng giữa đô thị và nông thôn. Theo quy định của pháp luật hiện hành, mô hình tổ chức chính quyền địa phương

ở nước ta tổ chức thành 3 cấp chính quyền gồm: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (ngoại trừ mô hình tổ chức chính quyền đô thị đang được áp dụng riêng ở Thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh theo các Nghị quyết của Quốc hội).

Chính quyền ở địa bàn đô thị về cơ bản được tổ chức, hoạt

động và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn tương tự như chính quyền ở địa bàn nông thôn cùng cấp và có thêm một số nhiệm vụ, quyền hạn quản lý trên địa bàn đô thị. Trong khi đó, ở đô thị, do kết cấu hạ tầng thống nhất, liên thông đòi hỏi phải quản lý theo ngành là chủ yếu, khác với nông thôn quản lý theo lãnh thổ là chủ

(*) Thứ trưởng Bộ Nội vụ

yếu, dẫn đến nhiều vấn đề cấp thiết của đô thị như quy hoạch, kiến trúc, xây dựng hạ tầng đô thị, xử lý ô nhiễm môi trường, chống ùn tắc giao thông, quản lý dân cư và trật tự an toàn xã hội chưa được giải quyết kịp thời và chưa hiệu quả.

Phân biệt đô thị và nông thôn từ các đặc trưng quản lý

Từ thực tiễn phát triển đô thị ở nước ta, có thể rút ra các đặc điểm chủ yếu của đô thị phân biệt với nông thôn như sau:

- Về vị trí, vai trò và trình độ phát triển kinh tế - xã hội, cơ sở hạ tầng: Đô thị là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, khoa học, công nghệ của một địa phương, vùng, miền, của cả nước; khu vực nội thành, nội thị chủ yếu là phi nông nghiệp, cơ sở hạ tầng có tính thống nhất, liên thông, tạo thành những mạng lưới, hệ thống đồng bộ, xuyên suốt địa bàn, không phụ thuộc vào địa giới hành chính, đòi hỏi quản lý tập trung, thống nhất theo ngành là chủ yếu. Ở nông thôn chủ yếu là nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, cơ sở hạ tầng còn chưa đồng bộ, đòi hỏi quản lý theo lãnh thổ là chủ yếu.

- Về dân cư: Đô thị là nơi tập trung dân cư, mật độ dân số cao, gồm nhiều thành phần sống đan xen có lối sống khác nhau, tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội đa dạng nên việc quản lý dân cư đô thị có nhiều phức tạp. Dân cư nông thôn gắn kết cộng đồng theo làng, xã, dòng họ có những hương ước và phong tục, tập quán riêng mang nhiều tính tự quản.

- Về quản lý hành chính: Cơ sở hạ tầng ở đô thị là một chỉnh thể thống nhất nên việc phân chia địa giới hành chính trong khu vực nội thành, nội thị chỉ có ý nghĩa là khu vực hành chính. Ở nông thôn, việc phân chia địa giới hành chính gắn với các hoạt động kinh tế - xã hội diễn ra trong phạm vi địa bàn lãnh thổ đó. Việc quản lý nhà nước về an ninh, trật tự an toàn xã hội, giao thông, điện, nước, nhà ở, xây dựng, môi trường ở đô thị là vấn đề bức xúc hàng ngày và đa dạng, phức tạp hơn nhiều so với quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực này ở nông thôn.

Thực trạng tổ chức và hoạt động của chính quyền đô thị ở nước ta hiện nay

Kết quả đạt được

Trong nhiệm kỳ 2016-2021, chính quyền địa phương ở đô thị được tổ chức như chính quyền địa phương ở nông thôn, đều là cấp chính quyền địa phương (gồm có HĐND và UBND), làm việc và hoạt động theo chế độ tập thể. Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương ở đô thị, ngoài việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn như đối với địa bàn nông thôn, còn bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến các vấn đề quy hoạch phát triển đô thị, xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị, quản lý và tổ chức đời sống dân cư đô thị... Nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND và UBND quận, phường đã được điều chỉnh cho phù hợp hơn với yêu cầu quản lý thống nhất, liên thông trong khu vực nội thành, nội thị tại các đô thị.

Từ đầu nhiệm kỳ 2021-2026, thực hiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và các Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh thì phường thuộc Thành phố Hà Nội và quận, phường thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng không tổ chức HĐND; chính quyền địa phương ở nơi không tổ chức HĐND là UBND, làm việc và hoạt động theo chế độ thủ trưởng. Nhiệm vụ, quyền hạn của UBND nơi không tổ chức HĐND đã được đổi mới, có sự phân biệt với chính quyền nông thôn.

Một số hạn chế, bất cập

Về mô hình tổ chức chính quyền đô thị

Ngoài việc thực hiện tổ chức mô hình chính quyền đô thị ở 03 thành phố (Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh) thì chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính đô thị còn lại đều là cấp chính quyền địa phương (có HĐND và UBND) là chưa có sự phân biệt khác nhau giữa nông thôn và đô thị. Mô hình chính quyền đô thị tại 03 thành phố mới triển khai thực hiện, chưa đủ thời gian để tổng kết đánh giá và trong quá trình thực hiện đã phát sinh một số hạn chế, bất cập so với yêu cầu của thực tiễn.

Về phân định thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương

Phân quyền, phân cấp vẫn chủ yếu “từ trên xuống” theo cấp chính quyền, mối quan hệ quản lý ngành và quản lý địa bàn lãnh thổ giữa bộ, ngành Trung ương và chính quyền đô thị vẫn còn chưa rõ về thẩm quyền, trách nhiệm, làm giảm hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền đô thị và khó khăn cho người dân đô thị.

Về nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền đô thị

Nhiệm vụ, quyền hạn của quản lý đô thị còn chưa cụ thể và chưa rõ chế độ trách nhiệm của mỗi cấp chính quyền, của mỗi cơ quan và mỗi cá nhân trong bộ máy chính quyền.

Về phương thức hoạt động của chính quyền đô thị

Cơ chế vận hành bộ máy hành chính đô thị còn bị “cắt khúc”

theo từng cấp hành chính trong nội bộ đô thị. Cơ chế điều hành hành chính mang tính tập thể của ủy ban ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả của chính quyền đô thị; vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền cá nhân người đứng đầu (Chủ tịch UBND) chưa rõ ràng.

Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập

Những hạn chế, bất cập nêu trên có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Trong đó, có những nguyên nhân chủ yếu sau: (i) thể chế chính quyền đô thị chưa hoàn thiện, chưa phù hợp với địa bàn đô thị; (ii) đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và đại biểu HĐND ở các đơn vị hành chính đô thị đã từng bước được nâng cao về chất lượng, nhưng năng lực thực tiễn và trình độ còn chưa ngang

tầm với yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và quản trị chính quyền đô thị hiện đại, văn minh và hội nhập quốc tế; (iii) hệ thống đô thị tăng nhanh về số lượng, quy mô nhưng chất lượng tăng chưa tương xứng và chưa đồng đều, các khu vực mở rộng đô thị với kết cấu hạ tầng còn chưa đồng bộ; người dân vẫn duy trì nếp sống nông thôn.

NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ VỀ CHÍNH QUYỀN ĐÔ THỊ

Căn cứ chủ trương của Đảng và trên cơ sở nghiên cứu, tổng kết đánh giá về thực tiễn tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương ở nước ta qua các thời kỳ, đề xuất nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thể chế về chính quyền đô thị như sau:



Đổi mới tổ chức đơn vị hành chính đô thị

Trên cơ sở tổng kết việc thành lập và sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2016- 2021, nghiên cứu bổ sung hoàn thiện các quy định để tiếp tục thực hiện việc thành lập, nhập, điều chỉnh địa giới và sắp xếp đơn vị hành chính đô thị cho phù hợp với đặc điểm vùng, miền và Quy hoạch tổng thể đơn vị hành chính các cấp.

Đổi mới tổ chức và hoạt động, đề cao vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền đô thị

Đổi mới tổ chức và hoạt động của chính quyền đô thị

Nghiên cứu mở rộng mô hình không tổ chức HĐND ở quận, phường (khu vực nội thành, nội thị) như đang thực hiện ở Thành phố Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh và nghiên cứu kinh nghiệm của các nước về mô hình “Tòa thị chính”, “Thị trường” ở đô thị cho phù hợp với đặc thù ở nước ta.

Chuyển đổi cách tiếp cận quản lý nhà nước ở đô thị sang quản trị chính quyền đô thị, hướng đến sự tham gia và mở rộng đối thoại ngày càng nhiều của người dân với các công việc của chính quyền đô thị nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững về kinh tế - xã hội ở địa phương; đồng thời là cơ sở để xây dựng chính quyền đô thị phản ứng nhanh nhạy trước những đòi hỏi của người dân, hoạt động tốt hơn nhưng với chi phí ít hơn, chịu trách nhiệm giải trình trước người dân.

Đối với ĐVHC tổ chức cấp chính quyền địa phương (CQĐP) (có HĐND và UBND), cần hoàn thiện nguyên tắc hoạt động theo chế độ tập thể UBND, làm rõ trách nhiệm của người đứng đầu và của từng thành viên UBND, đồng thời quy định cụ thể, rõ ràng các nhiệm vụ, quyền hạn và quy trình giám sát của HĐND, các cơ quan của HĐND và đại biểu HĐND. Đối với ĐVHC không tổ chức HĐND thì các thành viên UBND do Chủ tịch UBND cấp trên bổ nhiệm, hoạt động theo chế độ công vụ của công chức. Quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch UBND tại các đô thị.

Đề cao vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền đô thị

Đẩy mạnh phân quyền, phân cấp giữa các cấp chính quyền từ Trung ương đến từng cấp chính quyền địa phương theo hướng đề cao vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm, phát huy chủ động, sáng tạo, hiệu quả trong hoạt động quản lý của từng cấp chính quyền, bảo đảm cho chính quyền đô thị quyền tự chủ về ngân sách, tài chính, tổ chức bộ máy, quản lý dân cư, bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh cơ chế giám sát của người dân đối với hoạt động của chính quyền đô thị

Để bảo đảm việc kiểm soát quyền lực và phát huy cao nhất quyền làm chủ của nhân dân cần phải xây dựng cơ chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức

chính trị - xã hội, mở rộng dân chủ trực tiếp phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội, bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân.

Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số

Ban hành và triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả khung kiến trúc chính quyền đô thị theo chỉ đạo của Chính phủ, yêu cầu quản lý và phù hợp với việc thực hiện mô hình tổ chức chính quyền đô thị. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng công nghệ thông minh để từng bước mở rộng việc cung ứng các loại hình dịch vụ công và vận hành thông suốt hệ thống thông tin trong hoạt động điều hành, tác nghiệp của các cơ quan, đơn vị, tăng cường mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân.

Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức ở đô thị đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới

Tiếp tục hoàn thiện thể chế về tuyển chọn cán bộ, công chức ở đô thị theo hướng đề cao trách nhiệm của người sử dụng, thực hiện nguyên tắc cạnh tranh; đồng thời ban hành chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc tại đô thị. Hoàn thiện việc xây dựng vị trí việc làm và bản mô tả công việc của từng vị trí việc làm để làm cơ sở cho việc tuyển chọn, bố trí, sắp xếp và đánh giá cán bộ, công chức công khai, minh bạch, công bằng, tạo động lực phấn đấu trong việc thực thi nhiệm vụ ■



NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG HẠ TẦNG SỐ VÀ BẢO ĐẢM GẮN KẾT ĐỒNG BỘ GIỮA QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA ĐỊA PHƯƠNG VỚI CÔNG TÁC QUY HOẠCH, XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BỀN VỮNG THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT 06 - NQ/TW, NGÀY 24/01/2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

● **PHẠM ĐỨC LONG^(*)**

Nghị quyết 06 - NQ/TW, ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đề ra mục tiêu tổng quát là: Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hoá, phát triển đô thị bền vững theo mạng lưới, hình thành một số đô thị, chuỗi đô thị thông minh kết nối với khu vực và thế giới. Thể chế, chính sách về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững cơ bản được hoàn thiện. Kết cấu hạ tầng của đô thị, nhất là hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu được xây dựng và phát triển đồng bộ, hiện đại.

(*) Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông

Kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng nhanh, hiệu quả và bền vững. Chất lượng sống tại đô thị ở mức cao, bảo đảm đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở và hạ tầng xã hội cho cư dân đô thị. Phát triển kiến trúc đô thị hiện đại, xanh, thông minh, giàu bản sắc, các yếu tố văn hóa đặc trưng được giữ gìn và phát huy.

Nghị quyết cũng đã đặt ra mục tiêu phát triển hạ tầng số, cụ thể đến năm 2025, hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình tại đô thị, phổ cập dịch vụ mạng di động 4G, 5G và điện thoại thông minh; tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%. Đến năm 2030, phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang, phổ cập dịch vụ mạng di động 5G, tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.

Như vậy có thể thấy việc quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam cần gắn liền với xây dựng hạ tầng số cũng như gắn kết với quá trình chuyển đổi số tại địa phương. Để thực hiện các mục tiêu trên, Bộ Thông tin và Truyền thông đề ra một số giải pháp triển khai Nghị quyết như sau:

Một là, hoàn thiện chủ trương, chính sách chuyển đổi số tạo thuận lợi cho quá trình đô thị hoá, công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững tại các địa phương:

Các tỉnh/thành phố cần xây dựng và ban hành Nghị quyết hoặc Chỉ thị về chuyển đổi số; chương trình, kế hoạch chuyển đổi số để chuyển đổi nhận thức về sự cần thiết, tính cấp bách

của chuyển đổi số; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân và doanh nghiệp về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị của địa phương. Xây dựng và chuẩn hóa các tiêu chuẩn, hệ thống chỉ tiêu, chỉ số về đô thị thông minh gắn với phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

Hai là, nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý phát triển đô thị bền vững dựa trên nền tảng số:

Xây dựng hệ thống dữ liệu về quy hoạch phát triển đô thị; Ứng dụng phân tích dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo để nâng cao khả năng dự báo về biến động dân cư, dự báo sự phát triển của đô thị để xây dựng quy hoạch phù hợp, tránh tắc nghẽn trong tương lai.

Ứng dụng các nền tảng số dựa trên hệ thống thông tin địa lý (GIS) và công nghệ số, nền tảng số trong quy hoạch phát triển đô thị như nền tảng bản đồ số, nền tảng thông tin quy hoạch, nền tảng hỗ trợ quyết sách quy hoạch để hỗ trợ công tác lập quy hoạch, giám sát thực hiện quy hoạch

một cách khoa học, hướng tới phát triển bền vững. Ứng dụng nền tảng thông tin quản lý đất đai phục vụ công tác kiểm kê, thống kê tình hình sử dụng đất đai và quy hoạch, quản lý các thủ tục hành chính liên quan tới đất đai, số hóa bản đồ địa chính, số hóa hồ sơ quyền sử dụng đất nhằm nâng cao tính minh bạch và hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước về đất đai.

Đẩy mạnh triển khai nền tảng chia sẻ và tích hợp dữ liệu nhằm kết nối và chia sẻ dữ liệu kịp thời giữa các đô thị với nhau tạo điều kiện cho phát triển chính phủ số, kinh tế số và xã hội số.

Ba là, đẩy mạnh phát triển hạ tầng số gắn liền với việc phát triển hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, liên kết:

Hạ tầng số bao gồm hạ tầng viễn thông băng rộng tốc độ cao, hạ tầng điện toán đám mây và hạ tầng kết nối internet vạn vật (IoT); đây là hạ tầng kinh tế, kỹ thuật, được đầu tư đi trước bắt đầu từ các thành phố lớn, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghiệp, khu chế xuất, trung tâm nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo, cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện.

Các địa phương cần bảo đảm trong quy hoạch hạ tầng kỹ thuật đô thị, quy hoạch của khu vực, của từng địa phương phải có

phương án quản lý, thúc đẩy phát triển hạ tầng số, bao gồm:

- Quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động chuẩn bị cho việc triển khai mạng di động 5G; triển khai các giải pháp để mọi gia đình có kết nối Internet cáp quang, để phổ cập điện thoại di động thông minh cho mọi người dân.

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, hạ tầng giao thông, đô thị, xây dựng phải có nội dung nghiên cứu, phân tích để xem xét, bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối mạng IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số. Ứng dụng các nền tảng và ứng dụng IoT trong thích ứng biến đổi khí hậu.

Bốn là, xây dựng chính phủ điện tử nhằm nâng cao hiệu lực,

hiệu quả quản lý đô thị và chất lượng cuộc sống đô thị, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh, an toàn và trật tự đô thị:

Phát triển hạ tầng chính phủ số phục vụ cơ quan nhà nước trên cơ sở kết hợp thế mạnh của mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet, trung tâm dữ liệu của cơ quan nhà nước để phục vụ kết nối liên thông, xuyên suốt các cấp hành chính, sử dụng cơ chế mã hóa và công nghệ bảo đảm an toàn, an ninh mạng do Việt Nam làm chủ một cách an toàn, bảo mật. Xây dựng chính sách thúc đẩy các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và người dân sử dụng điện toán đám mây trong đó tập trung ưu tiên sử dụng điện toán đám mây, sản phẩm dịch vụ trên nền tảng điện toán đám mây do các doanh nghiệp Việt Nam cung cấp, làm chủ.

Đẩy mạnh triển khai các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển Chính phủ điện tử. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục

vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Ưu tiên triển khai trước các cơ sở dữ liệu về dân cư, đất đai, y tế. Thúc đẩy chuyển đổi số các lĩnh vực y tế, giáo dục, thương mại điện tử và giao thông thông minh.

Năm là, phát triển kinh tế số gắn liền với kinh tế đô thị:

Để hiện thực hóa mục tiêu tỷ trọng kinh tế số trong GRDP của các đô thị đạt bình quân 20% vào năm 2025, 30% vào năm 2030, các địa phương cần thực hiện một số giải pháp sau:

- Tăng cường giáo dục và đào tạo kỹ năng số cho người lao động thông qua hệ thống các trường kỹ thuật và dạy nghề.

- Xây dựng chương trình phát triển doanh nghiệp công nghệ số theo hướng chuyển dịch từ lắp ráp, gia công sang làm sản phẩm theo hướng “Make in Viet Nam” - sáng tạo tại Việt Nam, thiết kế tại Việt Nam và sản xuất tại Việt Nam để giải quyết các bài toán chuyển đổi số của địa phương mình. Doanh nghiệp công nghệ số là hạt nhân, là nòng cốt để thúc đẩy chuyển đổi số, để chuyển đổi các doanh nghiệp thuộc mọi ngành nghề khác nhau thành doanh nghiệp số, mọi tổ chức thành tổ chức số, mọi công dân thành công dân số.

- Thúc đẩy các chương trình chuyển đổi số các ngành kinh tế và các doanh nghiệp tại địa phương đặc biệt là chuyển đổi số cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ thông qua các chương trình hỗ trợ tài chính, chương trình nâng cao năng lực chuyển đổi số ■





BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ CÁC VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI CÔNG TÁC QUY HOẠCH, XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG

● LÊ CÔNG THÀNH(*)

Biến đổi khí hậu đang diễn ra ngày càng khốc liệt với sự gia tăng cả về tần suất và cường độ của các hiện tượng thời tiết cực đoan. Theo Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng do Bộ Tài nguyên và Môi trường cập nhật và công bố mới đây, nhiệt độ trung bình tại hầu hết các vùng trên cả nước đều tăng cao. Các hiện tượng thời tiết cực đoan, đặc biệt là các cơn bão từ mạnh đến rất mạnh có xu hướng gia tăng.

Với dải ven biển có chiều dài hơn 3.000 km và các vùng biển hải đảo Việt Nam là vùng sẽ chịu nhiều rủi ro và nguy cơ, tác động tiềm tàng nhiều nhất liên quan đến biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Rủi ro sẽ ngày càng gia tăng đối với các vùng châu thổ và đô thị lớn, đặc biệt là các đô thị ven biển. Nếu nước biển dâng 100cm, đồng bằng sông Cửu Long có thể ngập tới trên 47,3% diện tích, trong đó Cà Mau và Kiên Giang là các

(*) Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

tỉnh có nguy cơ ngập cao nhất, tương ứng với 79,6% và 75,7% diện tích. Khoảng 13,2% diện tích đồng bằng sông Hồng, gần 2% diện tích tỉnh Quảng Ninh, 5,5% diện tích tỉnh Thừa Thiên Huế, 17% diện tích Thành phố Hồ Chí Minh, gần 5% diện tích tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có nguy cơ bị ngập. Các đô thị, các khu công nghiệp, khu kinh tế ven biển và các đô thị thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long sẽ chủ yếu chịu tác động của nước biển dâng. Khu vực từ phía Bắc tới Nam Trung Bộ đều chịu ảnh hưởng bởi áp thấp nhiệt đới, bão, tuy nhiên các đô thị ven biển chịu tác động của bão nghiêm trọng hơn so với các đô thị khác. Các đô thị trung du, miền núi Bắc Bộ và miền Trung thường bị ảnh hưởng của hoàn lưu sau bão gây lũ, lũ quét và sạt lở đất.

Các khu vực đô thị ở Việt Nam thường nằm không xa bờ biển, có mật độ dân cư cao với khoảng 47 triệu người vào năm 2030, quy hoạch đô thị/ không gian chưa tính đến biến đổi khí hậu và là vùng tập trung nhiều tài sản, công trình hạ tầng. Nhiều đô thị cũng là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa với vai trò đầu tàu thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của cả quốc gia hoặc của một vùng lãnh thổ, một địa phương. Vì vậy khu vực đô thị cũng là khu vực dễ bị tổn thương do các tác động tiêu cực ngày càng gia tăng của biến đổi khí hậu.

Mặt khác, do là khu vực tập trung dân cư, tập trung phát triển kinh tế, mật độ giao

thông cao, tiêu thụ nhiều năng lượng... nên các đô thị cũng là những nguồn phát thải khí nhà kính rất lớn. Việc Việt Nam đã chuyển sang giai đoạn phải thực hiện cắt giảm phát thải khí nhà kính bắt buộc từ năm 2021 trở đi theo quy định của Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu, vai trò và trách nhiệm thực hiện giảm phát thải khí nhà kính khu vực đô thị cũng hết sức nặng nề, nhất là góp phần quan trọng đưa mức phát thải ròng của nước ta về "0" vào năm 2050 như đã cam kết tại Hội nghị COP26.

Trong bối cảnh và dự báo như vậy, có thể nói công tác quy hoạch, phát triển đô thị tại Việt Nam cần có những thay đổi căn bản để vừa đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, vừa thích ứng với các tác động tiêu cực của thời tiết ngày càng trở nên cực đoan hơn do biến đổi khí hậu, vừa thực hiện trách nhiệm giảm phát thải khí nhà kính, thực hiện nghĩa vụ của một Bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu và Thỏa thuận Paris.

Nhận diện các vấn đề tồn tại và chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với các thách thức, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, quyết sách, chiến lược mang tầm thời đại để chuyển hóa các thách thức và định hướng cho sự phát triển bền vững và thịnh vượng trong quá trình xây dựng và phát triển đô thị tại Việt Nam mà gần đây nhất là Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị. Theo đó, Bộ Chính trị đã xác định đô thị hoá

là tất yếu khách quan, là một động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững trong thời gian tới. Trong đó, quan điểm phát triển hệ thống đô thị bền vững theo mạng lưới, phân bố hợp lý, phù hợp với từng vùng, miền, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, cân đối giữa các vùng, miền; phát triển các đô thị có chức năng tổng hợp với quy mô và dân số ở mức hợp lý theo hướng đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và dịch bệnh là một trong những quan điểm chỉ đạo xuyên suốt đối với công tác quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị.

Để đạt được các mục tiêu của Nghị quyết trong bối cảnh biến đổi khí hậu, cần thực hiện tốt một số nội dung, giải pháp trọng tâm sau đây:

Một là, cần tiếp tục nâng cao nhận thức và quán triệt một cách sâu sắc các tác động của biến đổi khí hậu đối với sự phát triển chung của quốc gia và từng địa phương để từ đó xây dựng và ban hành các chính sách phù hợp với điều kiện đặc thù của từng địa phương trong bối cảnh biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Tham khảo Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng của Việt Nam trong quá trình xây dựng và triển khai các quy hoạch phát triển đô thị tại các tỉnh, thành phố.

Hai là, cần thực hiện đánh giá tác động, mức độ dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu trong quy hoạch; đầu tư phát triển cơ



sở hạ tầng khu công nghiệp, đô thị, khu dân cư tập trung trên cơ sở phân vùng rủi ro thiên tai và kịch bản biến đổi khí hậu, đồng thời hài hòa với thiên nhiên. Cần tăng diện tích trồng cây xanh đô thị nhằm hạn chế hiện tượng đảo nhiệt đô thị và tăng hấp thụ khí nhà kính. Cần phát triển các khu đô thị, đô thị ven biển, trung tâm du lịch biển, du lịch sinh thái, di tích lịch sử văn hóa. Cần nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; phát triển, hoàn thiện mạng lưới đường bộ cao tốc, hệ thống giao thông kết nối liên vùng, liên đô thị. Việc xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng đô thị, phát triển các khu đô thị, đô thị ven biển phải theo hướng thích ứng biến đổi khí hậu phù hợp với các tiêu chuẩn an toàn trước thiên tai và kịch bản nước biển dâng. Cần phát triển, nâng cấp hệ thống thoát nước phòng chống ngập lụt do

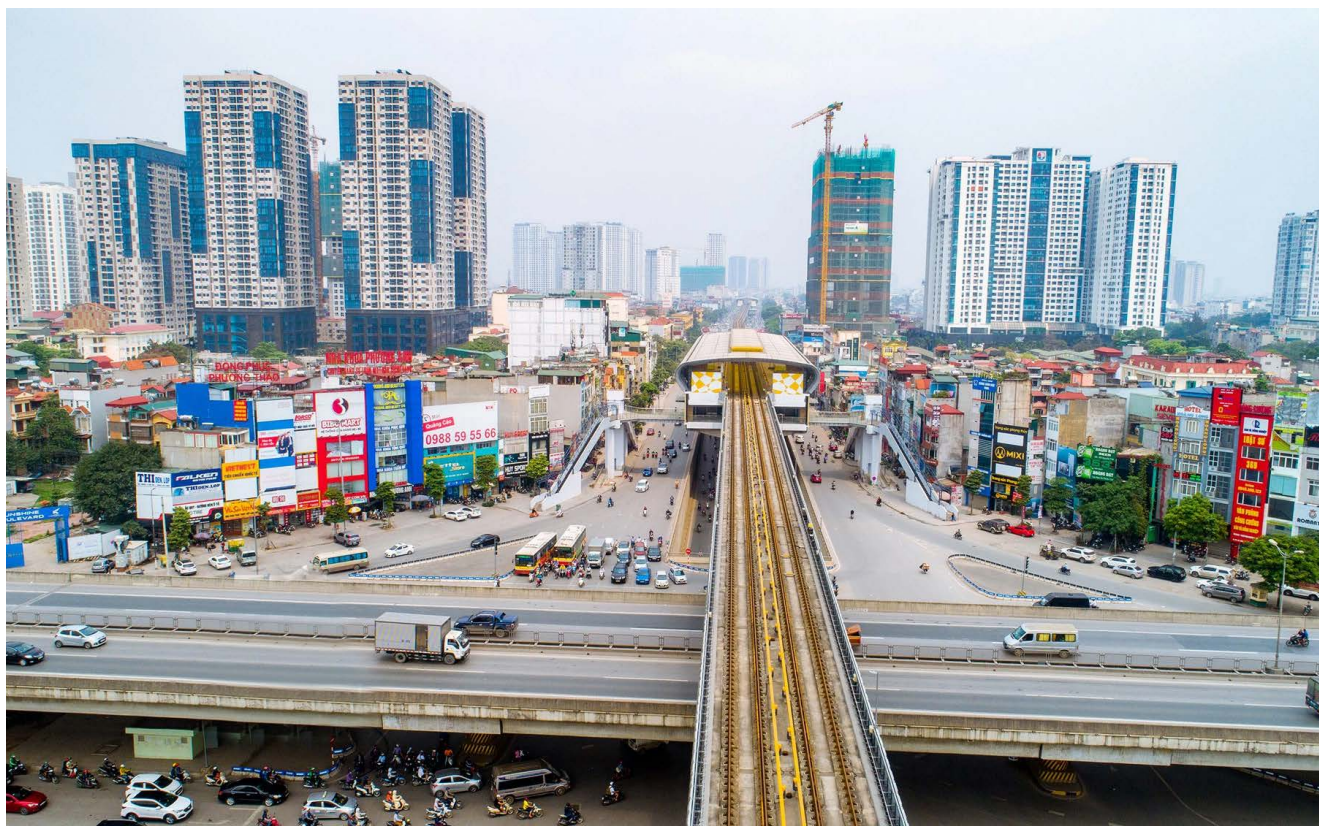
mưa lớn, lũ, triều cường, nước dâng do bão cho các đô thị lớn, đô thị ven biển; phát triển hệ thống cấp nước, hạn chế khai thác nước ngầm gây sụt lún khu vực đô thị; nghiên cứu các phương án vật liệu thay thế cát sỏi lòng sông giảm nguy cơ sạt lở, sụt lún.

Ba là, cần giảm phát thải khí nhà kính các khu vực đô thị, góp phần thực hiện mục tiêu đưa mức phát thải ròng của quốc gia về “0” vào năm 2050. Xây dựng các toà nhà, khu đô thị theo tiêu chuẩn xanh, sử dụng tiết kiệm năng lượng, gắn gũi với thiên nhiên, áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn sử dụng hiệu quả năng lượng tòa nhà; đẩy mạnh các giải pháp sử dụng hiệu quả năng lượng trong sản xuất, giao thông, chiếu sáng đô thị; thu hút đầu tư phát triển các ngành kinh tế ít phát thải khí nhà kính. Tăng cường kiểm soát, phòng ngừa ô nhiễm môi trường; phát triển công nghiệp môi trường, xử lý tái chế chất thải, nước thải

theo mô hình tuần hoàn, tái sử dụng và sản xuất năng lượng từ rác thải. Thiết lập hệ thống giám sát chất lượng môi trường, chuyển đổi sản xuất theo hướng thân thiện với môi trường. Đảm bảo hài hòa giữa bảo tồn, phát huy nguồn tài nguyên thiên nhiên với phát triển kinh tế.

Bốn là, cần thúc đẩy hợp tác quốc tế, chủ động đề xuất, thiết lập, dẫn dắt các khuôn khổ hợp tác quốc tế đa phương và song phương, huy động hiệu quả nguồn lực đầu tư, công nghệ và tri thức của các đối tác phát triển.

Để đạt được các mục tiêu của Nghị quyết cũng như các chính sách pháp luật có liên quan, vai trò hợp tác liên vùng đang ngày càng quan trọng bởi nguồn lực và xuất phát điểm của từng địa phương có những khác biệt. Bộ Tài nguyên và Môi trường với vai trò là cơ quan đầu mối của Chính phủ trong công tác ứng phó với biến đổi khí hậu sẽ phối hợp chặt chẽ với các thành phố, với các địa phương trong xây dựng và triển khai các chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch hành động, huy động các quan hệ đối tác chiến lược và thỏa thuận liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu trong thực hiện Nghị quyết; trình Quốc hội sửa đổi, kiện toàn các chính sách có liên quan nhằm thúc đẩy tiến trình phát triển đô thị của Việt Nam; đặt quyết tâm cao cùng hệ thống chính trị hiện thực hóa các mục tiêu đặt ra của Nghị quyết về phát triển đô thị bền vững đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 ■



NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ HÀ NỘI TRỞ THÀNH ĐÔ THỊ HIỆN ĐẠI, THÔNG MINH, DẪN DẮT VÀ TẠO HIỆU ỨNG LAN TỎA, LIÊN KẾT VÙNG ĐÔ THỊ THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT 06 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

● DƯƠNG ĐỨC TUẤN^(*)

Hiện nay phát triển các đô thị hiện đại, thành phố thông minh, liên kết vùng đô thị ... trong phát triển các thành phố, thủ đô đang là xu hướng chung của thế giới. Ở Việt Nam, xu hướng phát triển đô thị hiện đại và thành phố thông minh đã và đang bắt đầu khởi sắc. Các thành phố như: Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ,... đã có những bước tiến dài trong sự phát triển kinh tế, là trụ cột có tính lan tỏa trong vùng kinh tế trọng điểm.

(*) Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội.

Hà Nội có bề dày lịch sử, được hình thành từ khi Vua Lý Thái Tổ dời đô từ thành Hoa Lư về Đại La, đổi tên là thành Thăng Long. Trải qua suốt quá trình lịch sử, quy mô đô thị của Hà Nội từ khi còn nhỏ hẹp đã có nhiều lần điều chỉnh địa giới, quy mô, mà lần gần đây nhất là năm 2008, tại kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa 12 đã ban hành Nghị quyết số 15/2008/NQ-QH12 ngày 29/5/2008 về điều chỉnh địa giới hành chính Thành phố để đáp ứng sự phát triển của một trung tâm đầu não chính trị, hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước. Qua quá trình phát triển, hiện nay Thủ đô Hà Nội đã và đang giữ vai trò là một trung tâm quan trọng nhất của đất nước, có sức hút và tác động phát triển rộng lớn đối với quốc gia và khu vực Bắc Bộ, đặc biệt là vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và vùng Đồng bằng sông Hồng. Để có được vị thế đó, Thành phố Hà Nội luôn xác định công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch và phát triển kết cấu hạ tầng là một trong những vấn đề chiến lược, phải đi trước một bước nhằm tạo nguồn lực chủ yếu cho phát triển đô thị, tạo ra hệ thống hạ tầng khung giao thông quan trọng thúc đẩy phát triển mạnh mẽ liên kết ngành, liên kết vùng và lợi thế kết nối đa chiều của các đô thị trong khu vực và cả nước.

Nhằm cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính

phủ phê duyệt tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 và Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng Vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016, Thành ủy, UBND Thành phố đã tập trung chỉ đạo, triển khai các công tác về quy hoạch. Đến nay, đã hoàn thành một khối lượng lớn các đồ án quy hoạch các cấp độ, từ quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc với tỷ lệ phủ kín quy hoạch chung xây dựng - đô thị, quy hoạch phân khu đô thị (cấp độ 1) cơ bản đạt 100%. Đối với các quy hoạch hạ tầng kỹ thuật chuyên ngành trên địa bàn Thành phố, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành phê duyệt 08 đồ án quy hoạch: Giao thông vận tải; Cao độ nền và thoát nước mặt đô thị; Phát triển điện lực; Cấp nước; Thoát nước; Xử lý chất thải rắn; Nghia trang; Thông tin liên lạc; UBND Thành phố đã phê duyệt 02 quy hoạch: Bến xe, bãi đỗ xe, trung tâm tiếp vận và trạm dừng nghỉ trên địa bàn Thành phố và Quy hoạch chung không gian xây dựng ngầm đô thị trung tâm - thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đến nay, các quy hoạch được phê duyệt, kế hoạch được ban hành đã cơ bản đầy đủ, làm cơ sở triển khai quy hoạch chi tiết và dự án đầu tư xây dựng, triển khai công tác quản lý đô thị, đất đai, đầu tư, xây dựng, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Trong nhiệm kỳ này, Thành ủy Hà Nội cũng đã ban hành 10 chương trình công tác toàn khóa triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hà Nội lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025. Trong đó có Chương trình số 03-CTr/TU ngày 17/3/2021 về “*Chỉnh trang đô thị, phát triển đô thị và kinh tế đô thị thành phố Hà Nội, giai đoạn 2021-2025*”; Chương trình số 05-CTr/TU ngày 17/3/2021 về “*Đẩy mạnh công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn, ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn Thành phố Hà Nội, giai đoạn 2021-2025*”; đồng thời, ban hành Chỉ thị số 14-CT/TU ngày 02/3/2022 về tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý đô thị và trật tự xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Các Chương trình, Chỉ thị được ban hành đã cơ bản thống nhất, cụ thể hoá nhiều nội dung cần thực hiện nêu tại Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị.

Với sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố và sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sau hơn 10 năm phát triển, việc đẩy mạnh đầu tư phát triển đô thị, huy động đa dạng các nguồn lực xã hội tham gia vào đầu tư phát triển đô thị đã nhanh chóng tạo nên diện mạo mới cho đô thị Thủ đô. Công tác quy hoạch, phát triển không gian, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ

thuật được đặc biệt chú trọng, nhất là hệ thống đường vành đai, trục hướng tâm, cầu đường bộ, gắn với nâng cao năng lực vận tải hành khách công cộng và hạ tầng xã hội. Quản lý, phát triển đô thị, bảo vệ môi trường được tăng cường, cơ sở hạ tầng dần được hoàn thiện và hiện đại hóa, vấn đề nhà ở cho nhân dân được cải thiện. Các khu đô thị mới hiện đại dần được hình thành, góp phần giảm tải dân số khu vực nội đô, tạo diện mạo mới cho Thủ đô.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Thành phố Hà Nội cũng nhận thức rõ công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị của Thủ đô vẫn còn những tồn tại, hạn chế và thách thức. Đó là, chưa xác định rõ

các cơ chế quản lý, vận hành, phối hợp để thể hiện rõ vai trò là trung tâm, động lực tăng trưởng và phát triển của vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; tốc độ đô thị hoá chưa đạt mục tiêu đề ra (*hiện mới đạt 49,3% so với mục tiêu 58-60%*), quy mô dân số đã vượt ngưỡng dự báo gây khó khăn cho công tác quản lý, kiểm soát dân số tại khu vực đô thị trung tâm và giãn dân dân nội đô. Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, xây dựng, phát triển đô thị, trật tự, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường còn hạn chế; hạ tầng giao thông chưa đáp ứng được so với tốc độ đô thị hóa; Tính đồng bộ của hệ thống hạ tầng đô thị còn chưa cao; phát

triển đô thị chưa toàn diện.

Những hạn chế nêu trên có nguyên nhân khách quan và chủ quan. Do hệ thống pháp luật còn chưa đồng bộ, Hà Nội vẫn phải áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức chung như các tỉnh, thành phố khác; nhiều chính sách còn chồng chéo, chưa phù hợp với điều kiện, xu thế và các yêu cầu phát triển mới. Một số cơ chế, chính sách đặc thù hiện hành để khuyến khích đầu tư phát triển, nhất là các cơ chế, chính sách trong Luật Thủ đô và các văn bản pháp luật có liên quan còn bất cập, chưa thực sự phù hợp với vị thế, vai trò đặc biệt và việc phát huy, thúc đẩy tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô. Thể chế liên kết vùng còn nhiều hạn chế, tính gắn kết chưa



cao; một số vấn đề liên vùng chưa được giải quyết thống nhất, đồng bộ như: việc xử lý ô nhiễm, bảo vệ môi trường, việc đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật ở quy mô vùng và liên vùng làm cho nhiều hoạt động liên kết kinh tế vùng giữa Thủ đô với các địa phương trong vùng Thủ đô và cả nước chưa thật hiệu quả. Việc phát triển đô thị chưa đồng đều và chưa tương xứng với tiềm năng, định hướng và mục tiêu quy hoạch, chưa phát huy và khai thác tốt các nguồn lực của chính đô thị và nguồn lực xã hội cho phát triển đô thị. Chưa xây dựng được mô hình chính quyền đô thị phù hợp. Sự phối hợp giữa các ngành, các cấp của Thành phố trong chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện còn thiếu chặt chẽ. Công tác lãnh đạo, quản lý, điều hành ở một số cấp, ngành, chính quyền địa phương chưa thực sự sâu sát, quyết liệt. Công tác quản lý sau quy hoạch, đầu tư xây dựng thực hiện theo quy hoạch chưa được tập trung đúng mức.

Trên cơ sở quan điểm chỉ đạo, mục tiêu và định hướng phát triển cho Thủ đô Hà Nội đã được đề ra tại Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị: *“Xây dựng Thủ đô là một trong các cực tăng trưởng của cả nước; phát triển trở thành đô thị hiện đại, thông minh, dẫn dắt và tạo hiệu ứng lan tỏa, liên kết vùng đô thị”*, Thành phố Hà Nội sẽ tiếp tục kế thừa và phát huy những thành tựu đã đạt được, tập trung, nỗ lực phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành đô thị, thông minh, hiện đại, đặt

trong mối quan hệ chặt chẽ với phát triển hệ thống đô thị Vùng Thủ đô và toàn quốc, xây dựng Hà Nội trở thành động lực thúc đẩy phát triển Vùng và cả nước. Để đạt được điều đó, Thành phố sẽ tập trung vào các giải pháp đổi mới, sáng tạo, bám sát thực tiễn của địa phương với những nội dung cơ bản sau:

Thứ nhất, tiếp tục đề xuất hoàn thiện thể chế, chính sách tạo thuận lợi cho quá trình đô thị hoá, công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững, đặc biệt là sửa đổi, bổ sung cơ bản, toàn diện Luật Thủ đô nhằm tăng cường phân cấp, phân quyền, tạo sự chủ động cho Thủ đô Hà Nội trong việc xử lý các vấn đề liên ngành, liên vùng, có chính sách đột phá và phân cấp triệt để để giải quyết các vấn đề liên quan tới kinh tế, xã hội, quy hoạch, phát triển đô thị,... Đẩy nhanh việc thực hiện các quy hoạch, kế hoạch liên quan đến phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn.

Thứ hai, tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, tạo động lực phát triển Thủ đô, góp phần thúc đẩy sự phát triển của các địa phương khác trong Vùng Thủ đô, vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước, tăng cường công tác quản lý dân cư trên địa bàn; triển khai các chương trình trọng điểm với trọng tâm là Quy hoạch Thủ đô Hà Nội thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn

đến năm 2050 gắn với Chương trình phát triển đô thị Thành phố Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Thứ ba, tập trung nguồn lực phát triển, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của Thủ đô một cách tổng thể, hiện đại và hiệu quả. Ưu tiên hiện đại hóa, phát triển nhanh và đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, xây dựng các công trình tiêu biểu, không gian kiến trúc cảnh quan đặc sắc, mang đặc trưng của Thủ đô. Phát triển các tuyến đường có tính kết nối với các đô thị vệ tinh và kết nối vùng nội vùng và liên vùng (như: xây dựng cải tạo, nâng cấp, hoàn thiện các tuyến đường xuyên tâm, vành đai (VĐ): quốc lộ 1A, quốc lộ 6, VĐ1, VĐ 2, VĐ2,5, VĐ 3, VĐ3,5 ...; xây dựng các tuyến đường sắt đô thị, các cầu qua sông Hồng,...). Đặc biệt, Hà Nội sẽ tập trung đầu tư xây dựng tuyến đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm cần ưu tiên tập trung lãnh đạo để giải quyết các vấn đề cơ bản của Thủ đô Hà Nội hiện nay, tạo động lực mới để phát triển đô thị trung tâm, các đô thị vệ tinh; mở rộng không gian phát triển cho thành phố Hà Nội, tạo sức hút giảm mật độ dân cư ra ngoài khu vực trung tâm đô thị, từ đó định hướng và phân luồng giao thông từ xa, giảm tải áp lực giao thông lên hệ thống đường giao thông hiện có, đảm bảo mối liên kết vùng, tạo thuận lợi lan tỏa, kết nối, phát triển kinh tế-xã hội đồng bộ trong khu vực.

Thứ tư, tập trung hình thành một số cực tăng trưởng mới,

từng bước hoàn chỉnh mô hình cấu trúc phát triển Thủ đô, tạo ra chòm đô thị với các thành phố, thị xã trong Thủ đô, các đô thị vệ tinh, khu vực đô thị hình thành theo các tuyến đường vành đai, tuyến đường kết nối nội vùng, liên vùng, tuyến đường sắt đô thị làm đối trọng và giải nén, giảm tải cho đô thị trung tâm, giãn dân ra các đô thị xung quanh. Đồng thời, triển khai thực hiện các nhiệm vụ xác định tại Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó sẽ nghiên cứu xây dựng mô hình phát triển “Thành phố thuộc Thủ đô” tại khu vực phía Bắc (gồm các huyện Sóc Sơn, Mê Linh, Đông Anh) đảm bảo kết nối với 02 thành phố lân cận

phía Bắc (Vĩnh Phúc, Bắc Ninh) để hình thành “Trung tâm của 3 trung tâm” - 3 Cụm động lực phát triển kinh tế vùng theo định hướng Quy hoạch vùng Thủ đô (Hà Nội - Vĩnh Phúc - Bắc Ninh); Thành phố tại khu vực phía Tây (đô thị Hòa Lạc kết nối với đô thị Xuân Mai) hình thành định hướng đô thị có tính chất khoa học-công nghệ, giáo dục-đào tạo và dịch vụ kết nối với các tỉnh phía Tây Bắc.

Thứ năm, tập trung phát triển các huyện lên quận; phấn đấu đến năm 2025 có 3 đến 5 huyện phát triển thành quận; đến năm 2030 có thêm 1 đến 2 huyện phát triển thành quận. Nghiên cứu mở rộng, nâng cấp sân bay quốc tế Nội Bài và xây dựng thêm 01 sân bay quốc tế dự kiến tại khu vực phía Nam của Thủ đô đáp

ứng yêu cầu giao thông của ngõ, phát triển vùng Thủ đô và khu vực phía Bắc.

Hiện nay, Thành phố Hà Nội đang triển khai rà soát, đánh giá và xây dựng báo cáo tổng kết thi hành Luật Thủ đô 2012, làm cơ sở kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét toàn diện Luật Thủ đô để bổ sung, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách đặc thù cho Thủ đô phát triển trong giai đoạn 10 năm tới và những năm tiếp theo; trong đó sẽ quy định về vận hành quản lý quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững Thủ đô Hà Nội theo tinh thần Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị. Để xây dựng, phát triển và đảm bảo giữ vững “*Vai trò, vị thế của Thủ đô: là đại diện của quốc gia, là trái tim của cả nước, có vai*



Ảnh: Thủ đô Bangkok, Thái Lan

trò là trung tâm đầu não chính trị - hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế, một động lực phát triển của vùng Thủ đô, vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước”, Thành phố Hà Nội xin báo cáo, kiến nghị Ban Kinh tế Trung ương, Chính phủ và các Bộ ngành liên quan xem xét:

(1) Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ hoàn thành lập các Quy hoạch cấp Quốc gia, quy hoạch Vùng ... theo Luật Quy hoạch 2017, làm cơ sở để Thành phố tổ chức triển khai lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị - nông thôn theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng. Đồng thời, cần nghiên cứu giải pháp để báo cáo Quốc hội cho phép các thành phố trực thuộc Trung ương chỉ lập một bản quy hoạch cấp tỉnh để tránh chồng chéo, trùng lặp, lãng phí nguồn lực (Hiện nay Thành phố đang phải lập 02 quy hoạch cấp Thủ đô là Quy hoạch Thủ đô thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của Luật Quy hoạch 2017 và Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị 2009 và Luật Xây dựng 2014, 2020; tương tự như một số thành phố trực thuộc Trung ương cũng đang triển khai).

(2) Hiện nay, Luật Xây dựng 2014, 2020 có quy định về quy hoạch xây dựng khu chức năng và khu vực nông thôn, đồng thời Luật Quy hoạch đô thị 2009 quy định về quy hoạch đô thị, còn

nhiều nội dung chồng chéo, thiếu thống nhất. Do vậy, xin kiến nghị các cấp có thẩm quyền chỉ đạo các cơ quan chức năng nghiên cứu hợp nhất 02 nội dung này thành 01 luật là Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn để thống nhất, đồng bộ; xem xét thống nhất bản đồ quy hoạch sử dụng đất của ngành tài nguyên và môi trường vào trong hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn. Đồng thời, trong quá trình sửa đổi bổ sung Luật Quy hoạch 2017 cần đảm bảo thống nhất, đồng bộ (có thể xem xét cả phương án hợp nhất các luật trên thành 01 luật về quy hoạch). Tiến tới có thể xem xét xây dựng Luật Quản lý và phát triển đô thị để tạo cơ chế, hành lang pháp lý quan trọng để quản lý và thúc đẩy phát triển, phù hợp định hướng của Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị và thực tiễn, từng bước khắc phục, giảm thiểu những tồn tại, hạn chế hiện nay.

(3) Chỉ đạo nghiên cứu xây dựng các quy định pháp luật mới, cơ chế chính sách mới về đầu tư (kể cả nghiên cứu hoàn thiện, bổ sung cơ chế chính sách đúc rút từ các quy định trước đây về các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) và các quy định có liên quan) gắn với việc điều chỉnh, bổ sung, đồng bộ hóa các quy hoạch pháp luật về quy hoạch, đầu tư, đất đai, nhà ở, quản lý phát triển đô thị, xây dựng, đấu thầu, ... nhằm tạo ra cơ sở, hành lang pháp lý đột phá, phù hợp để triển khai thuận lợi các dự án khung hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng

xã hội, hạ tầng kinh tế, thúc đẩy phát triển đô thị.

(4) Chỉ đạo các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô Hà Nội xây dựng các chương trình, kế hoạch, các dự án đầu tư ưu tiên có lợi cho liên kết vùng; đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội, các dự án phát triển hạ tầng khung, đảm bảo kết nối đồng bộ (vành đai 4, vành đai 5...) theo định hướng Quy hoạch Vùng Thủ đô Hà Nội đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Xem xét điều chỉnh phân công Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội là Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô (trong Nghị định số 91/2021/NĐ-CP ngày 21/10/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô) để đảm bảo hiệu quả điều phối Vùng Thủ đô, phát huy vai trò hạt nhân trung tâm là Thủ đô Hà Nội; đồng thời tiến tới thành lập Hội đồng quản lý Vùng Thủ đô để quản lý, triển khai có hiệu quả các hoạt động.

(5) Thống nhất việc triển khai Chương trình, kế hoạch hành động của Thành phố Hà Nội thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị đồng thời, kết hợp với việc triển khai Chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đảm bảo thống nhất, đồng thời, đồng bộ ■



NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BỀN VỮNG VÀ KINH TẾ ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THEO TINH THẦN CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 06-NQ/TW NGÀY 24/01/2022 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ QUY HOẠCH, XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐÔ THỊ VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

● **PHAN VĂN MÃ**(*)

Vị trí, vai trò và tiềm năng phát triển Thành phố và vùng Thành phố Hồ Chí Minh:

Trung tâm kinh tế-văn hóa-xã hội của cả nước

Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt; trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, giáo dục - đào

tạo, khoa học - công nghệ; đầu mối giao lưu và hội nhập quốc tế; đầu tàu, động lực, có sức hút và sức lan tỏa lớn của Vùng. Thành phố chỉ chiếm 0,6% diện tích cả nước, dân số khoảng 9,2 triệu người nhưng có đóng góp rất lớn cho sự phát triển kinh tế chung của cả nước. Kinh tế

thành phố tăng trưởng khá và ổn định qua các năm.

Hoạt động khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo đang từng bước trở thành động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, gắn với phát triển kinh tế tri thức thông

(*) Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch UBND TP Hồ Chí Minh

qua tập trung nghiên cứu phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp và đang trở thành điểm sáng của cộng đồng doanh nghiệp khởi nghiệp trên cả nước. Thành phố triển khai đề án xây dựng Khu đô thị sáng tạo tương tác cao phía Đông, tạo ra trung tâm động lực tăng trưởng mới.

Với vai trò đầu tàu, Thành phố Hồ Chí Minh đẩy mạnh các hoạt động liên kết vùng. Điểm nhấn quan trọng ở giai đoạn 2016 - 2020, Thành phố và các tỉnh trong vùng đã triển khai liên kết về cung cầu hàng hóa, phát triển giao thông, du lịch, bảo vệ môi trường, kiểm

soát dịch bệnh, đào tạo nguồn nhân lực, giải quyết việc làm để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Vùng.

Là đô thị hạt nhân của vùng Thành phố Hồ Chí Minh

Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh là một đô thị đặc biệt, tốc độ đô thị hóa diễn ra rất nhanh. Điều này giúp mang lại cho Thành phố Hồ Chí Minh sự tăng trưởng vượt bậc về kinh tế, nắm giữ vị trí “đầu tàu”, tạo động lực cho sự phát triển của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, là trung tâm giao thương quốc tế, là đô thị hạt nhân của vùng và quốc gia, là trọng điểm kết nối, liên kết và hỗ trợ các đô thị trong vùng

cùng phát triển, giữ vị thế chiến lược quan trọng.

Tiềm năng phát triển Thành phố và vùng Thành phố Hồ Chí Minh

Xu hướng gần đây trong chuyển đổi mô hình tăng trưởng sang nền kinh tế dịch vụ đã tạo điều kiện cho các thành phố lớn có vai trò dẫn dắt. Các ngành công nghiệp nặng, ô nhiễm có xu hướng được di dời khỏi trung tâm các đô thị lớn và thay thế bằng công nghiệp công nghệ cao và dịch vụ. Tỷ trọng khu vực kinh tế dịch vụ hiện là 40-45% sẽ tăng lên và tăng nhanh ở các trung tâm quy mô lớn như Thành phố Hồ Chí Minh (từ



60% lên 65%), tiệm cận với các quốc gia có trình độ phát triển cao hơn có tỉ trọng khu vực dịch vụ (trên dưới 60%).

Bên cạnh đó, kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh còn gắn kết với tiềm năng lớn trong liên kết phát triển kinh tế biển: Năm 2020, Thành phố chiếm hơn 37% tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của các địa phương ven biển, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) chiếm hơn 25% tổng FDI các tỉnh, thành ven biển và gần 11% cả nước. TP HCM hoàn toàn có thể trở thành một cực kinh tế biển lớn nhất Việt Nam - điểm đến quan trọng mang tầm vóc quốc tế trong mạng lưới chuỗi đô

thị biển khu vực Đông Nam Á thông qua phát triển chuỗi đô thị - kinh tế biển xanh gắn với khu vực biển Cần Giờ.

Với xu hướng và điều kiện nêu trên thì chiến lược đầu tư phát triển vùng đô thị hợp lý sẽ là cánh cửa tiềm năng để Thành phố, cũng như vùng Đông Nam Bộ tham gia sâu vào quá trình hội nhập, cạnh tranh trong khu vực và quốc tế.

Kết quả thực hiện quy hoạch, quản lý, phát triển đô thị và quy hoạch xây dựng trong thời gian qua:

Trong chặng đường phát triển đô thị vừa qua, Thành phố Hồ Chí Minh đã trải qua không ít những khó khăn, thách

thức, nhưng đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần làm thay đổi diện mạo Thành phố, tạo cơ sở cho sự phát triển không ngừng về kinh tế - xã hội, từng bước cải thiện, nâng cao đời sống nhân dân.

Về công tác quy hoạch phát triển đô thị và quản lý phát triển đô thị:

- Thành phố đang triển khai thực hiện công tác nghiên cứu, rà soát điều chỉnh và được Thủ tướng Chính phủ ra quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch các đồ án quy hoạch chung thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060 và quy hoạch chung Thành phố Thủ Đức đến năm



2040, tầm nhìn đến năm 2060 theo tinh thần đổi mới, sáng tạo; triển khai nghiên cứu nhiệm vụ và nội dung điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển đô thị phù hợp với điều kiện, đặc điểm Thành phố, gắn kết với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và vùng Đông Nam Bộ; tích hợp quy hoạch xây dựng, phát triển đô thị với quy hoạch phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng, và quy hoạch ngành - lĩnh vực.

- Công tác chỉnh trang và phát triển đô thị có chuyển biến tích cực. Công tác quản lý đô thị gắn với quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đạt nhiều kết quả tích cực. Công tác phòng, chống biến đổi khí hậu được quan tâm.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện và đưa nhiều công trình giao thông vào khai thác, sử dụng góp phần cải thiện giao thông khu vực như Cảng Cát Lái, sân bay Tân Sơn Nhất, các tuyến đường, nút giao cửa ngõ thành phố. Công tác quản lý đô thị, quản lý giao thông, trật tự đô thị, lòng đường, vỉa hè đã đạt được nhiều kết quả. Các ứng dụng công nghệ thông tin được triển khai rộng rãi và có chiều sâu trong các hoạt động quản lý nhà nước, hỗ trợ hiệu quả công tác cải cách hành chính, phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Đề án “Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025” được triển khai mạnh

mẽ, góp phần đẩy mạnh và thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính, phục vụ tốt nhân dân và doanh nghiệp.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, quản lý và phát triển đô thị vẫn còn những tồn tại, hạn chế. Kết cấu hạ tầng đô thị chưa đồng bộ, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Các chương trình giảm ùn tắc giao thông, giảm ngập nước, giảm ô nhiễm môi trường đã đề ra và được triển khai bằng nhiều giải pháp nhưng chưa đưa lại kết quả rõ rệt. Quản lý quy hoạch, quản lý đất đai vẫn còn hạn chế và chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của Thành phố.

Công tác quán triệt, triển khai và dự kiến những giải pháp thực hiện Nghị quyết số 06-TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị:

- Thành ủy đã chỉ đạo Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân Thành phố tham mưu xây dựng kế hoạch chương trình quán triệt, triển khai Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trên cơ sở đó, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân Thành phố đã thành lập Tổ biên tập, triển khai nghiên cứu Nghị quyết và xây dựng kế hoạch và chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết.

- Nghị quyết 06-NQ/TW thúc đẩy nâng cao chất lượng đô thị hóa, đặt ra tầm nhìn

và mục tiêu phát triển bền vững cho các đô thị Việt nam, trong đó có Thành phố Hồ Chí Minh. Các tiêu chí đề ra trong Nghị quyết tương đồng và tiệm cận với chuẩn mực và trình độ quốc tế. Việc triển khai Nghị quyết đồng bộ ở các bộ, ban, ngành, các địa phương và cả hệ thống chính trị sẽ góp phần quan trọng trong việc tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong phát triển đô thị, khơi thông nguồn lực đô thị và tạo thêm động lực thúc đẩy các khu vực khác cùng phát triển.

Trên cơ sở quan điểm, mục tiêu, giải pháp thực hiện của Nghị quyết, hướng tới mục tiêu trở thành đô thị đạt đẳng cấp quốc tế, trung tâm về kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học công nghệ và văn hóa của khu vực Đông Nam Á, Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp thực hiện như sau:

Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, phối hợp và phát huy nguồn lực đầu tư và phát triển đô thị

Thực hiện đề án xây dựng chính quyền đô thị, chủ động nghiên cứu, đề xuất phân cấp và trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, sáng tạo trong việc huy động các nguồn lực và có cơ chế thúc đẩy hợp tác công tư.

Chủ động đề xuất điều chỉnh, bổ sung cập nhật những nội dung đặc thù của Thành phố Hồ Chí Minh về quy chuẩn, tiêu chuẩn, các chỉ tiêu

xây dựng với những khả năng vận dụng gắn với yêu cầu thực tế và đặc thù của Thành phố.

Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc nâng cao năng lực quản lý đô thị của chính quyền các cấp, thu hút nguồn lực quốc tế trong việc đầu tư hạ tầng đô thị với quan điểm học hỏi, nhận chuyển giao tích cực và từng bước làm chủ năng lực, công nghệ quản lý đô thị hiện đại.

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, xây dựng, cải tạo chỉnh trang và quản lý phát triển đa dạng các hình thái và khu vực đặc thù

Đổi mới cách tiếp cận quy hoạch đô thị từ mô hình chỉ

dựa trên các con số chỉ tiêu quy hoạch hay kế hoạch dài hạn khó đạt trong điều kiện hạn chế về nguồn lực đầu tư, sang quản lý theo mục tiêu phát triển bền vững với chiến lược và giải pháp phân kỳ đầu tư, với nguồn lực hiện có và đảm bảo tính khả thi khi đạt được từng bước những chỉ tiêu dài hạn.

Đổi mới phương pháp quy hoạch và quản lý quy hoạch theo hướng quy hoạch phải gắn với giải pháp huy động nguồn lực và các thể chế chính sách có tính liên ngành, liên cấp, liên vùng, huy động hiệu quả nguồn lực đầu tư hạ tầng đô thị. Lấy nguyên tắc phát triển bền vững làm cơ sở cho quá trình lập và thực thi quy hoạch.

Tập trung hoàn thành các quy hoạch: Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội Thành phố thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, quy hoạch chung thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060; hoàn thành quy hoạch không gian ngầm, đẩy mạnh thiết kế đô thị toàn diện, đồng bộ khu trung tâm Thành phố, khu đô thị mới và các khu đô thị hiện hữu.

Quy hoạch, xây dựng quỹ nhà ở gắn với phát triển hạ tầng đồng bộ, hình thành các khu ở đô thị theo mô hình



Ảnh: Trung tâm tài chính Dubai, Các Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất

trung chuyển giao thông công cộng (TOD)

Xây dựng các cơ chế quản lý quy hoạch, đầu tư phát triển các khu ở đô thị hiện đại, khuyến khích và thiết lập sự tham gia của cộng đồng vào trong các công cụ quản lý về quy hoạch. Trong đó, ưu tiên tập trung thực hiện chương trình phát triển nhà ở theo kế hoạch đã đề ra đối với nhà ở xã hội, nhà lưu trú công nhân, nhà chung cư cũ, nhà ở ven kênh rạch...

Phát triển mạng lưới đô thị của Thành phố và vùng Thành phố với cấu trúc và quy mô phù hợp với nguồn lực thực tế, áp dụng kinh tế tuần hoàn, hướng đến tăng trưởng xanh, bền vững, có khả năng chống chịu, thích ứng và tự hồi phục

Xây dựng và triển khai những chiến lược, chương trình phát triển đô thị xanh, ứng dụng nguyên lý kinh tế tuần hoàn. Phát huy sáng kiến và áp dụng giải pháp xanh, công nghệ xanh.

Phát triển các chùm đô thị, khu đô thị chức năng, có khả năng thích ứng và tự hồi phục (resilience) như: khu đô thị đại học, khu đô thị giải trí du lịch biển Cần Giờ, khu đô thị dịch vụ giải trí đa chức năng ven sông Sài Gòn, khu đô thị dịch vụ cảng Hiệp Phước, khu đô thị nông nghiệp công nghệ cao, du lịch nông nghiệp sinh thái vv... liên kết chức năng chùm đô thị vùng. Ưu tiên liên kết, hợp tác với các vùng, địa phương lân cận.

Đổi mới quản lý phát triển

Thành phố gắn với ứng dụng các mô hình quản lý với công nghệ hiện đại, thúc đẩy văn hóa khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và các hệ sinh thái khởi nghiệp của Thành phố

Đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý và phát triển đô thị. Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số (GIS, Big Data...), xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đô thị trong quản lý đô thị.

Thúc đẩy đầu tư, xây dựng văn hóa khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo dựa trên nền tảng những giá trị văn hóa và con người thành phố.

Phát triển kinh tế khu vực đô thị; đề xuất những cơ chế, chính sách, các mô hình tài chính và đầu tư mới, phục vụ xây dựng, phát triển Thành phố

Phát triển kinh tế dịch vụ, đặc biệt đối với các hệ sinh thái dịch vụ gắn với đặc trưng sông rạch Thành phố và vùng Thành phố. Thúc đẩy các ngành công nghiệp chế tạo tiên tiến và có tính chiến lược, phát triển kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ, kinh tế ban đêm, kinh tế du lịch, thể thao... gắn với hình thành, phát triển đô thị tại các địa phương ven biển, phát triển mô hình khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ tại các đô thị, đa dạng nhiều loại hình hoạt động.

Các đề xuất, kiến nghị:

Kiến nghị Chính phủ có chỉ đạo rà soát, đánh giá toàn diện thực trạng và đề xuất điều chỉnh các định hướng, chiến lược,

chương trình, cơ chế chính sách quốc gia về quản lý phát triển vùng đô thị, trong đó có vùng Đông Nam Bộ, nhằm tạo điều kiện phát huy thế mạnh và tiềm năng của vùng Thành phố Hồ Chí Minh. Thúc đẩy các sáng kiến, chủ động hợp tác kết nối vùng và hợp tác giữa các đô thị trong chùm đô thị, đẩy mạnh hợp tác công tư cũng như hợp tác quốc tế.

Đề xuất Chính phủ nghiên cứu điều chỉnh cơ chế phân bổ đầu tư có trọng điểm trong hệ thống đô thị quốc gia. Ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư hạ tầng kết nối vùng, giao thông công cộng sức chở lớn để khai thác hiệu quả chùm đô thị ở vùng Thành phố.

Cho phép Thành phố Hồ Chí Minh triển khai nghiên cứu ứng dụng thí điểm các mô hình, giải pháp tổ chức quản lý đầu tư các dự án trọng điểm, các khu đô thị mới theo mô hình mới, đột phá trong huy động nguồn lực và tổ chức thực hiện.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về kết hợp và phát huy nguồn lực trong quản lý phát triển đô thị bền vững, bao gồm cơ chế chính sách đặc thù cho phát triển vùng Thành phố Hồ Chí Minh. Nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh một số điều khoản trong các luật liên quan đến những ứng dụng thí điểm, tạo hành lang pháp lý để Thành phố triển khai thành công những đổi mới sáng tạo trong quy hoạch, đầu tư phát triển và quản lý đô thị theo định hướng bền vững ■



NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ CÁC ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ TRỞ THÀNH ĐÔ THỊ XANH, THÔNG MINH, THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI, DỊCH BỆNH THEO TÌNH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 06-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ KHÓA XIII

● LÊ QUANG MẠNH(*)

Xác định vấn đề quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 là nhiệm vụ chính trị quan trọng, lâu dài của toàn Đảng bộ thành phố, thể hiện qua sự quyết tâm, trách nhiệm, chủ động của các cấp, các ngành, địa phương, đơn vị trong việc cụ thể hóa đầy đủ, toàn diện mục tiêu, các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XIII đã đề ra; phân công trách nhiệm cụ thể đối với các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội từ thành phố đến cơ sở, triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, gắn với lộ trình phù hợp để tập trung chỉ đạo nhằm đạt kết quả cao nhất.

(*) Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bí thư Thành Ủy Cần Thơ

Bên cạnh đó, thành phố Cần Thơ được đánh giá là 01 trong 05 thành phố sẽ bị ảnh hưởng nặng nề bởi biến đổi khí hậu. Vì vậy, thành phố đã xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo và các giải pháp chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, điển hình như: Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; nhận diện các rủi ro ngày càng nghiêm trọng như sụt lún, sạt lở, nước biển dâng, triều cường gây ngập lụt đô thị, hạn hán dẫn đến xâm nhập mặn; thúc đẩy sản xuất nông nghiệp lồng ghép thích ứng biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường... với nhiều giải pháp được thực hiện đạt hiệu quả...

Quán triệt thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Đảng bộ thành phố Cần Thơ xác định các nhiệm vụ, giải pháp và các đề xuất, kiến nghị phát triển thành phố Cần Thơ trở thành đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai, dịch bệnh theo tinh thần Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị, như sau:

Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian tới

Thành phố Cần Thơ đã sớm xây dựng, ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 11/4/2017 của Thành ủy “Về xây dựng thành phố Cần Thơ phát triển thành đô

thị thông minh, giai đoạn 2016 - 2025”; Chương trình số 27-CTr/TU ngày 31/12/2021 của Thành ủy về Bảo vệ môi trường “Cần Thơ xanh và sạch” phòng, chống ô nhiễm môi trường và ngập nghẹt thành phố giai đoạn 2022 - 2025 và Chương trình thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XIII... nhằm từng bước bố trí và thu hút nguồn lực thực hiện; thông qua việc cải thiện về quản trị thành phố, sự tham gia của nhiều bên, lấy áp dụng công nghệ mới làm cốt lõi, xây dựng thành phố Cần Thơ thông minh. Đến nay, đã có những kết quả bước đầu khả quan trong vận hành thử nghiệm, là cơ sở quan trọng để thành phố mở rộng thực hiện trong thời gian tới.

Nâng chất lượng công tác quy hoạch, trước hết làm tốt Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, với phương pháp tiếp cận toàn diện, tích hợp; hoàn thành công tác lập Quy hoạch sẽ là cơ sở quan trọng nhằm định hướng phát triển các lĩnh vực kinh tế - xã hội của thành phố trong thời kỳ mới, đồng bộ và bền vững, đồng thời, đảm bảo tích hợp đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường, quản lý sử dụng tài nguyên thiên nhiên, ứng phó với biến đổi khí hậu và gắn kết với tất cả các ngành, lĩnh vực và các địa phương; trong đó, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc gìn giữ, đầu tư và khai thác kết cấu của hệ thống sông nước cũng như hệ thống cảnh quan - sản xuất nông nghiệp đan xen trong không gian đô thị của thành phố Cần Thơ. Với hệ thống khung của Quy

hoạch, các đặc trưng sông nước, sinh thái cũng như đảm bảo yếu tố là đô thị xanh trong quá trình phát triển được hình hình, phát triển, đồng thời là cấu trúc đảm bảo cho thành phố ứng phó, thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu.

Xây dựng cơ chế tốt để huy động đầy đủ nguồn lực, trong đó, xác định nguồn lực về tri thức sẽ là khâu đột phá; huy động nguồn lực về công nghệ để tiệm cận nhanh nhất trình độ khoa học, công nghệ trong nước và trên thế giới; đồng thời, huy động nguồn lực về tài chính để thu hút nguồn vốn lớn từ xã hội trong đầu tư, xây dựng và phát triển thành phố, đồng thời đảm bảo mục tiêu về “phát triển đô thị theo hướng đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và dịch bệnh”.

Bên cạnh đó, cần xây dựng công cụ để theo dõi, giám sát, đánh giá, hoàn thiện chính sách qua thực tiễn triển khai, thực hiện. Đây là yêu cầu hết sức quan trọng để đảm bảo việc sử dụng hiệu quả nguồn lực và là cơ sở để đảm bảo tính công khai, minh bạch, tuân thủ pháp luật trong quá trình phát triển đô thị.

Tích cực xây dựng liên kết trong nội bộ thành phố nói riêng và các địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long nói chung trong lĩnh vực phát triển xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh. Bên cạnh đó, chủ động hợp tác, hội nhập quốc tế; tăng cường trao đổi thông tin, kinh nghiệm, tận dụng hiệu quả sự giúp đỡ của quốc tế về tài

chính, khoa học công nghệ và nhân lực trong ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, phát triển đô thị thông minh.

Thành phố sẽ chủ động phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành Trung ương, các tỉnh, thành trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh; thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Thực hiện tốt công tác quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái; hướng tới là trung tâm ứng phó với biến đổi khí hậu của vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Một số đề xuất, kiến nghị

Nhằm cụ thể hóa mục tiêu “Phát triển đô thị có chức năng

tổng hợp với quy mô và dân số ở mức hợp lý theo hướng đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và dịch bệnh” được xác định tại Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XIII, thành phố Cần Thơ xin có một số đề xuất, kiến nghị sau:

Kiến nghị Trung ương ưu tiên cho Thành phố tiếp cận các dự án hợp tác quốc tế toàn diện trên các lĩnh vực quản lý nhà nước về xây dựng và đô thị; khuyến khích các đô thị tăng cường hợp tác với các đô thị, các tổ chức quốc tế; chủ động, tích cực tham gia hệ thống mạng lưới các đô thị xanh, thích ứng, bản sắc, bền vững và thông minh ở khu vực và quốc tế.

Kiến nghị Trung ương thống nhất thực hiện quy hoạch theo hướng đô thị thông minh; hỗ trợ Cần Thơ phát triển Trung tâm điều hành đô thị thông minh. Triển khai Trung tâm điều hành

đô thị thông minh với việc đảm bảo hạ tầng và phần mềm nền tảng điều hành; xây dựng cơ chế chính sách, giải pháp các nguồn lực, đảm bảo công tác quản lý, vận hành Trung tâm phục vụ việc chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Thành phố; phân tích, dự báo, hỗ trợ ra quyết định.

Đối với việc chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, Cần Thơ đề xuất Trung ương cần có cơ chế, phương thức quản lý tổng hợp và thống nhất, liên ngành, liên vùng; vừa đáp ứng yêu cầu trước mắt, vừa bảo đảm lợi ích lâu dài. Đồng thời, tích hợp đầy đủ, hợp lý nội dung bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên, ứng phó biến đổi khí hậu trong lập quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, phù hợp với quy hoạch chung của vùng đồng bằng sông Cửu Long ■





NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ CÁC KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT ĐỂ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ BỀN VỮNG THEO HƯỚNG ĐÔ THỊ XANH, THÔNG MINH, GIÀU BẢN SẮC TẠI HÀ GIANG

● ĐẶNG QUỐC KHÁNH^(*)

Phát triển bền vững theo hướng đô thị xanh là xu hướng phát triển đặc biệt thích hợp với các đô thị trung bình và đô thị nhỏ có lợi thế về khí hậu, cảnh quan và địa hình tự nhiên phong phú, đa dạng ở các tỉnh miền núi phía Bắc, trong đó có tỉnh Hà Giang. Các đô thị với lợi thế dễ dàng phát triển thành các đô thị du lịch sinh thái, đậm đà bản sắc văn hóa các dân tộc, cho phép khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững,

hạn chế xây dựng mà vẫn tạo nguồn lực phát triển đô thị, hạn chế việc khai thác tài nguyên theo kiểu làm gia tăng quỹ đất dành cho xây dựng dẫn đến bê tông hóa bộ mặt đô thị. Đô thị xanh thúc đẩy chuyển dịch mô hình kinh tế đô thị theo hướng tăng trưởng xanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả bền vững, tạo việc làm, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, nâng cao năng lực chống

chịu, ứng phó với biến đổi khí hậu của hệ thống các đô thị.

Tỉnh Hà Giang xác định quan điểm đô thị hóa là tất yếu khách quan, là một động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững trong tương lai. Bảo đảm kết hợp đồng bộ và hài hòa giữa cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị với phát triển các đô thị mới, đảm bảo kiến trúc đô thị hiện đại, giàu bản sắc, các yếu

(*) Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hà Giang

tổ văn hóa đặc trưng, truyền thống của 19 dân tộc anh em được giữ gìn, phát huy. Phát triển đô thị tại Hà Giang sẽ phải gắn với định hướng, chiến lược của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025; các quy hoạch ngành, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch tỉnh và các quy hoạch xây dựng đô thị.

Để triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết 06-NQ/TW, ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Giang đã ban hành Nghị quyết 23/NQ-TU về phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Trong đó, tỉnh Hà Giang sẽ tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp để phát triển đô thị bền vững theo hướng đô thị xanh, thông minh, giàu bản sắc tại Hà Giang, như sau:

Thứ nhất, hoàn thành rà soát, điều chỉnh các định hướng chiến lược về quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị. Nhất quán quan điểm phát triển đô thị xanh, thông minh, giàu bản sắc từ khâu tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch; các quy hoạch phải đảm bảo hài hòa hiệu quả kinh tế - sinh thái, tôn trọng địa hình cảnh quan tự nhiên, thân thiện môi trường; đảm bảo sự phát triển bền vững của hệ sinh thái trong đô thị với nhiều không gian cây

xanh, mặt nước, vành đai xanh và đảm bảo các khu vực chức năng phải thỏa mãn các tiêu chí về chất lượng môi trường. Xác định vành đai xanh, thiết lập nhằm hạn chế phát triển đô thị tràn lan, khẳng định bản sắc đô thị, vành đai xanh sẽ kết nối trung chuyển giữa đô thị và khu vực nông thôn, xem xét đưa tiêu chí xanh vào công tác quy hoạch, thiết kế. Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật xã hội đô thị như: Cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, rác thải, cung cấp năng lượng, viễn thông, mạng lưới giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao đảm bảo hài hòa tạo không gian xanh đô thị. Các cấp ủy đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động khuyến khích cộng đồng xã hội tham gia phát triển đô thị xanh thân thiện với môi trường, xây dựng nếp sống văn minh đô thị, bảo vệ môi trường, thu hút các nhà tài trợ, các tổ chức, các nhà đầu tư tham gia xây dựng và phát triển công trình xanh, đô thị xanh.

Thứ hai, lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và phát triển các đô thị ở Hà Giang mang tính đặc sắc riêng, phù hợp với giá trị sẵn có về cảnh quan tự nhiên núi rừng và các đặc trưng của từng khu vực, phù hợp với kiến trúc tiêu biểu và phong tục, tập quán của từng địa phương. Bản sắc riêng có của các đô thị sẽ được định hướng và quy định trong các quy hoạch chung xây dựng đô thị và các quy hoạch chi tiết của các dự án, thiết kế công trình và quy chế quản lý kiến trúc đô thị, được công bố công khai để tổ chức, cá nhân,

doanh nghiệp và người dân nắm bắt, thực hiện. Bảo tồn, gìn giữ và phát huy những công trình kiến trúc đặc trưng như tường rào đá, nhà trình tường của người Mông, nhà sàn dân tộc Tày, những làng bản truyền thống, các công trình văn hóa, di tích lịch sử, tôn vinh văn hóa dân tộc, tiêu biểu là 04 huyện vùng Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đổng Văn với nét văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc; phương án quy hoạch xây dựng phải luôn kết nối hài hòa giữa vùng lõi các đô thị với các vùng ven có địa hình, cảnh quan tự nhiên, các làng bản truyền thống, vừa tạo động lực, thúc đẩy các khu vực ven phát triển, vừa tạo bản sắc riêng cho các đô thị.

Thứ ba, về đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị: Thực tế hiện nay hạ tầng các đô thị của Hà Giang đang còn nhiều yếu kém, chưa đồng bộ vì vậy các cấp ủy cần chỉ đạo tập trung đầu tư trọng tâm, trọng điểm để xây dựng, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng (hạ tầng xã hội và kỹ thuật) các đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, hướng tới tiêu chí đô thị xanh, đô thị văn minh. Sử dụng các yếu tố xanh, tự nhiên và nhân tạo phục vụ hạ tầng đô thị, kết hợp cải thiện về khí hậu và có thể làm giảm khối lượng thoát nước mặt, giảm hiện tượng ngập úng trong đô thị. Ưu tiên xây dựng và hoàn thiện hệ thống giao thông, điện chiếu sáng, nâng cao tỷ lệ cây xanh trên người dân; ưu tiên ngầm hóa hệ thống điện, thông

tin liên lạc; tăng cường công tác phân loại rác tại nguồn, thu gom, xử lý chất thải rắn hiện đại bảo vệ môi trường. Xây dựng, thúc đẩy tiến tới phát triển hạ tầng số đồng bộ tại các đô thị, tích hợp hệ thống đo lường, cảm biến, các hệ thống dữ liệu khai thác hiệu quả các nền tảng và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu tại đô thị, thông minh trong vận hành, khai thác và quản lý hệ thống hạ tầng đô thị.

Thứ tư, nâng cao năng lực quản lý đô thị: Các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị, đảm bảo quy hoạch, phát triển đô thị có trọng tâm, trọng điểm, có tính khả thi. Đổi mới, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân về chủ trương của Đảng, Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, phát triển đô thị và xây dựng nông thôn mới. Nâng cao ý thức trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về trật tự, kỷ cương trong hoạt động xây dựng, tạo sự đồng thuận, quyết tâm cao trong tổ chức thực hiện.

Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu. Xây dựng bộ máy chính quyền đô thị vững mạnh. Quan tâm đào tạo, phát

triển nguồn nhân lực có chuyên môn sâu, chất lượng cao, có nhận thức đầy đủ về phát triển đô thị bền vững theo hướng đô thị xanh, thông minh, giàu bản sắc, đáp ứng yêu cầu công tác quy hoạch xây dựng, quản lý theo quy hoạch. Phát huy vai trò tham gia phản biện của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư và các tổ chức, hội nghề nghiệp đối với quy hoạch xây dựng, chương trình phát triển đô thị. Công bố, công khai các đồ án quy hoạch xây dựng; chương trình phát triển đô thị nhằm phát huy vai trò tham gia quản lý, giám sát của nhân dân đối với các hoạt động xây dựng, phát triển đô thị. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát và xử lý các vi phạm về quy hoạch xây dựng, trật tự xây dựng, việc chấp hành các quy định của pháp luật về đất đai, nhà ở, hạ tầng đô thị.

Thứ năm, thu hút đầu tư, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho phát triển đô thị: Huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, trong đó vốn ngân sách nhà nước tập trung cho công tác lập quy hoạch đô thị, đầu tư các dự án hạ tầng chiến lược và các dịch vụ thiết yếu; tích cực vận động các nguồn vốn hỗ trợ phát triển (ODA), nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nguồn thu từ việc đấu giá quyền sử dụng đất, nguồn vốn trong các doanh nghiệp và trong nhân dân để đầu tư phát triển đô thị, các trung tâm xã. Ưu tiên đầu tư hạ tầng đô thị.

Nghiên cứu, ban hành các chính sách huy động, tạo nguồn vốn để phát triển đô thị, đồng thời khuyến khích, động viên và tạo mọi điều kiện cho các thành phần kinh tế cùng tham gia phát triển đô thị bền vững theo hướng đô thị xanh, thông minh, giàu bản sắc.

Để các đô thị của các tỉnh miền núi phía Bắc như Hà Giang phát triển bền vững theo tinh thần Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị, tỉnh Hà Giang kiến nghị, đề xuất với Trung ương ưu tiên chỉ đạo hỗ trợ:

- Hỗ trợ kinh phí lập quy hoạch cho các tỉnh để triển khai rà soát, lập, điều chỉnh các quy hoạch, phủ kín các quy hoạch phân khu, đô thị, đáp ứng nhu cầu công tác quản lý, đầu tư và phát triển đô thị bền vững.

- Sớm lập, phê duyệt quy hoạch vùng và quan tâm, dành nguồn lực đầu tư, điều tiết kinh phí từ phát triển quỹ đất để hỗ trợ cho các tỉnh miền núi đầu tư các công trình hạ tầng kết nối vùng, hạ tầng đô thị đang thiếu đồng bộ, đặc biệt hệ thống giao thông đô thị, cấp, thoát nước, xử lý chất thải, nước thải; hạ tầng thông tin; tạo điều kiện cho các tỉnh được tiếp cận, tham gia các chương trình, dự án của Trung ương về phát triển đô thị xanh, đô thị thông minh.

- Đề nghị Bộ Xây dựng sớm hoàn thiện và ban hành bộ tiêu chí về đô thị xanh, đô thị thông minh để các địa phương có cơ sở áp dụng thực hiện ■



BẢO TỒN, PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN CỔ ĐÔ VÀ BẢN SẮC VĂN HÓA HUẾ TRONG TIẾN TRÌNH XÂY DỰNG THỪA THIÊN HUẾ TRỞ THÀNH THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

● **NGUYỄN VĂN PHƯƠNG^(*)**

Với định hướng đến năm 2025 Thừa Thiên Huế sẽ trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, tỉnh Thừa Thiên Huế đang dồn hết tâm lực để hiện thực hóa hành trình hướng đến đô thị với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh.

Quyết sách quan trọng đưa Thừa Thiên Huế phát triển lên một tầm cao mới

Trong lịch sử phát triển đô thị Việt Nam, Thừa Thiên Huế đã từng là đô thị cấp quốc gia và của khu vực, gắn với các thành

phố lớn như Hà Nội - Huế - Sài Gòn. Ngày nay, Thừa Thiên Huế đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, cùng với trọng trách bảo tồn di sản văn hóa của thế giới, tài sản quý

giá của quốc gia, có vai trò to lớn trong việc dựng nước và giữ nước.

Đặc biệt, thành phố Huế là đô thị loại I trực thuộc tỉnh đầu tiên của cả nước (năm 2005) với các danh hiệu Thành phố

(*) Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND Tỉnh Thừa Thiên Huế

Festival, Thành phố Xanh Quốc gia, Thành phố văn hoá ASEAN, Thành phố du lịch sạch của ASEAN. Trong tiến trình phấn đấu đưa cả tỉnh lên thành phố trực thuộc Trung ương, Thừa Thiên Huế đã cùng thành phố Đà Nẵng trình Quốc hội phê chuẩn thành phố trực thuộc Trung ương từ năm 1996 nhưng kết quả chưa đạt như kỳ vọng. Qua 13 năm xây dựng và phát triển, Đảng bộ đã làm việc, tiếp tục trình Bộ Chính trị xem xét và được Bộ Chính trị ban hành Kết luận 48-KL/TW ngày 25/5/2009 và sau 05 năm thực hiện Kết luận 48-KL/TW, Bộ Chính trị tiếp tục ban hành Thông báo số 175-TB/TW ngày 01/8/2014. Tuy nhiên, sau 10 năm triển khai thực hiện Kết luận 48-KL/TW ngày 25/5/2009, 05 năm thực hiện Thông báo số 175-TB/TW ngày 01/8/2014 của Bộ Chính trị, Thừa Thiên Huế vẫn chưa hoàn thành được mục tiêu xây dựng thành phố trực thuộc Trung ương.

Tổng kết 10 năm thực hiện Kết luận số 48-KL/TW, ngày 10/12/2019 Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 54-NQ/TW về “Xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” với mục tiêu “Đến năm 2025, Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế, với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh”, Nghị quyết này một lần nữa khẳng định quyết tâm chính

trị của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

Xác định đây vừa là trọng trách rất lớn, vừa là vinh dự của Tỉnh khi nhận được sự quan tâm chỉ đạo đặc biệt từ Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, ngay khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 54-NQ/TW, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 83/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động, UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo và ban hành kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện. Trong đó, tập trung xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án nhằm cụ thể hóa mục tiêu, các chỉ tiêu, nhiệm vụ được nêu tại Nghị quyết 54-NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết 83/NQ-CP của Chính phủ.

Đến nay, tỉnh đã hoàn thành một số nội dung, đề án theo kế hoạch đề ra: đã hoàn thành mục tiêu mở rộng thành phố Huế (diện tích tăng từ 70,61 km² lên - 265,99 km²; quy mô dân số tăng từ 355.789 người lên 652.572 người; số đơn vị hành chính cấp xã tăng từ 27 lên 36 đơn vị) giúp đẩy nhanh quá trình đô thị hóa; đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 38/2021/QH15 về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển

tỉnh Thừa Thiên Huế; được Thủ tướng Chính phủ thông qua một số chính sách đặc thù tại Thông báo số 410/TB-VPCP và Thông báo số 269/TB-VPCP, làm cơ sở để tỉnh phát huy nội lực, huy động được tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển, đảm bảo hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hoá, đảm bảo nguồn thu ngân sách bền vững, tạo nền tảng vững chắc, động lực quan trọng để Thừa Thiên Huế phát triển nhanh và bền vững.

Bên cạnh đó, tỉnh đang gấp rút xây dựng Đề án phân loại đô thị loại IV đối với Phong Điền trong năm 2023 và thành lập thị xã Phong Điền trong năm 2024 để hoàn chỉnh mô hình đô thị thành phố Thừa Thiên Huế trực thuộc Trung ương trong năm 2025; tập trung triển khai xây dựng Chương trình phát triển đô thị; phân tích, đánh giá các phương án mô hình đô thị gồm: (1) Phương án mô hình đô thị được giữ nguyên như hiện tại với thành phố Huế, thị xã Hương Thủy, thị xã Hương Trà, thị xã Phong Điền và các huyện; (2) Phương án Thành phố Huế hiện nay được chia thành 02 quận cùng với thị xã Hương Thủy, thị xã Hương Trà, thị xã Phong Điền và các huyện để vừa có thể hài hòa những tiêu chí của một thành phố trực thuộc Trung ương mà vẫn giữ được những đặc sắc của một đô thị có đặc thù về di sản.

Ngoài ra, tỉnh đã và đang tích cực phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Nội vụ và Ủy ban Pháp luật của Quốc hội đóng góp ý kiến vào dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị

quyết 1210 và Nghị quyết 1211 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trong đó có tính đến yếu tố đặc thù đối với đô thị Thừa Thiên Huế phát triển trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản Cố đô và bản sắc văn hóa Huế. Đến nay, Nghị quyết sửa đổi 1210, 1211 vẫn đang được các ban, bộ, ngành tập trung triển khai.

Phát huy nội lực, huy động tối đa các nguồn lực

Nghị quyết 54-NQ/TW của Bộ Chính trị đề ra mục tiêu tăng trưởng GRDP 7,5 - 8,5%/năm; Vốn đầu tư toàn xã hội tăng 12%/năm; Thu ngân sách nhà nước tăng 12 - 13% năm. Đến năm 2025, GRDP/ người đạt 3.500 - 4.000 USD (theo cách tính hiện hành).

Dưới ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, nền kinh tế tỉnh Thừa Thiên Huế chịu tác động và thiệt hại nặng nề. Tuy nhiên, với sự quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị và nhân dân toàn tỉnh, Tỉnh vẫn đang phấn đấu, nỗ lực đảm bảo đạt được các mục tiêu mà Nghị quyết đã đề ra: Năm 2021, tăng trưởng đạt 4,36% cao hơn tăng trưởng bình quân chung của cả nước (2, 58%); Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 11.337 tỷ đồng, vượt 872 dự toán, tăng 25% so với thực hiện cùng kỳ; đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu đạt kỷ lục vượt mốc 01 triệu USD, tăng 19,2% so với cùng kỳ, vượt 11% kế hoạch năm. Thời gian đến, Tỉnh sẽ ưu tiên tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp:

(1) Tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, trong đó, ưu tiên các giải pháp đảm bảo an sinh xã hội, giải quyết việc làm; tập trung các chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh; khôi phục và phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng bị tác động bởi đại dịch Covid-19, nhất là đối với ngành du lịch, nông nghiệp đóng vai trò là bộ đỡ đảm bảo an ninh lương thực;

(2) Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển, ưu tiên nguồn lực để xây dựng đồng bộ, hiện đại các thiết chế đô thị như: Thành phố Huế mở rộng đạt chuẩn đô thị loại 1; xây dựng huyện Phong



Điễn đạt chuẩn đô thị loại IV, xây dựng đô thị Chân Mây; nâng cấp đô thị Thị xã Hương Trà, Hương Thủy; phát triển các đô thị mới và nâng cấp các xã định hướng thành phường. Dự kiến tổng vốn đầu tư cho giai đoạn 2021-2025 để hướng đến mục tiêu xây dựng thành phố trực thuộc Trung ương khoảng 180.000 tỷ đồng. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước khoảng 30.000 tỷ, chiếm 17%; vốn doanh nghiệp và dân cư khoảng 60.000 tỷ đồng, chiếm 33%. Tăng cường xã hội hóa đầu tư; đẩy mạnh hợp tác và tranh thủ các nguồn vốn vay ODA từ ADB và Chính phủ Nhật Bản trong thời gian tới trên một số lĩnh vực quan trọng như: xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông đô thị, cải thiện môi trường nước, đầu tư hệ thống kè thích ứng với biến đổi khí hậu, đầu tư hệ thống thoát nước và xử lý nước thải...;

(3) Cụ thể hóa định hướng xây dựng Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản Cố đô và bản sắc văn hóa Huế thông qua các quy hoạch. Trong đó, phải xây dựng và hoàn thành Dự án Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050 trong năm 2022 làm cơ sở để chỉ đạo quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn toàn tỉnh. Song song với đó là xây dựng Quy hoạch chung đô thị Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tầm nhìn đến năm 2065;

(4) Triển khai thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thừa Thiên

Huế đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 38; trong đó, tập trung triển khai đồng bộ các gói kích cầu, phục hồi phát triển du lịch để thu phí tham quan di tích và các giải pháp nỗ lực tăng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu góp phần giúp tỉnh phát huy nội lực, huy động được tối đa các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Quan tâm đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đặc biệt là kết cấu hạ tầng giao thông, hạ tầng phát triển kinh tế, phát triển đô thị Huế, bảo tồn và phát huy giá trị di tích Cố đô Huế, hạ tầng phục vụ phát triển du lịch, an sinh xã hội, hạ tầng công nghệ thông tin và đô thị đồng bộ, hiện đại và thông minh, bảo đảm sự hài hòa giữa kiến trúc với tự nhiên và đặc thù của Huế; trong đó, tập trung ưu tiên đầu tư các dự án trọng điểm về phát triển đô thị như: Tuyến đường bộ ven biển, đường Tố Hữu nối dài đi sân bay Phú Bài, đường Nguyễn Hoàng và cầu vượt Sông Hương, đường vành đai 3, đường Mỹ An - Thuận An, đê chắn sóng cảng Chân Mây - giai đoạn 2, mở rộng Cảng Hàng không quốc tế Phú Bài...;

(5) Tập trung đầu tư phát triển Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô; Tăng tỷ lệ lấp đầy tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; Hoàn thiện kết cấu hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, hệ thống xử lý nước thải, đầu tư thêm các cụm công nghiệp, mở rộng khu công nghiệp trên địa bàn. Chú trọng các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp, hình thành Trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng

tạo tinh, định hướng phát triển thành Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia - Chi nhánh tại Thừa Thiên Huế và từng bước hình thành Khu công nghệ cao quốc gia tại Thừa Thiên Huế. Hỗ trợ nhà đầu tư triển khai thực hiện các dự án trọng điểm, quy mô lớn.

(6) Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi để thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin tự động hóa; đổi mới cơ chế quản lý, khai thác sau đầu tư để thu hút nguồn lực đầu tư; đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP); Tăng cường xúc tiến đầu tư để thu hút các đối tác chiến lược, các nhà đầu tư nước ngoài. Qua đó, tiếp tục giữ vững vị trí top đầu cả nước về các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI); chỉ số ứng dụng công nghệ thông tin truyền thông (ICT-index),...

Phát triển hài hòa giữa bảo tồn và phát huy các giá trị di sản

Thừa Thiên Huế phát triển bền vững dựa trên nền tảng văn hóa, có lựa chọn theo hướng xanh - sạch. Do đó, định hướng phát triển có nhiều yếu tố đặc thù trên cơ sở những nét đặc thù về lịch sử, văn hóa, cảnh quan kiến trúc. Trong xây dựng mô hình thành phố trực thuộc Trung ương, Thừa Thiên Huế định hướng phát triển theo hướng hài hòa, bền vững, giảm áp lực dân

cư tập trung vào đô thị, hạn chế can thiệp, ảnh hưởng đến các di tích và cảnh quan kiến trúc truyền thống... Quá trình phát triển của Thừa Thiên Huế có sự cân nhắc giữa bảo tồn di sản và phát triển đô thị.

Với cách tiếp cận, cách nhìn và quan điểm mới để phát triển Thừa Thiên Huế lên một tầm cao mới, tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của một thành phố có đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường và thông minh, Nghị quyết 54-NQ/TW của Bộ Chính trị đã cho phép nghiên cứu ban hành các tiêu chí đặc thù phân loại đô thị, đơn vị hành chính, mô hình đô thị phù hợp với Thừa Thiên Huế trên nền tảng bảo tồn và

phát huy giá trị di sản Cố đô và bản sắc văn hóa Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đề xuất, kiến nghị Bộ Chính trị, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương một số nội dung sau:

Thứ nhất, trên cơ sở đề xuất của Chính phủ liên quan đến dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 1210 và Nghị quyết 1211, kính đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội quan tâm, xem xét đến các tiêu chí, tiêu chuẩn về mật độ dân số và thu nhập bình quân đầu người đối với đô thị thành lập trên nền tảng bảo tồn và phát huy giá trị di sản.

Thứ hai, hiện nay quy hoạch quốc gia, quy hoạch vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến

năm 2050 đang được Chính phủ tập trung chỉ đạo triển khai xây dựng, kính đề nghị Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương quan tâm bổ sung Thừa Thiên Huế trong xây dựng các định hướng chiến lược phát triển của vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung cũng như Quốc gia nhằm hỗ trợ Tỉnh trong xây dựng và phát triển hướng đến đạt các mục tiêu mà Nghị quyết 54-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đề ra. Đồng thời, đề xuất quan tâm bổ sung Thừa Thiên Huế trong quy hoạch phát triển điện năng như: Điện gió, điện mặt trời, điện khí,... để phát triển các nguồn năng lượng sạch, tái tạo hướng đến phát triển đô thị xanh và bền vững ■



Ảnh: Cố đô Kyoto, Nhật Bản



NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG QUY HOẠCH ĐÔ THỊ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU XÂY DỰNG, QUẢN LÝ ĐÔ THỊ BỀN VỮNG THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 06-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ - KINH NGHIỆM THỰC TIỄN TỪ QUẢNG NINH

● **NGUYỄN TƯỜNG VĂN^(*)**

Ngày 24/01/2022, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TW về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; trong đó đã chỉ đạo, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; thống nhất nhận thức và

hành động trong hoàn thiện thể chế, quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển đô thị bền vững theo hướng đô thị xanh, văn minh, giàu bản sắc và có tính tiên phong.

Quảng Ninh là một tỉnh ở địa đầu phía Đông Bắc Việt Nam, nằm trong tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; có vị trí địa

chính trị, kinh tế, đối ngoại và đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh. Quảng Ninh có diện tích trên 12.000 km², bao gồm 6.178km² đất liền và trên 6.100km² mặt biển, 80% diện tích đất của tỉnh là đất đồi núi với bề rộng 195km từ Đông sang Tây và trải dài 102 km từ Bắc xuống Nam. Tỉnh Quảng Ninh có 13 đơn

(*) Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh

vị hành chính cấp huyện gồm: 04 thành phố (Hạ Long, Uông Bí, Cẩm Phả, Móng Cái), 02 thị xã (Quảng Yên và Đông Triều) và 07 huyện, trong đó 01 đô thị loại I, 03 đô thị loại II, 02 đô thị loại III; 02 đô thị loại IV và 05 đô thị loại V, với tổng số 177 xã, phường, thị trấn; có 05 khu kinh tế (02 khu kinh tế ven biển và 03 khu kinh tế cửa khẩu); dân số khoảng 1,35 triệu người. Quảng Ninh là một trong 05 địa phương có tỷ lệ đô thị hóa cao nhất cả nước với tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh tăng từ 50,3% (năm 2011) đến nay đạt khoảng 67% (bình quân cả nước đạt khoảng 39,3%). Các đô thị Quảng Ninh có các đặc trưng, tính chất riêng, đã và đang đóng góp to lớn cho tăng trưởng kinh tế-xã hội (KT-XH) tỉnh. Năm 2021, tốc độ tăng trưởng GRDP đạt 10,28% (đứng thứ hai cả nước).

Công tác lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý, thực hiện quy hoạch đô thị có vai trò rất quan trọng. Tỉnh Quảng Ninh nhận thức sâu sắc được rằng: Quy hoạch là khởi nguồn của sự phát triển, là công cụ quan trọng của công tác quản lý nhà nước, là khung pháp lý cho việc đầu tư phát triển các lĩnh vực; là cơ sở để các ngành, các cấp lập kế hoạch, xây dựng các chương trình, dự án phát triển và là công cụ hiệu quả cho hoạt động thu hút các nguồn lực đầu tư. Trong thời gian qua đã được Tỉnh ủy, UBND tỉnh rất quan tâm, chỉ đạo: Từ năm 2012, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 06-NQ/TV

ngày 20/3/2012 “Về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác chiến lược, lập, quản lý và thực hiện quy hoạch trên địa bàn tỉnh” và tỉnh Quảng Ninh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, chấn chỉnh về công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh; tổ chức lựa chọn các đơn vị tư vấn có năng lực, uy tín quốc tế triển khai lập 07 quy hoạch chiến lược trên các lĩnh vực trọng yếu của tỉnh. Trên cơ sở định hướng Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Quảng Ninh, các sở, ngành, địa phương đã triển khai lập các lớp quy hoạch đảm bảo công tác quản lý nhà nước thuận lợi: quy hoạch chung đô thị, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết. Đến nay, đã đạt được một số kết quả tích cực như: *Tỷ lệ phủ kín quy hoạch chung đô thị/ quy hoạch xây dựng vùng huyện toàn tỉnh đạt 100% (trong đó có một số địa phương đã mời đơn vị tư vấn nước ngoài nghiên cứu quy hoạch có chất lượng cao), tỷ lệ phủ kín quy hoạch phân khu đạt khoảng 60%, tỷ lệ phủ kín quy hoạch xây dựng nông thôn đạt 100% (111/111 xã thuộc 13 địa phương cấp huyện đã được phê duyệt quy hoạch) làm cơ sở để quản lý, triển khai các dự án thành phần.*

Căn cứ các quy hoạch chiến lược, các quy hoạch định hướng được triển khai lập đồng bộ, tỉnh Quảng Ninh đã triển khai các dự án hạ tầng giao thông, tháo gỡ “nút thắt” là đột phá về phát triển hạ tầng, trọng tâm là hạ tầng giao thông. Quảng

Ninh mạnh dạn đi đầu thực hiện thành công phương thức huy động nguồn lực đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP) để đầu tư cho hạ tầng giao thông đảm bảo tuân thủ các quy hoạch định hướng. Đến nay nhiều công trình trọng điểm được đưa vào hoạt động thúc đẩy mạnh mẽ **liên kết vùng và hợp tác quốc tế**, như cầu Bạch Đằng, đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng, đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn, Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn, Cảng tàu khách quốc tế Hòn Gai, đường nối KCN Cái Lân đến cao tốc Hạ Long - Vân Đồn; tuyến đường 10 làn xe nối từ cao tốc Hải Phòng - Hạ Long đến cầu Bãi Cháy... Cầu Bắc Luân 2 và đường dẫn, cầu phao Thành Đạt (TP Móng Cái); Hàng loạt dự án hạ tầng giao thông quy mô lớn tiếp tục được khởi công, đẩy nhanh tiến độ thi công, hoàn thiện như: Cao tốc Vân Đồn - Tiên Yên, Tiên Yên - Móng Cái; tuyến đường bao biển Hạ Long - Cẩm Phả; cầu Cửa Lục 1, Cầu cửa Lục 3; đường nối cao tốc Hạ Long - Hải Phòng với KCN Nam Tiên Phong; đường ven sông nối cao tốc Hạ Long - Hải Phòng đến TX Đông Triều... Các công trình, dự án mới có ý nghĩa chiến lược quan trọng, kết nối các trung tâm đô thị, cảng biển, khu công nghiệp, khu công nghệ cao của tỉnh... tạo hệ sinh thái đô thị bền vững, gắn kết, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tỉnh Quảng Ninh luôn chỉ đạo các cấp, ngành, địa phương nhận thức rõ được vai trò, trách

nhệm của cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch; đặc biệt phải đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc tổ chức thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, quản lý quy hoạch và đảm bảo việc lấy ý kiến các sở, ngành và các tổ chức, cá nhân đúng các quy định hiện hành. Tăng cường chỉ đạo công tác quy hoạch xây dựng thực hiện tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành: Luật Xây dựng, Luật quy hoạch đô thị, Luật bảo vệ môi trường,

Tỉnh luôn ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện lập quy hoạch quy hoạch chung đô thị/quy hoạch vùng huyện, liên huyện và các quy hoạch phân khu. Đồng thời, huy động nhiều nguồn kinh phí tài trợ lập các quy hoạch nhằm giảm gánh nặng cho ngân sách, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện tổ chức lập quy hoạch.

Tỉnh đã tăng cường công tác phân cấp cho các địa phương thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong công tác phê duyệt quy hoạch nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các chủ đầu tư trong quá trình thực hiện dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh; phân cấp, ủy quyền cho UBND cấp huyện, Ban quản lý Khu kinh tế Quảng Ninh, Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Đồn chấp thuận địa điểm, phê duyệt quy hoạch nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh, căn cứ tình hình thực tế, việc



Ảnh: Thành phố biển Phuket, Thái Lan

ban hành các văn bản nêu trên trong từng giai đoạn phát triển của tỉnh là cần thiết. Nội dung các văn bản tương đối đầy đủ, tuân thủ các quy định của văn bản cấp trên, đã phát huy hiệu quả trong thời gian áp dụng.

Công tác quán triệt, tuyên truyền và công tác tổ chức thi hành pháp luật về hoạt động xây dựng và quy hoạch đô thị luôn được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Ninh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau như: Tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, thông tin tuyên truyền trên báo chí, phát thanh, truyền hình; cổng thông tin điện tử của tỉnh, của ngành... Bên cạnh đó, công tác đào tạo tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác quản lý quy hoạch, phát triển đô thị và trật tự xây dựng, quản lý hoạt động xây dựng luôn được quan tâm, triển khai thực hiện.

Việc thực hiện quy hoạch và công tác điều chỉnh quy hoạch trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

được triển khai hiệu quả, góp phần tích cực trong giới thiệu địa điểm, kêu gọi đầu tư, quản lý đất đai, quản lý và phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật...; các dự án đã từng bước làm thay đổi diện mạo đô thị, góp phần xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh dịch vụ, công nghiệp hiện đại, trung tâm du lịch quốc tế với hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị đồng bộ, hiện đại.

Tốc độ phát triển kinh tế - xã hội nhanh thì tốc độ đô thị hóa sẽ tăng cao, nhu cầu đầu tư xây dựng lớn kéo theo những tác động tiêu cực về môi trường, gia tăng áp lực hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đòi hỏi ngày càng cao trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, quản lý nhà nước về đất đai, đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Việc đẩy nhanh tiến độ triển khai lập quy hoạch, quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc của các địa phương là cấp thiết, tuy nhiên vẫn có nơi còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu

trong công tác quản lý. Một số quy hoạch xây dựng chất lượng và tầm nhìn còn hạn chế, chưa thực sự đáp ứng được các yêu cầu phát triển nhanh, bền vững và thiếu đồng bộ (đặc biệt về kết nối hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật), tính dự báo, tính đột phá chưa cao; chưa khai thác được hết tiềm năng, thế mạnh, chưa phù hợp với thực tiễn phát triển của tỉnh; công tác công bố, công khai quy hoạch một số địa phương chưa thực hiện tốt cũng là những nội dung đã được Tỉnh Quảng Ninh quan tâm, rà soát chỉ đạo trong thời gian qua.

Hệ thống các văn bản pháp lý về quy hoạch xây dựng còn hạn chế, thiếu tính đồng bộ, chưa theo kịp các yêu cầu quản lý và thực tiễn phát triển. Phương pháp quy hoạch chưa theo kịp các yêu cầu quản lý, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, còn nhiều tồn tại; sự phối hợp đa ngành trong quá trình lập quy hoạch còn có sự chông chéo giữa các loại quy hoạch.

Để nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý đô thị bền vững theo tinh thần Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị, tỉnh Quảng Ninh đề xuất một số giải pháp trong thời gian tới:

Tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Nâng cao nhận thức rõ được vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cấp, ngành, địa phương trong công tác lập, quản lý quy hoạch về tiến độ, chất lượng, quản lý quy hoạch. Quyết liệt trong quản lý đô thị theo đúng định hướng đã đề ra, không để xảy ra tình trạng trên nóng dưới lạnh, định hướng một đường thực hiện một nẻo.

Tổ chức kiểm tra, rà soát các quy hoạch xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến kỳ rà soát để tham mưu, đề xuất điều chỉnh cho phù hợp hoặc hủy bỏ nếu không còn phù hợp; đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch xây dựng đang triển khai lập để đáp ứng yêu cầu phát triển để quản lý, thu hút đầu tư thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

Quan tâm bố trí nguồn lực để thực hiện lập quy hoạch.

Tiếp tục chấn chỉnh, nâng cao chất lượng công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng của các địa phương theo phân cấp, ủy quyền theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Tổ chức công bố công khai, cắm mốc quy hoạch đô thị theo quy định; quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị; quản lý và sử dụng đất đô thị theo quy hoạch; quản lý xây dựng hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật, không gian ngầm và hạ tầng xã hội; quản lý phát triển khu đô thị mới, cải tạo khu đô thị cũ, bảo tồn di sản và cảnh quan đặc trưng; quá trình lập và thực hiện quy hoạch quan tâm, coi trọng và tiếp thu ý kiến tham gia của cộng đồng dân cư, ý kiến

phản biện của các tổ chức xã hội, nghề nghiệp để đảm bảo tính khả thi, bền vững của quy hoạch xây dựng. Các quy hoạch đô thị được lập đảm bảo đồng bộ, hài hòa hướng tới đô thị phát triển bền vững (hướng đến một xã hội giảm phát thải carbon, tiết kiệm năng lượng, môi trường sinh thái sạch, năng lượng tái tạo, tăng trưởng xanh bền vững).

Quản lý giám sát chặt chẽ các nguyên tắc phát triển, các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất; chỉ tiêu về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật; chỉ tiêu về kiến trúc tại các khu đô thị, khu dịch vụ, khu du lịch..., đảm bảo việc xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, kết nối mạng lưới hạ tầng chung của địa phương và các vùng phụ cận.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong quản lý quy hoạch, quản lý đô thị đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch xây dựng và quản lý trật tự xây dựng.

Quan tâm đào tạo, tập huấn nâng cao chất lượng đội ngũ những người tham gia vào công tác quy hoạch nhằm nâng cao năng lực, trình độ, đảm bảo hoạt động hiệu quả, hiệu lực, chất lượng của bộ máy quản lý quy hoạch, quản lý đô thị, đáp ứng yêu cầu thực tế quản lý.

Tiếp tục rà soát hệ thống văn bản pháp luật có liên quan còn chưa đồng bộ (hoặc cần điều chỉnh, bổ sung) để báo cáo đề nghị Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn ■



DUNG HÒA GIỮA THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ TĂNG TRƯỞNG ĐÔ THỊ: MÔ HÌNH NÀO CHO CÁC THÀNH PHỐ VIỆT NAM CHỐNG CHỊU PHỤC HỒI VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

● CLÉMENT LARRUE, ANTOINE MOUGENOT, QUENTIN LEBÈGUE, AFD^(*)

Phù hợp với những cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã ra Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 về “Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

Nghị quyết này đề ra những mục tiêu lớn : cung cấp những giải pháp cho một loạt vấn đề đã xác định như những thách thức về quản trị, đời sống nhân dân, hiệu suất về môi trường của các công trình cơ sở hạ tầng, khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, và thậm chí là những thách thức về quy hoạch lãnh thổ quốc

gia và cân bằng địa phương. Nghị quyết mang tới những triển vọng đáng khích lệ bởi lẽ đây là lần đầu tiên những thách thức về biến đổi khí hậu được đề cập trong các văn bản pháp luật Việt Nam về quy hoạch đô thị và quy hoạch lãnh thổ. Mục tiêu tổng quan của Nghị quyết là tạo ra một mô hình tăng trưởng đô thị

(*) Clément Larrue: Trưởng nhóm dự án “Thành phố bền vững”, Ban đô thị, AFD
 Antoine Mougenot: Trưởng nhóm dự án “Thành phố bền vững”, Ban đô thị, AFD
 Quentin Lebègue: Trưởng Ban phát triển đô thị và liên kết xã hội, AFD Hà Nội

phù hợp với Thỏa thuận Paris và những cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26.

Bài viết này có mục tiêu trình bày một số khuyến nghị để hỗ trợ cho các bên liên quan của Việt Nam trong việc triển khai Nghị quyết 06-NQ/TW và qua đó cải thiện sự chuyển dịch của các địa phương theo định hướng tăng cường khả năng chống chịu phục hồi với biến đổi khí hậu. Các khuyến nghị này dựa trên kinh nghiệm của Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) ở Việt Nam và những phương thức tiếp cận của Pháp về những thách thức liên quan đến quản trị cũng như về các giải pháp thực tiễn hoặc những công cụ với hiệu quả đã được kiểm chứng.

MỘT SỐ KẾT QUẢ CỦA NGHIÊN CỨU GEMMES

Chương trình nghiên cứu GEMMES Việt Nam về “những tác động kinh tế - xã hội của biến đổi khí hậu và những chiến lược thích ứng ở Việt Nam” là một trong những nội dung chính của Thỏa thuận hợp tác được ký kết giữa AFD và Bộ Tài nguyên & Môi trường⁽²⁾ vào năm 2018.

Báo cáo “Biến đổi khí hậu ở Việt Nam: tác động và thích ứng” trong khuôn khổ chương trình này đã được Ông Rémy Rioux, Tổng Giám đốc Cơ quan Phát triển Pháp chính thức trao cho Ngài Trần Hồng Hà, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên & Môi trường, vào ngày đầu tiên của Hội nghị COP26 tại Glasgow (ngày 01/11/2021), với sự chứng kiến của chuyên gia giữ vai trò chủ biên của Báo cáo, Ông Etienne

Espagne.

Báo cáo gồm 13 chương này trình bày một đánh giá toàn diện, tổng quan và đa ngành/đa lĩnh vực về một vấn đề mà Việt Nam đặc biệt quan tâm. Một sự hợp tác đặc biệt giữa 60 nhà nghiên cứu và chuyên gia của Việt Nam và Pháp đã cho phép thiết lập một đối thoại chưa có tiền lệ giữa các nhà khoa học thuộc các chuyên ngành khác nhau, từ địa lý, khí hậu, kinh tế hoặc thậm chí là nhân chủng học, cho tới lịch sử môi trường. Báo cáo này trình bày những khuyến nghị về chính sách công có thể phục vụ cho quá trình đối thoại chính sách cấp cao với các cơ quan Chính phủ Việt Nam, cũng như cho những cuộc thảo luận về kỹ thuật và khoa học đang diễn ra⁽³⁾.

Báo cáo cho thấy biến đổi khí hậu có thể có những tác động lớn đối với một loạt các lĩnh vực khác nhau như y tế (tăng tỷ lệ tử vong, tỷ lệ ca bệnh truyền nhiễm), nông nghiệp, năng lượng, hiệu suất tổng của toàn bộ các tác nhân hoặc năng suất lao động. Nếu không kể tới những yếu tố phi tuyến tính về kinh tế - xã hội có thể xuất hiện với biến đổi khí hậu, tác động kinh tế trực tiếp cộng dồn của các ngành này gây ra một mức giảm GDP hàng năm ở mức trung bình 1,8% trong trường hợp nhiệt độ tăng thêm 1°C so với giai đoạn trước cánh mạng công nghiệp 1851 - 1900. Mức giảm GDP trung bình này lên tới 4,5% trong trường hợp nhiệt độ tăng 1,5°C và 6,7% trong trường hợp nhiệt độ tăng 2°C. Mặt khác, những tác động của biến đổi khí

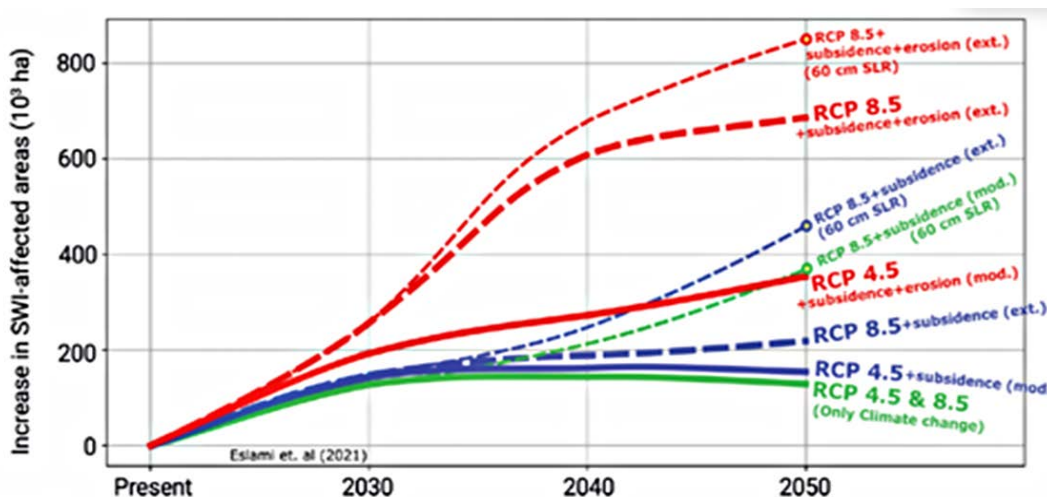
hậu càng trở nên nghiêm trọng với những xáo trộn do hoạt động của con người gây ra, như đối với trường hợp đồng bằng sông Cửu Long: đất nhiễm mặn, nước biển dâng, sụt lún nền đất đồng bằng.

Những tác động này sẽ ảnh hưởng tới quỹ đất. Trong bối cảnh này, các chính sách công của Việt Nam về phát triển đô thị cần phải đề ra các giải pháp hành động.

(2) Thỏa thuận hợp tác được ký kết giữa Ông Rémy Rioux, Tổng Giám đốc AFD và Ngài Bộ trưởng Bộ Tài nguyên & Môi trường, nhân chuyến thăm chính thức của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Pháp vào cuối tháng 03/2018. Tiếp đó, thỏa thuận hợp tác này đã được bổ sung bằng một bản ghi nhớ chuyên biệt về dự án đã được ký kết giữa Cục Biến đổi Khí hậu (Bộ Tài nguyên và Môi trường) và AFD vào năm 2019 và sau đó là một bản ghi nhớ giữa văn phòng AFD Hà Nội và Viện Khoa học khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu (IMHEN)

(3) Sự hợp tác khoa học hiện nay vẫn được tiếp nối trong khuôn khổ những mục tiêu mới mà Việt Nam đã đề ra tại COP26, cụ thể là đạt trung hòa carbon vào năm 2050 và xóa bỏ hoàn toàn nhiệt điện than từ nay tới 2040. Hai công trình nghiên cứu bổ sung có quy mô lớn dự kiến sẽ được hoàn thành trong thời gian cuối năm 2022, một mặt nhằm nghiên cứu sâu về thích ứng với biến đổi khí hậu tại đồng bằng sông Cửu Long khi phải đối mặt với sự kết hợp giữa những xáo trộn do hoạt động của con người gây ra ở cấp độ địa phương cũng như toàn cầu, và mặt khác nghiên cứu về những sự chuyển biến cơ cấu sắp tới của xã hội và nền kinh tế Việt Nam theo những mục tiêu mới của quốc gia.

Hình 1: Mức độ xâm nhập mặn tăng theo các kịch bản về biến đổi khí hậu, xói lở bờ sông và sụt lún ở Việt Nam



Nguồn: Báo cáo đặc biệt của Nghiên cứu GEMMES Việt Nam dành cho COP26
<https://www.afd.fr/en/ressources/gemmes-vietnam-climate-change-impacts-and-adaptation>

CÁC HIỆN TƯỢNG KHÍ HẬU NGÀY Càng TRẦM TRỌNG LÀM TĂNG ĐÁNG KỂ NHỮNG RỦI RO ĐE DỌA NGƯỜI DÂN

Việt Nam là một trong những nước trong lục địa dễ bị tổn thương nhất vì thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu với tần suất và cường độ ngày càng tăng.

Biến đổi khí hậu, kết hợp với sự mở rộng đô thị thiếu kiểm soát và sự hủy hoại đa dạng sinh học không thể khắc phục nổi ở một số địa phương sẽ làm cho người dân càng dễ bị tổn thương với những rủi ro khí hậu, đặc biệt là ngập lụt. Để minh họa, năm 2022 trong khuôn khổ quy trình thẩm định dự án của thành phố Đông Hà (tỉnh Quảng Trị), nghiên cứu đánh giá tính dễ tổn thương với biến đổi khí hậu đã cho thấy rằng cường độ của các trận mưa vào năm 2050 sẽ mạnh hơn rất nhiều so với những mức tối đa hiện đã ghi nhận được cho

tới nay⁽⁴⁾. Những trận mưa lớn này cũng sẽ xảy ra thường xuyên hơn.

MỘT MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ KHÔNG THUẬN LỢI CHO VIỆC ÁP DỤNG NHỮNG NGUYÊN TẮC VỀ TĂNG CƯỜNG KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU PHỤC HỒI VÀ THÍCH ỨNG

Trước tác động ngày càng rõ rệt của biến đổi khí hậu, mô hình tăng trưởng đô thị của Việt Nam cần được cách tân để thích ứng tốt hơn với những thách thức sắp tới. Theo đó, việc cải thiện khả năng chống chịu và phục hồi với biến đổi khí hậu của một địa phương cũng là một vấn đề về mô hình phát triển và tăng trưởng đô thị. Cần hiểu rõ những thách thức mà các đô thị Việt Nam hiện phải đối mặt.

Nền tảng của mô hình phát triển đô thị ở Việt Nam dựa trên nguyên tắc tăng trưởng phục vụ

phát triển kinh tế. Là những nơi tập trung phát triển kinh tế và tăng dân số, các đô thị đã đóng vai trò bộ khung về lãnh thổ và hành chính của sự phát triển kinh tế và công nghiệp quốc gia, góp phần tạo nên thành công của mô hình tăng trưởng Việt Nam. Theo đó, nhiều thành phố đã được hưởng sự đầu tư lớn để đuổi kịp các đô thị đi trước về cơ sở hạ tầng thiết yếu đối với cuộc sống nhân dân – quản lý rác thải, cấp thoát nước và xử lý nước thải, giao thông, nhà ở, cảnh quan đô thị, v.v...

Mô hình tăng trưởng này dựa một phần vào hệ thống phân loại đô thị và cấp đô thị theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị

(4) Trong khuôn khổ các mô hình khí hậu đã thực hiện (RCP8.5), các tham chiếu về lượng mưa tối đa tại trạm quan trắc Đông Hà trong giai đoạn 1970 – 2020 tương ứng với những số liệu của hiện tượng mưa có tần suất tương đương 20 năm.

số 32/2009/QH12 năm 2009. Luật này khuyến khích các chính quyền địa phương tích cực triển khai những chính sách đầu tư với mục tiêu nâng cấp đô thị (trong hệ thống 5 cấp đô thị), qua đó được hưởng mức hỗ trợ lớn hơn từ ngân sách Nhà nước. Mô hình này cũng như sự cần thiết phải tính tới hiện tượng đô thị hóa hiện tại, tạo nên sự khuyến khích phát triển đô thị theo chiều rộng ở những khu vực mới phát triển trên các diện tích đất thường dành cho nông nghiệp hoặc đất tự nhiên. Phương thức này huy động sự tham gia của các doanh nghiệp bất động sản tư nhân, qua đó cho phép các thành phố và tỉnh tăng nguồn thu ngân sách qua việc cấp phép xây dựng để đổi lấy nguồn tài trợ cho những công trình hạ tầng đô thị mới. Như vậy, loại mô hình phát triển đô thị này không cho phép có sự nghiên cứu quy hoạch ở cấp độ phù hợp và thúc đẩy sự mở rộng đô thị trên cơ sở các giải pháp cứng hóa nền đất.

TỔ CHỨC LIÊN XÃ⁽⁵⁾: MỘT MÔ HÌNH HỢP TÁC ĐỊA PHƯƠNG VÀ SỰ PHÁT TRIỂN ĐOÀN KẾT VÀ BỀN VỮNG

Pháp đã từng gặp vấn đề là sự thay đổi phương thức từ xem xét cấp độ phù hợp cho sự phát triển một cách thiếu kết nối với sự tiếp cận theo chức năng⁽⁶⁾, chuyển sang phương thức tiếp cận theo khu vực lãnh thổ cân bằng và đoàn kết hơn. Các luật tạo thuận lợi cho sự thiết lập các tổ chức liên xã vào cuối những năm 90 – đầu những năm 2000 đã cho phép các đô thị chuyển từ một mô hình tăng trưởng và đầu tư thiếu hiệu

quả và thường tốn kém sang một mô hình hiệu quả hơn về quản lý đầu tư địa phương. Thông qua việc khuyến khích liên kết giữa các đô thị trong một cơ chế công về hợp tác liên xã (EPCI) bằng hình thức thuế quan, Nhà nước Pháp đã khuyến khích các chính quyền địa phương cùng chia sẻ sự quản lý các thiết bị hoặc dịch vụ công (thu gom rác thải sinh hoạt, thu gom và xử lý nước thải, giao thông đô thị...), cũng như lập ra các dự án phát triển kinh tế, quy hoạch hoặc đô thị hóa ở cấp độ một khu vực rộng lớn hơn là một xã. Thay vì đầu tư và quy hoạch nhiều khu vực kinh tế kém hấp dẫn ở mỗi xã, sự tập hợp các xã trong cơ chế này đã cho phép tạo ra một khu vực dự án phù hợp với những thách thức về nhà ở và tạo việc làm của khu vực đó. Mô hình quản lý liên xã này cho phép có sự tiết kiệm theo bậc thang (qua việc hạn chế đầu tư nhiều lần với những chi phí quản lý và bảo dưỡng tốn kém) cũng như hình thành những công trình hạ tầng mới đáp ứng được những nhu cầu mới mà trước hết là phát triển kinh tế. Mặc dù chưa tạo được những điều kiện thuận lợi cho việc nâng cao nhận thức về những thách thức liên quan đến chống chịu và phục hồi với biến đổi khí hậu, các luật về tổ chức liên xã ở Pháp đã cho phép các đô thị lập quy hoạch cho sự phát triển của mình ở cấp độ phù hợp và hiệu quả hơn. Sự phát triển có kiểm soát và cân bằng này cũng đã cho phép sử dụng quỹ đất ít hơn, kèm theo đó là sự tái kích hoạt và cải tạo lại các khu vực trung tâm cũ. Những ví dụ về

chính sách công này có thể tạo ra một khuôn khổ mà Việt Nam có thể tham khảo để cải cách mô hình tăng trưởng đô thị.

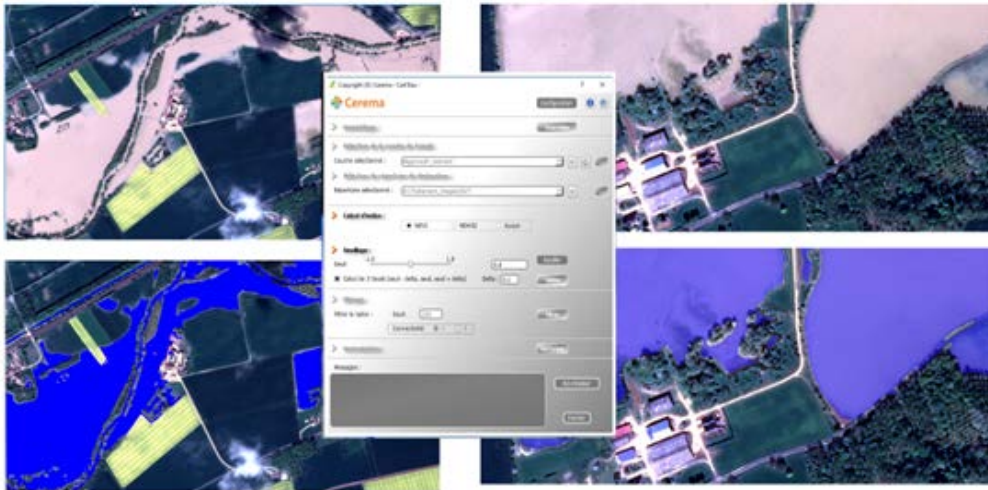
PHÒNG CHỐNG RỦI RO VÀ THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU PHẢI NẪM Ở TRỌNG TÂM TRONG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CỦA CÁC ĐÔ THỊ

Ở Việt Nam, việc áp dụng các giải pháp cứng hóa nền đất theo những quy hoạch địa phương dự kiến, kết hợp với những hiện tượng khí hậu với cường độ ngày càng tăng sẽ khiến cho các địa phương trở nên dễ tổn thương hơn một cách đáng kể, do đó người dân đô thị sẽ phải chịu những rủi ro lớn hơn vì thiên tai. Sự giảm bớt diện tích đất nông nghiệp và các không gian tự nhiên (khu vực đất ẩm, rừng,

(5) Chú thích của người dịch : cấp xã (commune) là đơn vị hành chính địa phương thấp nhất của Cộng hòa Pháp; có thể là một thành phố, một thị trấn, một ngôi làng hay đơn giản là một khu vực nông thôn.

(6) Các luật đầu tiên từ năm 1960 (trong đó có Luật định hướng đô thị năm 1991) đã cho phép tập trung các phương tiện vào những khu vực ưu tiên để bảo vệ hoặc phát triển, nhưng việc phân chia khu vực xuất phát từ phương thức này đã dẫn đến sự hình thành các biên giới và một số sự phân biệt về xã hội và kinh tế. Các luật tiếp theo và nhất là Luật định hướng quy hoạch và phát triển bền vững lãnh thổ (LOADDT 1995 & 1999) và Luật Đoàn kết đổi mới đô thị (SRU) vào năm 2000, đã coi sự phát triển bền vững là ưu tiên trong quy hoạch các vùng lãnh thổ và đô thị, tạo thành các không gian kết hợp các tác nhân công và tư xoay quanh một dự án phát triển và một hợp đồng theo mục tiêu.

Hình 2: Minh họa về xử lý thông tin qua phần mềm Cerema CartEau



rừng ngập mặn, v.v...) vốn giữ vai trò xả lũ cũng đồng nghĩa với việc các vùng trữ nước trong mùa lũ bị biến mất ở mức độ tương đương. Nước sẽ chảy tràn ở các khu vực đã đô thị hóa vốn trước đây không bị ngập, và gây ra những tai họa ở các khu vực chưa bị ảnh hưởng. Việc áp dụng giải pháp xây đê kè (thường được coi là tạo thuận lợi cho quy hoạch đô thị) cũng có thể là một yếu tố khiến cho những rủi ro này càng trở nên nghiêm trọng : những hệ quả trong trường hợp nước tràn bờ (hoặc vỡ đê/kè) có thể rất nghiêm trọng, cũng bởi vì đê kè làm giảm diện tích bãi bồi lòng sông, khiến cho dòng chảy đạt tốc độ cao hơn và do vậy có thể gây ra những tác động rất lớn ở thượng lưu cũng như hạ lưu.

Xét tới cường độ của các hiện tượng gặp phải, thách thức đối với các đô thị Việt Nam đương nhiên sẽ là thích ứng với biến đổi khí hậu, nhưng các đô thị sẽ không thể ngăn chặn những trận lụt cực lớn, dải bờ biển bị lùi dần hoặc các đợt nóng. Cần phải 1)

dự kiến cường độ của các sự kiện thời tiết cực đoan và tác động của các hiện tượng này đối với người dân, và 2) tạo ra những công cụ cho phép thích ứng với các biến động này, hạn chế các tác động của chúng và cho phép quay trở lại tình trạng bình thường trong thời gian ngắn nhất có thể. Phương thức hành động này dựa trên dự báo những hiện tượng tương lai có thể xảy ra với các đô thị, nhất là :

- Đối với những sự kiện có cường độ thấp và trung bình, cần xây dựng những công trình hạ tầng với quy mô đủ để bảo vệ người dân cũng như tiêu thoát nước nhanh chóng hơn nhằm tạo thuận lợi cho sự quay trở lại tình trạng bình thường. Sự áp dụng các chuẩn mực quốc gia về xác định quy mô các công trình hạ tầng đô thị⁽⁷⁾ sẽ cần phải phù hợp với những biến động của các dự báo (đặc biệt là khi xác định quy mô các mạng lưới tiêu thoát nước và các công trình đê kè) ;

- Giảm đáng kể tính dễ tổn thương khi gặp các hiện tượng

cực đoan, thông qua sự phát triển các kịch bản ứng phó toàn diện nhằm bảo vệ người dân, đặc biệt là những người dân dễ tổn thương nhất (giám sát và quan trắc, thông tin dự báo phòng ngừa và tuyên truyền cho người dân, các hệ thống cảnh báo, chuẩn bị quản lý khủng hoảng, quản lý sau khủng hoảng).

CÁC CÔNG CỤ SỐ PHỤC VỤ PHÒNG CHỐNG RỦI RO Ở KHU VỰC ĐÔ THỊ

Sự phát triển như vũ bão của các công cụ số, gắn với sự phát triển khả năng tiếp cận dữ liệu, đã tạo thuận lợi cho nhiều ứng dụng mới phục vụ phòng chống rủi ro ở khu vực đô thị. Những tiến triển này có thể ảnh hưởng tích cực tới các đô thị Việt Nam trong việc tận dụng sự phát triển công nghệ số phục vụ cho quy hoạch địa phương.

(7) Hiện tại các chuẩn mực xây dựng công trình thoát nước đô thị được xác định dựa trên những hiện tượng đã ghi nhận trong quá khứ, thay vì những dự báo có tính tới biến đổi khí hậu.

Hình 3: Công viên Ayalades ở Marseille vào năm 2026 – EPA châu Âu – địa trung hải (Agence Leclercq).



Sự phát triển công nghệ hình ảnh vệ tinh phục vụ quan trắc các khu vực đã xây dựng trong tầm dài hạn cho phép các chủ thể ở địa phương có được những tầm nhìn mới và những công cụ thực sự hữu ích hỗ trợ quy trình ra quyết định. Ví dụ, hiện nay có thể so sánh sự tăng trưởng đô thị trong một giai đoạn nhất định và phân tích chính xác mật độ không gian xanh của một đô thị theo những quy định hiện hành. Việc sử dụng các công cụ này có thể dùng để phục vụ cho sự tăng cường khả năng chống chịu phục hồi của các địa phương. Một ví dụ khác là trung tâm CEREMA (Trung tâm nghiên cứu và tư vấn về rủi ro, môi trường, giao thông và quy hoạch Pháp) đã tạo lập một công cụ dự báo những nguy cơ nhiệt độ tăng cao ở vùng đô thị, công cụ này cung cấp những dự báo trước 2/3 ngày ở cấp độ của một khu phố và cho phép các chủ thể địa phương thực hiện

những biện pháp bảo vệ người dân. Một công cụ số khác được phát triển cho phép tận dụng những hình ảnh vệ tinh chụp trong những trận lụt để từ đó lập ra những bản đồ chuẩn xác của toàn bộ các khu vực bị ngập lụt trong phạm vi hàng chục và thậm chí hàng trăm km². Công cụ này cũng cho phép theo dõi tốc độ tiêu thoát nước. Loại công cụ này có thể có tính thiết yếu trong những giai đoạn ra quyết định về quy hoạch đô thị cũng như xác định các công trình hạ tầng phù hợp để giảm thời gian ngập lụt.

TAO THUẬN LỢI CHO THIẾT KẾ ĐÔ THỊ CÓ KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU VỚI NGẬP LỤT...

Ngập lụt không đồng nghĩa với không thể xây dựng hoặc từ bỏ hoàn toàn việc sử dụng một diện tích đất nào đó để xây dựng. Nhờ các phương pháp mô hình hóa các rủi ro ngập lụt, có thể tìm được các giải pháp xây dựng trên

những khu vực có thể bị ngập, nhưng trong một khuôn khổ nhất định và có dự kiến trước.

Ví dụ, ở Marseille, khu Canet (25ha) là một khu đường sắt cũ bỏ hoang và đã bị xuống cấp trầm trọng với dấu ấn của một quá khứ là khu công nghiệp. Khu vực này phải chịu những rủi ro ngập lụt lớn do lấn vào lòng suối Ayalades. Dự án của thành phố là chuyển đổi khu vực không thể xây dựng này thành công viên đô thị trên một diện tích 10ha, và có các công trình điều tiết nước với công suất lớn khi có lũ. Qua đó, dự án tạo ra được một không gian cây xanh cho người dân thành phố khi không có lũ lụt.

Một ví dụ khác: những trận lụt lưu vực sông Seine năm 2018 đã nêu bật sự thích hợp của quy hoạch đô thị ở Romorantin về phía thượng nguồn của Paris, với khu phố chịu ngập tốt. Mặc dù khu phố này đã bị ngập lụt, nhưng những thiệt hại là rất hạn

chế và giai đoạn bị ngập được hạn chế chỉ vài ngày nhờ vào thiết kế kiến trúc và đô thị của khu phố đã tính tới rủi ro này. Mặt khác, những khu vực chịu ngập là các không gian cây xanh trong thời gian bình thường và vẫn duy trì được chức năng đô thị (không gian giải trí, giảm nhiệt độ...)⁽⁸⁾.

...THÔNG QUA SỰ QUẢN LÝ QUỸ ĐẤT HỢP LÝ, LÀ NỀN TẢNG CỦA SỰ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ CÓ TRÁCH NHIỆM

Sự triển khai các chính sách phòng chống rủi ro thiên tai là một yêu cầu bắt buộc xuất phát từ các rủi ro biến đổi khí hậu ngày càng tăng. Để ngăn chặn sự xuất hiện của những rủi ro mới, cần phải tránh để người dân phải chịu rủi ro. Để đạt được điều này, Việt Nam có thể thực hiện một chính sách quan trọng về quản lý quỹ đất với mục tiêu là sử dụng quỹ đất một cách hợp lý và không áp dụng giải pháp cứng hóa tràn lan.

Với những công cụ pháp chế cả về mặt quy hoạch chiến lược cũng như về đô thị hóa và áp dụng trong thực tiễn đô thị hóa, Chính phủ có thể xác định khuôn khổ nghiêm ngặt hơn cho quản lý đất đai qua đó cho phép các đô thị Việt Nam đi theo một lộ trình kiên định để tăng cường khả năng chống chịu và phục hồi với biến đổi khí hậu.

Ở cấp độ quy định pháp luật, có những công cụ có thể hữu ích cho Chính phủ trong việc quản lý sự phát triển đô thị, với việc hình thành những công cụ về quản lý đất đai như luật về ưu tiên sử dụng đất đô thị, các quy

định về hạn chế sử dụng nền đất, hoặc thậm chí áp dụng các quy hoạch phát triển cho phép tránh xâm phạm các khu vực không thể xây dựng. Ở Pháp, những quy hoạch phòng chống rủi ro thiên tai là những tài liệu quy hoạch tạo nên các quy định về sử dụng nền đất tùy theo những rủi ro thiên tai có thể dự báo trước với mỗi khu vực.

Một ví dụ khác, trong thực tế, việc định hướng nghiêm ngặt hơn cho khu vực tư nhân để phục vụ triển khai các quy hoạch tổng thể của các thành phố và các tỉnh có thể được thực hiện trong khuôn khổ hoạt động của các công ty có sự tham gia vốn của cả chính quyền và tư nhân⁽⁹⁾, trong đó chính quyền giữ cổ phần chi phối để kiểm soát việc thực hiện tốt những văn bản quy hoạch và đô thị hóa.

Các doanh nghiệp Nhà nước tại địa phương này sẽ là những đơn vị thí điểm của các thành phố hoặc các tỉnh và có thể nhận một phần vốn ngân sách Nhà nước cấp để phục vụ cho sự phát triển đô thị. Với những đặc quyền với tư cách là đơn vị công, các doanh nghiệp này sẽ bảo đảm việc triển khai áp dụng những quy chuẩn, tham chiếu và nghĩa vụ cần thiết cho quá trình đô thị hóa có trách nhiệm về bảo vệ không gian tự nhiên và đất nông nghiệp và hạn chế những rủi ro khác nhau gắn với biến đổi khí hậu.

Ở Pháp, việc thành lập khu Eco-Vallée của thành phố Nice vào năm 2014⁽¹⁰⁾ cùng với đơn vị quản lý khai thác khu này (EPA Plaine du Var) có mục tiêu là

khuyến khích một mô hình phát triển đô thị mới kết hợp thành phố với tự nhiên trên một phạm vi hơn 10 000 ha, trong đó tích hợp những lối sống và phương thức cư trú mới trong khu quần thể này. Đơn vị khai thác vận hành đại diện cho chính quyền này bảo đảm việc tính tới những rủi ro khí hậu trong mô hình đô thị được đề ra (quy hoạch, hình thức, mật độ, vật liệu) và đặc biệt là tính tới những rủi ro về ngập lụt nghiêm trọng mà người dân phải đối mặt ở một khu vực rất dễ tổn thương do biến đổi khí hậu. Đơn vị này cũng phụ trách điều tiết sử dụng quỹ đất ở các khu vực có những thách thức đặc thù thông qua hạn chế đầu cơ và cứng hóa nền đất tràn lan.

Cuối cùng, với một phương thức tiếp cận mang tính chiến lược hơn, Pháp đã triển khai hai chiến lược quốc gia về quản lý đất đai trong hai giai đoạn khác nhau. Đây là một phương thức tiếp cận mà Việt Nam có thể xem xét.

Kể từ năm 1985, Pháp có một luật mang tên «Luật ven biển» có hiệu lực với 1 200 xã ven biển, qua đó cho phép bảo vệ các không gian tự nhiên, các khu vực cảnh quan và sự cân bằng sinh thái vùng duyên hải thông qua việc cấm xây dựng trên một dải bờ biển rộng 100m kể từ giới hạn cao nhất của bờ biển (ngoài

(8) "Ngập lụt, tốt nhất là dự báo trước", tập hợp báo cáo kỹ thuật AFD, O.Gilard, 2018.

(9) <https://www.lesepl.fr/>

(10) <http://www.ecovallee-plaineduvar.fr/>

Hình 4: Kế hoạch hành động quốc gia Pháp « không cứng hóa nền đất » - METE

Khuyến nghị	Các biện pháp được đề xuất
Nâng cao nhận thức về cứng hóa nền đất	Lập một cơ quan theo dõi quá trình cứng hóa nền đất
Đánh giá tiềm năng và chi phí khôi phục đất tự nhiên	Huy động dự án quốc gia để đồng tài trợ cho các khu vực có thể khôi phục tự nhiên (mỏ, đường và tòa nhà cải tạo phục vụ mục đích khác, v.v...)
Tạo thuận lợi cho sự tăng mật độ, cách tân và tái sử dụng các diện tích đô thị	Áp đặt một mức sàn về mật độ ở các quy hoạch đô thị địa phương (tức là một hệ số về mức độ sử dụng đất tối thiểu). Miễn thuế quy hoạch cho các dự án không sử dụng đất
Kìm hãm sự cứng hóa nền đất bờ biển	Hình thành một cơ chế thực hiện các biện pháp khôi phục tự nhiên để đổi lấy quyền cứng hóa nền đất (các biện pháp này được công nhận nhân hiệu trên cơ sở các tiêu chí minh bạch bởi một cơ quan bảo đảm chất lượng môi trường của biện pháp khôi phục tự nhiên).
Quản trị chuyên biệt	Ở cấp độ các tổ chức liên xã, xác định các khu vực không gian tự nhiên, đất nông nghiệp và đất rừng có thể chấp nhận cứng hóa nền đất, cũng như các khu vực để khôi phục tự nhiên.

các khu vực đã đô thị hóa). Chỉ có những công trình xây dựng tiếp nối những khu vực đã đô thị hóa (với đặc trưng là có mật độ xây dựng đáng kể) mới được cấp phép. Luật này cho phép các nhà quyết định chính sách ở địa phương có những phương tiện để triển khai một quy hoạch bền vững cho các vùng duyên hải (có khả năng điều chỉnh luật theo từng khu vực để thích ứng với những đặc thù địa phương), nhằm triển khai các dự án có quy mô hợp lý và phù hợp với những thách thức về kinh tế và môi trường phải giải quyết.

Song song với luật này, Cơ quan bảo vệ vùng duyên hải đã được thành lập. Đây là một tổ chức công nghiệp và thương mại công với mục tiêu là mua lại 1/3 dải bờ biển Pháp để tránh xây

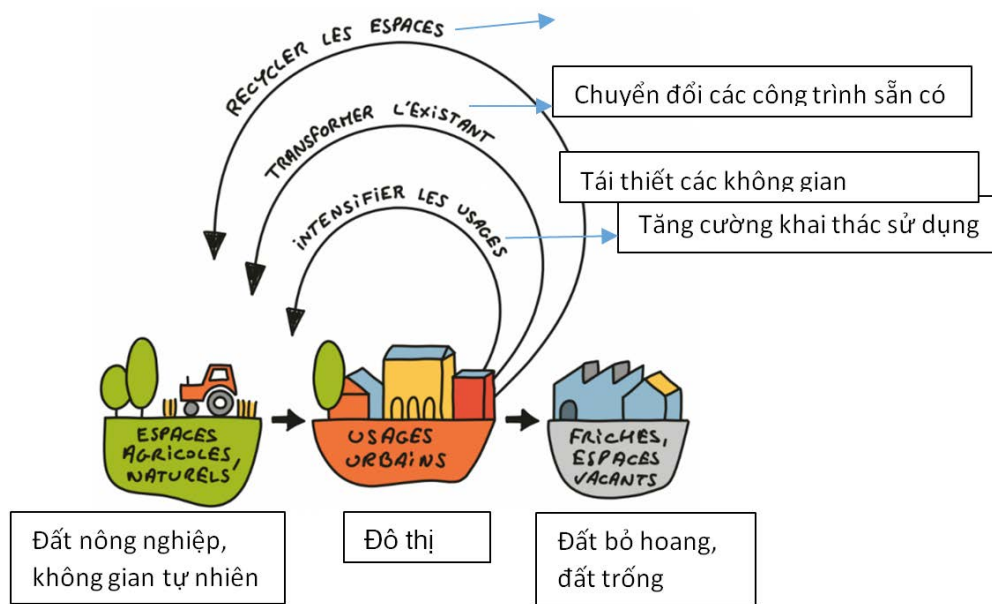
dựng hoặc cứng hóa nền đất. Cơ quan này có thể tiếp nhận các khu đất ở dải bờ biển cũng như các khu vực biển thuộc sở hữu Nhà nước (từ năm 2002), các vùng ẩm của các tỉnh duyên hải (từ năm 2005), các cửa sông, các dòng chảy thuộc phạm vi đất công và các hồ (kể từ năm 2009).

Gần đây hơn, Kế hoạch quốc gia «tuyệt đối không cứng hóa nền đất» đã được lập và triển khai vào năm 2019. Đây là một kế hoạch hành động quốc gia liên ngành do Bộ Chuyển tiếp sinh thái Pháp điều phối, với mục tiêu là đến năm 2050 sẽ hoàn toàn không có các công trình xây dựng ở các khu đất tự nhiên. Để đạt được mục tiêu này, kế hoạch hành động quốc gia này dự kiến một loạt các đề xuất (xem bảng ở hình 4), phù hợp với những cam

kết của Pháp trong khuôn khổ Thỏa thuận Paris.

ĐÔ THỊ ĐÓNG VAI TRÒ THEN CHỐT CHO THÀNH CÔNG CỦA VIỆT NAM TRONG THỰC HIỆN CÁC CAM KẾT KHÍ HẬU

Những ví dụ về ứng dụng ở Pháp được nêu ở bài viết này cho phép kìm hãm việc sử dụng đất nhưng không phải là một biện pháp khắc phục sự phát triển đô thị trải rộng. Ở Pháp, mặc dù đã có một loạt những quy định pháp luật và công cụ thực hiện dành cho các cơ quan chính quyền và các đơn vị công, vẫn có tới 30 000 ha bị cứng hóa nền đất trong mỗi giai đoạn 15 năm, tương đương với gần 1% lãnh thổ quốc gia. Nhận định này cho thấy tầm quan trọng của những sự chuyển đổi cần thực hiện và sự chậm thay đổi trong xây dựng



Dixit.net – Sylvain Grisot – “Đô thị tuần hoàn” 2020 - các phương thức tiếp cận hạn chế cứng hóa nền đất

đô thị.

Theo đó, sự phát triển các giải pháp kỹ thuật số, kỹ thuật, pháp lý và chiến lược đa dạng sẽ là thiết yếu để hỗ trợ cho sự tăng trưởng đô thị có khả năng chống chịu phục hồi ở Việt Nam. Là một nhà tài trợ quốc tế, AFD sẽ tiếp tục hỗ trợ cho các tỉnh và các thành phố trên toàn quốc để triển khai các giải pháp, nhất là thông qua sự hợp tác cùng Cộng Phát triển Đô thị⁽¹¹⁾. Tuy vậy, nếu xét đến cường độ của biến đổi khí hậu ở Việt Nam, những nỗ lực này sẽ là không đủ nếu mô hình tăng trưởng đô thị không được điều chỉnh.

Các luật đang được soạn thảo ở Việt Nam để hỗ trợ triển khai những cam kết tại COP26 là một cơ hội có một không hai để cho phép Việt Nam tìm ra những biện pháp nhằm bảo đảm sự bền vững của mô hình phát triển đô thị của mình tới năm 2050.

Tham vọng này có thể được cụ thể hóa 1) thông qua việc khuyến khích các đô thị triển khai các chiến lược kiểm soát cứng hóa nền đất (đặc biệt là thông qua những cơ chế hỗ trợ về thuế và tài chính), và 2) thông qua việc khuyến khích các mô hình hợp tác và đoàn kết địa phương, vốn cần thiết cho các nhà quyết định

chính sách cấp địa phương trong việc quy hoạch phát triển địa phương ở một cấp độ phù hợp.

Cuối cùng, xây dựng đô thị là một quy trình kéo dài. 80% đô thị của năm 2050 hiện đã được xây dựng. Cùng với việc đề ra các giải pháp để hạn chế sử dụng quỹ đất trong việc xây dựng 20% đô thị còn lại, cần triển khai các chính sách công phù hợp cho phần 80% gồm có các đô thị đã xây dựng. Các chính sách công tạo thuận lợi cho sự tái thiết các không gian đô thị và kiến thiết lại thành phố cũng có thể được triển khai ■

Cơ quan phát triển Pháp AFD có mặt ở Việt Nam từ năm 1994 và đã tài trợ cho gần 100 dự án với tổng mức cam kết gần 2,3 tỷ EUR trong nhiều lĩnh vực : năng lượng, giao thông, hạ tầng, nông nghiệp... phù hợp với những ưu tiên hợp tác của Pháp ở Việt Nam, AFD định hướng tài trợ để hỗ trợ cho việc triển khai Thỏa thuận Paris.

<http://vietnam.afd.fr>

(11) Bộ Xây dựng và AFD đã ký kết một thỏa thuận hợp tác vào năm 2022 để chính thức triển khai quan hệ hợp tác này.



XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ TIẾN TỚI CHÍNH QUYỀN SỐ - GIẢI PHÁP QUẢN TRỊ ĐÔ THỊ THÔNG MINH HIỆU QUẢ

● TÔ DŨNG THÁI(*)

Hiện nay, hơn ½ dân số thế giới đang sống tại các đô thị. Theo đánh giá dự báo của Liên Hợp Quốc, đến năm 2050, hai phần ba dân số toàn cầu và 64% dân số tại các nước châu Á sẽ tập trung sinh sống tại các đô thị. Tại Việt Nam, quá trình đô thị hóa cũng đang diễn ra mạnh mẽ. Với tốc độ tăng trưởng kinh tế ở khu vực đô thị trung bình đạt từ 12-15%, cao hơn từ 2-2,5 lần so với mặt bằng chung trong cả nước, khu vực đô thị giữ vai trò tạo động lực phát triển kinh tế của cả nước, tạo ra hàng triệu việc làm cho người lao động, góp phần quan trọng trong việc duy trì sự ổn định và phát triển chung của quốc gia. Theo mục tiêu đề ra trong Nghị quyết 06-NQ/TW về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, dự kiến toàn quốc sẽ có 950-1000 đô thị đến năm 2025 và đạt khoảng 1000-1200 đô thị vào năm 2030, hình thành một số trung tâm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng đạt các

(*) Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (VNPT)

Chỉ tiêu về y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa cấp đô thị tương đương mức bình quân của các đô thị thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN.

Bên cạnh lợi ích mang lại, vấn đề tập trung dân số đang đặt gánh nặng lớn lên hệ thống cơ sở hạ tầng công cộng hiện hữu của các đô thị vốn đã đạt đến ngưỡng hoặc vượt xa tuổi thọ thiết kế. Sự quá tải về cơ sở hạ tầng cũng kéo theo hàng loạt các vấn đề về môi trường, giao thông, y tế, v.v. gây ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống người dân trong khi nhu cầu của người dân ngày càng cao. Thêm vào đó, quá trình toàn cầu hóa và hội nhập cũng đặt ra yêu cầu cho các thành phố phải nâng cao hiệu quả hoạt động, năng lực cạnh tranh để thu hút các nguồn đầu tư nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững.

Để giải quyết được vấn đề này, chuyển dịch sang mô hình đô thị thông minh (ĐTTM) với việc ứng dụng rộng rãi các công nghệ mới (công nghệ 4.0) trong quản lý và vận hành đô thị là

xu hướng tất yếu trong sự phát triển của các đô thị trên toàn thế giới và tại Việt Nam. Đây cũng chính là nội hàm mô tả về Đô thị thông minh đã được Bộ TTTT đưa ra trong quyết định 829/QĐ-BTTTT ngày 31/05/2019 về Khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh (phiên bản 1.0). Theo đó: **Đô thị thông minh là đô thị sáng tạo sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông và các phương tiện khác để cải thiện chất lượng cuộc sống, phát huy hiệu quả các hoạt động và dịch vụ của đô thị, tăng khả năng cạnh tranh, trong khi vẫn bảo đảm đáp ứng các nhu cầu của hiện tại và tương lai đối với các khía cạnh về kinh tế, xã hội và môi trường.**

Một trong những vấn đề lớn nhất của các đô thị truyền thống là mô hình quản trị kém hiệu quả với các dịch vụ hoạt động một cách độc lập, phát triển theo

các chuỗi giá trị chiều dọc theo các lĩnh vực. Trong mô hình này, người dân phải tự tương tác với từng lĩnh vực và thông tin dữ liệu không được chia sẻ, gây giới hạn khả năng phối hợp và hợp tác giữa các lĩnh vực, cũng như giữa chính quyền và xã hội, tạo ra một hệ thống công kênh và chậm chạp, khó thay đổi.

Trong đô thị thông minh, các dịch vụ được cung cấp theo thời gian thực trên một nền tảng mở và đa tương thích, cho phép tích hợp hoạt động của các cơ quan chính quyền thành phố, theo các phương thức tối ưu tới người dân. Qua đó vừa giúp nâng cao chất lượng các dịch vụ công hiện hữu, vừa góp phần tạo ra các dịch vụ và giá trị mới. Lãnh đạo các cấp chính quyền cũng có thể cân đối ngân sách một cách tổng thể và linh hoạt hơn để hướng đến các giá trị kinh tế chung thay vì gói gọn trong một lĩnh vực nhất định. Mô hình này cũng cho phép thiết lập hệ thống quản trị xuyên suốt để hỗ trợ và đánh giá hiệu quả các thay đổi ở mức độ vĩ mô. Sự khác biệt và vượt trội của mô hình quản trị đô thị thông minh được trình bày cụ thể trong Hình 1.

Với việc ứng dụng và phát huy hiệu quả các công nghệ 4.0 như trí tuệ nhân tạo (AI), phân tích dữ liệu lớn (BigData), vạn vật kết nối (IoT), điện toán đám mây (Cloud), ... các hệ thống quản lý của ĐTTM sẽ trở lên thông minh hơn, có khả



năng đưa ra những kết quả phân tích, cảnh báo, dự báo, khuyến nghị, ... gần như thời gian thực về mỗi biến đổi của thực tế đời sống đô thị. Các công nghệ 4.0 mở ra khả năng vô hạn trong việc cải tiến, nâng cao hiệu quả trong tất cả các mặt hoạt động của thành phố thông minh từ các hoạt động định hướng, quy hoạch vĩ mô cũng như trong các hoạt động điều hành, quản lý hàng ngày như: dự báo hiện tượng ùn tắc để phân luồng sớm các phương tiện giao thông; phát hiện và cảnh báo các hành vi gây rối, vi phạm trật tự xã hội; tương tác tự động với người dân; cảnh báo lây lan dịch bệnh; phát hiện và kiểm soát ô nhiễm môi trường; ... ĐTTM sẽ tiến hóa nhanh chóng từ mức độ tin học hóa, cung cấp trực tuyến các dịch vụ công hiện có, sang mức độ cao hơn tạo ra các mô hình hoạt động mới, thay đổi quy trình làm việc, thay đổi cách

thức cung cấp dịch vụ, nâng cao chất lượng và thời gian cung cấp dịch vụ công mới. Điều này phù hợp với lộ trình phát triển từ chính quyền điện tử lên chính quyền số theo “Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030” của quốc gia.

Với kinh nghiệm tham gia tư vấn và triển khai ĐTTM cho hơn 40 tỉnh/ thành, VNPT đã rút ra một số bài học phù hợp với thực tế tại Việt Nam, mà chính quyền địa phương cần ưu tiên từ hạ tầng, đến các giải pháp chuyển đổi số cụ thể, cũng như cách thức triển khai, để xây dựng và quản trị ĐTTM một cách bền vững và hiệu quả đến năm 2030:

Thứ nhất, xác định rõ các nguyên tắc chủ đạo trong việc tiếp cận và thực hiện xây dựng đô thị thông minh:

- Lấy người dân làm trung tâm: Việc xây dựng đô thị thông

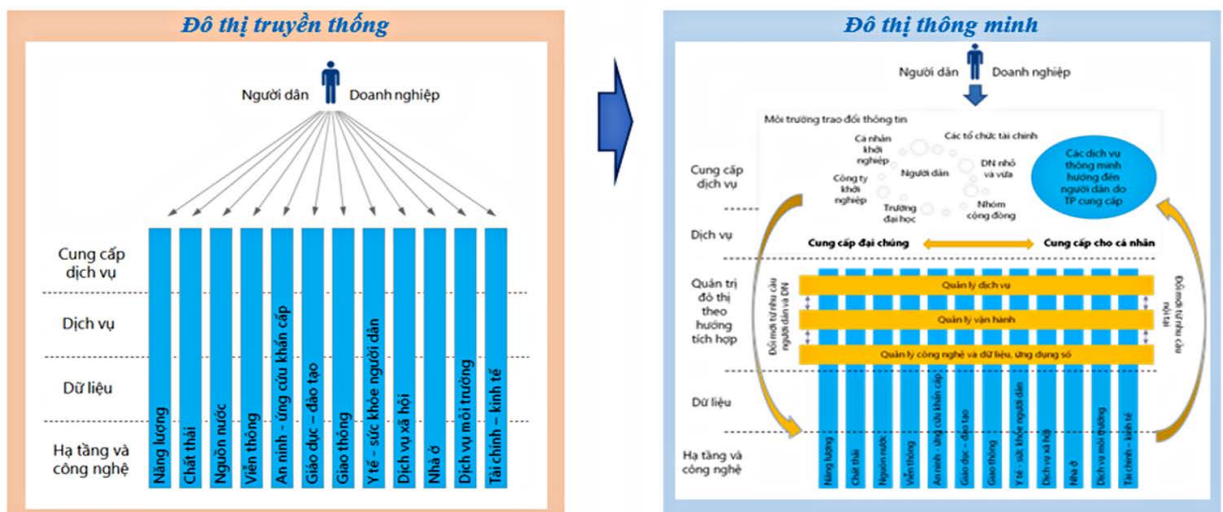
minh phải dựa trên nhu cầu thực tế của người dân, làm cho tất cả người dân được hưởng thành quả từ xây dựng đô thị thông minh.

- Đảm bảo năng lực cơ sở hạ tầng thông tin tạo ra hệ sinh thái số đáp ứng nhu cầu phát triển các ứng dụng, dịch vụ đô thị thông minh. Đẩy mạnh dùng chung cơ sở hạ tầng thông tin, khuyến khích dữ liệu mở.

- Đảm bảo tính trung lập về công nghệ; chú trọng áp dụng các công nghệ ICT phù hợp với đô thị thông minh như Internet vạn vật (IoT), điện toán đám mây, phân tích dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo... và có khả năng tương thích với nhiều nền tảng; tận dụng, tối ưu cơ sở hạ tầng ICT sẵn có.

- Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, năng lực ứng cứu, xử lý sự cố mất an toàn thông tin, đặc biệt là hạ tầng thông tin trọng yếu; bảo vệ thông tin riêng tư của người dân.

Hình1. Quản trị đô thị truyền thống và Quản trị đô thị thông minh



Nguồn: British Standards Institution

- Căn cứ nhu cầu và điều kiện thực tế, địa phương chủ động xây dựng và triển khai Đề án tổng thể xây dựng đô thị thông minh, có tầm nhìn bám sát chủ trương, định hướng của Đảng và Chính phủ, gắn liền với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của mỗi địa phương, kế thừa và phát triển bền vững các giá trị văn hóa - kinh tế, xã hội, các giá trị vật chất và phi vật chất của các địa phương.

- Tăng cường huy động các nguồn lực xã hội (như đối tác công tư...) để xây dựng đô thị thông minh; đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan như chính quyền, người dân, doanh nghiệp...

- Tăng cường phát triển nguồn nhân lực phục vụ xây dựng đô thị thông minh;

Thứ hai, ưu tiên triển khai các nền tảng, hạ tầng số dùng chung phục vụ phát triển đô thị thông minh:

- Hạ tầng kết nối mạng tốc độ cao (mạng băng rộng cáp quang, mạng di động 4G, 5G): đảm bảo nhu cầu kết nối sẵn sàng, ổn định, mọi lúc, mọi nơi cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu giao dịch, trao đổi thông tin trên môi trường mạng.

- Hạ tầng điện toán đám mây: cung cấp tài nguyên lưu trữ, tính toán, kết nối với khả năng mở rộng linh hoạt, an toàn, tiết kiệm chi phí đầu tư/ vận hành, ... cho phép các tổ chức/ doanh nghiệp rút ngắn thời gian phát triển, triển khai, cung cấp dịch vụ.

- Hạ tầng vận vật kết nối

(IoT): cho phép tổ chức/ cá nhân thiết lập kết nối tới các thiết bị IoT từ xa, thu thập, quản lý chia sẻ dữ liệu với các ứng dụng bên ngoài mạng IoT... một cách hiệu quả, không phải đầu tư hạ tầng chuyên dùng để xây dựng, phát triển các ứng dụng IoT.

- Hạ tầng an toàn thông tin mạng: cung cấp dịch vụ an ninh thông tin đáp ứng yêu cầu bảo vệ an ninh, an toàn trên môi trường mạng của tổ chức, cá nhân.

- Nền tảng định danh người dân và xác thực điện tử: được kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất nhập cảnh, để phục vụ định danh mọi người dân trên môi trường số. Nền tảng sẽ có vai trò thúc đẩy toàn bộ các hoạt động chuyển đổi số quốc gia, đặc biệt cho các hoạt động thương mại điện tử, thanh toán điện tử, ...

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu: phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức. Nền tảng giúp nâng cao chất lượng dữ liệu, giảm bớt tình trạng dữ liệu trùng lặp, thiếu nhất quán. Từ đó tăng hiệu quả của việc quản lý, chỉ đạo, điều hành của cơ quan chính quyền do sử dụng cùng một nguồn dữ liệu thống nhất, tin cậy.

- Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu: cung cấp khả năng tổng hợp dữ liệu từ nhiều nguồn, chuẩn hóa dữ liệu, lưu trữ vào kho dữ liệu; phân tích,

xử lý dữ liệu theo nhu cầu; trình diễn dữ liệu theo nhiều chiều từ đó làm công cụ giúp các cơ quan nhà nước sử dụng, khai thác dữ liệu một cách có hiệu quả phục vụ công tác chỉ đạo điều hành.

- Nền tảng địa chỉ số: cung cấp các thông tin địa điểm chính xác để phục vụ cho các hoạt động liên quan đến định vị địa điểm, điều kiện quan trọng để cung cấp các dịch vụ bưu chính, dịch vụ thương mại điện tử, ... và các hoạt động liên quan đến quản lý an ninh trật tự, an sinh xã hội.

- Nền tảng bản đồ số: cung cấp bản đồ số các lĩnh vực: quản lý đô thị, dữ liệu kết cấu hạ tầng; sản xuất và bán lẻ; giao thông vận tải; quản lý đất đai, nông nghiệp; tài chính ngân hàng; cứu hộ, cứu nạn; thương mại điện tử... Nền tảng bản đồ số được tích hợp chặt chẽ với nền tảng địa chỉ số để đem lại trải nghiệm tốt nhất cho người dùng.

Thứ ba, ưu tiên triển khai những giải pháp, ứng dụng chuyển đổi số trọng tâm:

- Trung tâm điều hành thông minh: cung cấp cho lãnh đạo Chính quyền cách nhìn toàn diện, tập trung về các hoạt động đang tiếp diễn, thực hiện giám sát và quản lý chất lượng dịch vụ một cách tổng thể, cho phép phân tích dữ liệu lớn, hỗ trợ ra quyết định, xây dựng phương án tổ chức, quy chế, chính sách điều hành với các tình huống cụ thể trên tất cả các lĩnh vực.

- Hệ thống giám sát an ninh trật tự, giao thông thông minh: ứng dụng các thiết bị camera

thông minh để điều hành, quản lý hệ thống giao thông và giám sát trật tự an ninh xã hội, cung cấp giải pháp quản lý và giám sát camera tập trung, hướng tới mục tiêu mang lại hiệu quả cao nhất trong việc giám sát, quản lý vi phạm giao thông và đảm bảo an ninh, trật tự xã hội.

- Kho dữ liệu dùng chung: cho phép thu thập, trích xuất, chuyển đổi, làm sạch, chuẩn hóa, lưu trữ, quản lý; từ đó phục vụ triển khai Chính quyền điện tử, chính quyền số, thành phố thông minh.

- Cổng dữ liệu mở: là cổng thông tin cung cấp dữ liệu từ tổ chức, chính quyền cho người dân, là ứng dụng quan trọng hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương

trong việc chia sẻ các dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp hướng tới xây dựng thành công Chính phủ điện tử và Chính phủ số.

- Hệ thống Một cửa liên thông: là ứng dụng phục vụ cho các cấp sở, ban, ngành, quận, huyện, thành phố - trong việc quản lý hồ sơ, thủ tục hành chính của cơ quan các cấp; phục vụ cho công dân trong việc tra cứu thủ tục hành chính, tra cứu hồ sơ, nộp hồ sơ trực tuyến và công khai tình trạng giải quyết hồ sơ; trợ giúp các Cơ quan quản lý nhà nước nâng cao chất lượng phục vụ công dân, tổ chức.

- Hệ thống thông tin quản lý đất đai: hỗ trợ công tác quản lý nhà nước về đất đai; Cung cấp

thông tin công khai trên các hệ thống thông tin để minh bạch thông tin tới người dân, doanh nghiệp.

- Hệ thống tương tác và xử lý phản ánh kiến nghị đa kênh: phục vụ cho các cơ quan nhà nước, tổ chức doanh nghiệp tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị cũng như giải đáp thắc mắc của người dân một cách nhanh chóng, chính xác. Phần mềm giúp giảm thiểu tối đa thời gian, đơn giản hóa quy trình tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị, tạo ra phương tiện kết nối hiệu quả giữa người dân và chính quyền.

- Giải pháp thanh toán trực tuyến: cung cấp các dịch vụ thanh toán số đáp ứng nhu cầu



thanh toán tiện lợi, an toàn, nhanh chóng cho hầu hết các nhu cầu hàng ngày: thanh toán dịch vụ công, nạp thẻ cào, cước di động, truyền hình, internet; điện, nước, mua vé xem phim, vé máy bay, bảo hiểm...

- Hệ thống quản lý giáo dục: Cung cấp công cụ quản lý mới, khoa học cho Phòng/Sở giáo dục; Giảm bớt công việc thủ công, các thủ tục hành chính trong quản lý, tiết kiệm thời gian, chi phí, nâng cao hiệu quả công việc của nhà trường; Giúp phụ huynh học sinh nhận thông tin nhanh chóng, chính xác về tình hình học tập của con/em.

- Hệ thống quản lý y tế: Quản lý thông tin về các cơ sở y tế các cấp. Giúp cơ quan chính quyền nắm bắt kịp thời hoạt động của các cơ sở y tế và tình hình dịch bệnh tại địa phương.

- Hệ thống lắng nghe mạng xã hội: giúp các cấp lãnh đạo, chính quyền có thể lắng nghe, thấu hiểu người dân, giám sát tin tức một cách kịp thời và hiệu quả qua việc thu thập, phân tích

thông tin từ nhiều nguồn: báo chí, mạng xã hội, diễn đàn, ...

- Hệ thống giám sát môi trường: hệ thống ứng dụng công nghệ IoT để thu thập, giám sát và cảnh báo các thông tin về ô nhiễm không khí, nguồn nước, ...

Thứ tư, tổ chức triển khai đồng bộ, nhất quán: Công nghệ chỉ là công cụ hỗ trợ chứ chưa phải là quyết định nhất đến sự thành công của việc phát triển đô thị thông minh. Để thực hiện thành công đề án đô thị thông minh, các địa phương cần tiến hành đồng bộ việc triển khai các giải pháp công nghệ với việc tổ chức, duy trì bộ máy chỉ đạo và điều hành xuyên suốt, đồng thời gắn kết với các chương trình phổ cập truyền thông để mọi cán bộ, công chức, người dân hiểu và sẵn sàng tham gia trong hành trình chuyển đổi số chung của địa phương.

Là một tập đoàn công nghệ hàng đầu và tiên phong trong chuyển đổi số quốc gia, bằng những thế mạnh về hạ tầng

số, an ninh số, hệ sinh thái số, VNPT đã tham gia tích cực và đạt được nhiều thành công trong hoạt động chuyển đổi số của đất nước trên cả 03 trụ cột Chính quyền số, Kinh tế số và Xã hội số. Các giải pháp chuyển đổi số do VNPT phát triển đã được triển khai tại hầu khắp các bộ, ngành, địa phương. Nhiều dự án quốc gia thành công có sự tham gia tích cực, chủ đạo của VNPT như: Hệ thống báo cáo quốc gia kết nối thông tin với 80 bộ, ngành, địa phương, tập đoàn, tổng công ty nhà nước với trên 500 chỉ tiêu thông tin báo cáo trực tuyến; Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đang quản lý thông tin của gần 100 triệu công dân Việt Nam; Cổng dịch vụ công quốc gia cung cấp gần 3500 dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp; ... VNPT luôn sẵn sàng đồng hành cùng các tỉnh/ thành phố trong việc phát triển và triển khai Đô thị thông minh bền vững, thực hiện thành công mục tiêu được Ban Chấp hành Trung ương đề ra ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Chính trị; Nghị quyết số 06-NQ/TW về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 ;<https://moc.gov.vn/pl/Pages/ChiTietVanBan.aspx?vID=83&TypeVB=1>

- Bộ Thông tin và Truyền thông; Quyết định 829/QĐ-BTTTT về Ban hành Khung tham chiếu ICT phát triển đô thị thông minh (phiên bản 1.0); https://mic.gov.vn/Pages/VanBan/14342/829_Qd-BTTTT.html

- Cục Phát triển đô thị (Bộ Xây dựng); Tọa đàm “Ngày Đô thị với quá trình đô thị hóa ở Việt Nam” ;https://moc.gov.vn/vn/_layouts/15/NCS.Webpart.MOC/mt_poup/Intrangweb.aspx?IdNews=7862

- World Economic Forum; Governing Smart Cities: Policy Benchmarks for Ethical and Responsible Smart City Development; https://www3.weforum.org/docs/WEF_Governing_Smart_Cities_2021.pdf

- E&Y; Five lessons in digital transformation from a smart city; https://www.ey.com/en_gl/digital/digital-transformation-smart-city-amsterdam

- Deloitte; Building the smart city; <https://www2.deloitte.com/content/dam/Deloitte/us/Documents/public-sector/us-fed-building-the-smart-city.pdf>